

# dân

số 3 / 1 - 12 - 1991

F O R U M

Nhân quyền

**Ba nhà văn  
Dương Thu Hương,  
Nguyễn Chí Thiện,  
Doãn Quốc Sỹ  
được trả tự do**

Dưới sức ép của dư luận, đặc biệt là sự hối thúc của nhiều chính phủ phương Tây, chính phủ Việt Nam phải chăng đã quyết định đáp ứng những yêu cầu tối thiểu về nhân quyền và bước đầu giải tỏa những trường hợp giam cầm vì chính kiến?

Trong tháng 11, người ta đã có thể ghi nhận việc trả tự do cho ba nhà văn Doãn Quốc Sỹ (ngày 2), Nguyễn Chí Thiện (ngày 15) và Dương Thu Hương (20.11). Được biết, trong

trường hợp Dương Thu Hương, chính quyền đã tìm mọi cách – kể cả gây sức ép trên gia đình – thuyết phục đương sự làm đơn xin “ ân xá ”, tức gián tiếp nhận tội đã “ vi phạm an ninh quốc gia ” (xem Đoán Kết số 434 và Diễn Đàn số 2). Trước sự từ chối cương quyết của nhà văn, bộ nội vụ đành phải tuyên bố phóng thích chị “ vì lý do nhân đạo ”.

Quê ở Hà Nội, 59 tuổi, Nguyễn Chí Thiện bị bắt tháng 4.1979 sau khi trao bản thảo tập thơ của ông cho một nhân (xem tiếp trang 4)

## MỤC LỤC

- 2 Bạn Đọc và Diễn Đàn
- 3 “ Bác Hồ ” hay “ Ông Hồ ” (Hàn Thủy)

### thời sự

- 1 Ba nhà văn được trả tự do
- 5 Việt Nam... đã qua... sắp tới
- 8 Ghi nhanh về lũ (thơ, Lê Chí)
- 9 Khoa học trong sóng gió thị trường (Bùi Mộng Hùng)
- 12 Để có được sự chung lòng chung sức (Nguyễn Lộc)
- 14 Hoà giải, hoà hợp (Lê Hùng)
- 15 Nouvelle donne en Indochine (Nguyễn Quang)

### Cộng đồng

- 17 Cộng Đồng...dây đó...đó dây
- 18 Triển lãm Reflets du Viet Nam (Hoài Văn)
- 20 Đại hội Hội NVNTP

Nhịp cầu giữa sông Seine và sông Sài Gòn (Nguyễn Hải)

### Văn hóa văn nghệ

- 22 Hoà hợp dân tộc và trách nhiệm nhà văn (Đặng Tiến)
- 26 Tinh thần dân tộc trong âm nhạc (Trần Văn Khê)
- 28 Nguyễn Trường Tộ, giấc mộng chưa thành (Vĩnh Sình)
- 31 Cư trú (truyện ngắn, Trần Chính)



Gần 100 bạn đọc đã tới dự buổi gặp mặt và thảo luận với ban biên tập Diễn Đàn chiều ngày thứ bảy 26.10 tại Centre Martin Luther King, Paris 14. Con số không nhỏ đối với một tờ báo mới ra được số đầu tiên (số 2, cũng vừa kịp in xong, được mang tới, nóng hổi nhưng dĩ nhiên chưa ai kịp đọc để có phản ứng). Trong không khí thân ái, những ý kiến nhiều màu sắc, những đồi hỏi nêu, của bạn đọc thâm giao càng làm cho chúng tôi thấy việc ra tờ báo là phù hợp với yêu cầu của rất nhiều bè bạn, đồng thời là một trách nhiệm thật nặng nề đối với những anh chị em trong "ê-kíp" làm báo. Những trách nhiệm chính trị mà không thể cứ lấp cờ rằng mình chỉ là một tờ báo để lẩn tránh. Trong cuộc trao đổi (qua đó, bạn đọc có mặt đã nhận diện những người của Diễn Đàn, mỗi người khi đứng lên phát biểu đều xác nhận tư cách thành viên của mình), chúng tôi cũng đã xác định lại một số ý đã được trình bày trên các số báo Đoàn Kết tháng 5.1991, và Diễn Đàn 1 và 2. Song tất nhiên, nhiều vấn đề quan trọng còn "tồn tại". Chỗ đứng của Diễn Đàn đối với chính quyền hiện nay ở Việt Nam là như thế nào, đối lập hay không đối lập? Diễn Đàn "phủ định" hay không phủ định quá khứ? Quan điểm của bộ biên tập về dân chủ (trong cụm từ "một diễn đàn vì dân chủ và phát triển") cần được cụ thể hoá hơn ở nhiều khía cạnh...

Dưới đây, bên cạnh những ý kiến của một số bạn đọc (hoặc đã được phát biểu hôm gặp mặt, hoặc được tác giả gửi tới toàn bộ sau đó), một thành viên Diễn Đàn xin nêu thêm một số suy nghĩ của mình, mở đầu một cuộc trao đổi về vị thế của tờ báo trong tình hình hiện nay.

## Le Ressaisissement des clercs

Sau Đại chiến thứ nhất, một học giả Pháp, ông Julien Band có cho ra một quyển sách nhan đề là "La trahison des clercs" (sự phản bội của bọn trí thức). Sách này vừa được phát hành đã có tiếng vang ngay trong giới văn học Pháp thời đó. Hiện nay, người ta còn giữ cái tên rất kêu đó. Hôm nay, tôi mạn phép các bạn cũng lấy lại cái "tít" rất kêu đó, nhưng đổi đi một chút. Nó sẽ là "Le ressaïsissement des clercs" (sự thức tỉnh của phái trí thức - Việt Nam tại Pháp).

(...) Le Forum Diễn Đàn của các ngài sẽ là một khí cụ để loan báo sự thực, để gào thét lên: đây là sự thực. Tôi mong rằng ý chí của các ngài không bao giờ tiêu tan. Như vậy, cuộc họp hôm nay nó sẽ là khởi nguyên của một cuộc phục hưng của xứ sở ta, nó sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới vì nó tỏ ra rằng: trí thức Việt Nam ở Paris đã ý thức được vai trò của mình.

(Ông Nguyễn Huy Bảo, Paris 14.)

## Tâm sự gửi người bạn đồng hành

Tôi đã đọc hai số báo đầu của Diễn Đàn, từ đầu tới cuối, thích thú. Một phần là nhờ nội dung thích hợp. Phần khác là do những cây bút nghiêm túc. Nhưng phần lớn nhất là do những người chủ trương tờ báo đã chấp nhận thách thức để có một tiếng nói hoàn toàn độc lập.

Vài dòng dưới đây xin gửi tới DĐ tâm sự tuy tầm thường, nhưng chưa được dịp nói ra của một Việt kiều vùng Paris.

Tôi sống ở đây từ đầu năm 1971. Đến nay là đã hơn 20 năm. Trong hai thập niên đó và trên thành phố này, quê hương Việt Nam và phong trào Việt kiều đã chi phối rất nhiều tâm tư và cuộc sống của tôi. Hăng say bao nhiêu, thất vọng bấy nhiêu.

Vào những năm 70, hình ảnh một Sơn Mỹ, nơi lính Hoa Kỳ đã ngang tay tàn sát đồng bào vô tội; hình ảnh những B52 giội bom Hà Nội, Hải Phòng như vào chảo không người...; và cạnh đó, hình ảnh một Quách thị Trang, một Nhất Chi Mai... đã thúc tỉnh tôi: "Dậy mà đi". Và từ đó, gắn liền một phần cuộc sống của mình vào phong trào Việt kiều tại Pháp.

Nhưng rồi những năm 80, hình ảnh những chiếc thuyền chở người tị nạn bập bênh giữa biển Đông đã biến tâm hồn tôi thành một con đò phiêu lưu, vô định. Và, khi niềm tin đã bị đánh mất thì thập niên 80 thật dài tựa băng thế kỷ!

Những lúc sau này, tôi thường nhớ lại câu nói xa xưa của một thằng bạn cũ, rất gần về tác phong nhưng lại rất xa về quan điểm. Hồi đó, hắn nói: "Chế độ Sài Gòn thối nát, điều đó tuy rõ, nhưng điều quan trọng hơn là nó không vĩnh viễn và có thể đổi thay. Còn với chế độ Hà Nội thì suốt đời mày vẫn chỉ là một công dân hạng nhì mà thôi".

Tôi đã làm và hắn cũng đã làm. Tôi đã làm khi tin vào chính sách hoà hợp, hoà giải dân tộc của Cách mạng Việt Nam. Còn hắn, hắn đã làm khi nghĩ rằng Cộng sản là vĩnh viễn. Phải chờ hai mươi năm, hoà hợp, hoà giải mới thật sự đến trong lòng hắn và tôi khi mỗi đứa đều đã mất đi cái "chân lý độc tôn" của mình.

Tâm sự này, hôm nay tôi gửi tới DĐ, như tới một người bạn đồng hành. Bởi qua đây, có lẽ tôi dám nhìn về tương lai mà không đánh mất một quá khứ.

(Ông Nguyễn Song Lam, Paris.)

## Về sự tìm kiếm một thế đứng

Câu hỏi của một bạn đọc hôm gặp mặt 26.10 vừa qua, về thế "đối lập" của Diễn Đàn với chính quyền, dễ mà thực ra khó trả lời.

Để, như người viết bài này đã nêu lên ngay hôm ấy: một tờ báo không phải của một tổ chức chính trị nào như tờ Diễn Đàn không cứ gì phải chọn lựa trong hai lập trường đối kháng, hoặc ủng hộ hoặc đối lập với chính quyền. Đúng nghĩa của một tờ báo, nó sẽ cố gắng thông tin trung thực, và bình luận theo suy nghĩ của mình. Nếu một hành động, một chính sách của chính quyền được người biên tập viễn cho là hay, là đúng thì người đó sẽ nói rằng đó là hay, là đúng; và tất nhiên, ngược lại, người viết hoàn toàn có quyền bình luận

rằng một hành động, một chính sách của chính quyền là sai, là có hại cho dân, cho nước, theo ý của người ấy. Nói cho đúng, ban biên tập của tờ Đoàn Kết cũ ra riêng, làm tờ Diễn Đàn này cũng vì muốn được ăn nói như ý mình như vậy. Đơn giản.

Nhưng hình như, vậy mà không phải vậy !?

Có ít ra hai luồng dư luận muốn coi điều đơn giản ấy khác đi (ở đây, cần nói rõ, người viết hoàn toàn không đánh đồng phát biểu của bạn đọc nói trên vào một trong hai luồng dư luận kia, mà chỉ muốn nhân đây trình bày một thực tế nào đó). Sự tình cờ (?) là hai luồng dư luận ở về hai cực đối nghịch trên bàn cờ chính trị. Của những người không quen chấp nhận bất kỳ một thái độ phê phán, phản kháng nào. Từ đảng Cộng sản Việt Nam và những tổ chức của họ, hoặc từ những người tự xưng là “quốc gia”, người ta cùng chia sẻ một phương trình : *phê phán chủ nghĩa xã hội = chống cộng*. Chỉ có tên gọi là khác. Một bên gọi anh là “*phản động*”, và từ trong bí ẩn của bộ máy, quá trình của lô-gic loại trừ đã khởi động, khó ai biết đích xác từ lúc nào. Bên kia, dĩ nhiên “hân hoan” đón anh “*trở về với hàng ngũ quốc gia*”...

Nói lên điều này không có nghĩa là nói cả hai bên chỉ toàn những người như vậy. Điều hiển nhiên, nhưng có lẽ nói ra không thừa !

Nhưng, hãy gác qua một bên những tín đồ của phương trình cực đoan nói trên. Câu trả lời về thế đứng của một tờ báo nghe ra vẫn chưa thuyết phục hẳn. Làm sao lại có thể đứng độc lập với chính quyền mà không đi với “bên kia” được ? Khó là vì thế. Vì cả một quá khứ gay gắt còn quá gần gũi, không cho phép những khác biệt được khẳng định. *Lô-gic chiến tranh* chỉ có hai bên, mỗi người dân cuối cùng đều chịu tổn thất. **Khó**, có phải vì còn một quá khứ xa xôi hơn nữa, một nét văn hóa “dân tộc”, chưa (không ?) quen sự tự khẳng định của mỗi cá nhân, tất cả cuộc sống đều do những tập thể (gia đình, làng xã, quốc gia...) chi phối, và do đó không ai có thể được định nghĩa mình ngoài cái khuôn khổ tập thể ấy – ở đây, trong một lĩnh vực dính nhiều tới chính trị, đó là khuôn khổ quốc gia – ? Người ta còn nhớ những bài viết này lùa của Phan Sào Nam, khẳng định : *Độc lập là do hợp quần mới có*. *Còn nếu như mỗi người một lòng, mỗi người tự làm riêng một đảng, khuynh loát lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau, đó là điểm ly tán tuyệt diệu, thì làm gì còn có độc lập ?* Vấn đề ở đây không phải là việc lập đảng khuynh loát lẫn nhau, lại càng không có sự tàn hại lẫn nhau, mà phải chăng, có thể và nên có một kiểu nhìn khác, xây dựng một tinh thần độc lập khác, trong đó người ta có thể suy nghĩ khác nhau mà vẫn cùng nhau sinh sống thuận hòa, cùng nhau hợp tác làm những công việc có lợi chung ? Trong một bài viết cực hay, nhà sử học Vĩnh Sính (trên số 5 và 6.1991 của đồng nghiệp Đất Mới, Canada) đã đổi chiều quan điểm của cụ Phan với quan điểm của Fukuzawa Yukichi, một chính khách Nhật sinh trước cụ chừng 30 tuổi. Fukuzawa Yukichi cho rằng căn bản độc lập quốc gia là tinh thần độc lập của mỗi người trong nước, rằng chỉ những người có tinh thần độc lập mới có thể toàn tinh sâu xa cho đất nước của họ. Chia sẻ quan điểm đó, người viết bài này thiển nghĩ rằng một tờ báo như tờ Diễn Đàn, muốn góp phần tranh đấu vì dân chủ và phát triển ở

Việt Nam, phải có tham vọng phá vỡ hai thứ lô-gic của quá khứ nói trên, lô-gic của chiến tranh và của một lối suy nghĩ có lẽ đã “góp phần” không nhỏ vào tình thế lạc hậu kéo dài của đất nước chúng ta.

Phải chăng, chỗ khác của tờ báo đối với các tổ chức chính trị là ở đó ?

Dĩ nhiên, chỉ có thời gian mới trả lời được một cách thuyết phục rằng thế đứng độc lập của tờ báo là thực như những “tuyên bố” của nhóm anh em chủ trương nó. Đồng thời là một thế đứng được, vượt qua được những thử thách, cạm bẫy muôn vàn của cuộc sống. Nhưng, nếu không đặt bước chân đầu tiên vào cuộc thách đố, làm sao để biết là có thể thắng ?

Hòa Vân

### Tái bút

Một tin mừng, cũng xin nhân dịp này thông báo cùng bạn bè thân thiết : tới ngày lên khuôn số báo này, số bạn đọc ghi mua dài hạn và ủng hộ Diễn Đàn đã đạt con số 600.

Cũng nhân đây, xin trả lời một câu hỏi một vài bạn đọc có đặt ra cho chúng tôi, về mục tiền “ủng hộ” báo. Số tiền 250F một năm là tiền đủ để ra 11 số báo - giấy mực, in, tem... nhưng hoàn toàn không đủ để Diễn Đàn tới được tay những *bạn đọc ở trong nước*, và cả một số không nhỏ ở Đông Âu, là những bạn đọc không có phương tiện tài chính để mua báo.

### Suy nghĩ nhỏ



“Bác Hồ”

hay “Ông Hồ”

Hàn Thủ

Ở đây xin dùng cụm từ “Chủ tịch Hồ Chí Minh”, để chỉ một người đã làm chủ tịch nước, cũng như có thể nói “Vua Quang Trung” và “Vua Gia Long”. Đó là những nhân vật lịch sử, gọi tên họ (không biết chữ “họ” này có ổn không ?) bằng vai trò lịch sử nổi bật nhất của họ là hơn cả.

Suy nghĩ nhỏ này nảy ra trong buổi ra mắt báo Diễn Đàn hôm trước. Một độc giả đã nói đại ý là : Trong Đoàn Kết bộ cũ, trước thì nói đến “Hồ chủ tịch”, “Bác Hồ”, gần đây lại có bài dùng chữ “Ông Hồ”, thế thì sau này sẽ đi đến đâu ? Không biết độc giả nhớ có đúng không, vì lúc đó tôi hơi ngạc nhiên nghĩ : “nếu mình có đọc chắc đã giật mình, sao không nhớ”. Trừ phi có thể hai chữ đó nằm trong một đoạn trích dẫn. Giật mình vì bạn và tôi đều kính trọng chủ tịch Hồ Chí Minh như một nhân vật lịch sử vĩ đại, đều khó chịu trước hai chữ “Ông Hồ”. ▶

## “Bác Hồ” hay “Ông Hồ”



Nhưng tại sao thế ? Nếu một người nước ngoài dùng chữ “Ông Hồ” một cách lịch sự nhưng không tôn kính, ta dễ dàng chấp nhận. Chúng ta có chấp nhận được một người Việt cũng xử sự như vậy hay không ? Riêng tôi chỉ mong những thế hệ sau trong người Việt ở nước ngoài có được khoảng cách cần thiết để nhìn lại lịch sử và tự mình đánh giá các nhân vật lịch sử Việt Nam một cách bình thản, nói về họ một cách lịch sự và tự trọng; trong các nhân vật lịch sử đó dĩ nhiên có chủ tịch Hồ Chí Minh, người mà đa số cha mẹ họ hiện nay chưa chắc đã muốn gọi là “Ông Hồ”.

Tiếng Việt phản ánh phần nào văn hóa và phong tục Việt Nam (trong đó không phải điều nào cũng xấu hay điều nào cũng tốt). Trong tiếng Việt có nhiều từ dùng xưng hô như : chú, bác, cha, mẹ, anh, em... nhưng không có từ hay cụm từ nào thực sự là một đại danh từ trung lập, dùng để chỉ người trước mặt hay người thứ ba, mà không mang theo bất kỳ một giá trị nào khác. Theo thiển ý, đó là do ở Việt Nam từ trước tới nay và từ Nam chí Bắc chưa bao giờ có bình đẳng. Một xã hội bình đẳng tự nhiên có một ngôn ngữ bình đẳng, tuy rằng điều ngược lại chưa chắc đúng, và tuy rằng bình đẳng cũng là một điều tương đối. Vì vậy, chỉ có một đề nghị nhỏ cho các nhà ngôn ngữ học và nhà văn Việt Nam, làm sao dịch chữ “il”, làm sao dịch chữ “vous”, vân vân... để một người có thể nói với hoặc về một người khác một cách bình thường và bình đẳng. Một cách giải phóng tư tưởng ra khỏi những gò bó vô hình của ngôn ngữ là làm cho ngôn ngữ giàu thêm.

Có thể bảo tiếng Việt có những nét riêng, không dính dáng gì tới dân chủ, tự do hay bình đẳng. Thực ra không hoàn toàn như vậy. Ngày xưa ở Pháp mấy ai được gọi là “Monsieur” ! Đến Cách mạng 1789, ai cũng là “citoyen” và có một thời ở nhiều nơi ai cũng là “đồng chí”. Đó là những biểu hiện ngộ nghĩnh về mặt ngôn ngữ, chiếm một chỗ trống nào đó trong những khát khao của một lý tưởng mới. Nhưng rồi một trật tự khác được lập lên, và tuy ai cũng bình đẳng, có những người “bình đẳng hơn những người khác”. Và những chữ quá lý tưởng kia, người “phó thường dân” không còn ai muốn dùng.

Trở lại một vấn đề thời sự có liên quan, mà thật ra không liên quan gì đến chủ tịch Hồ Chí Minh. Không biết giữa hai cụm từ “Ông Hồ” và “tư tưởng Hồ Chí Minh”, cụm từ nào đáng để đặt câu hỏi : thế thì sau này sẽ đi đến đâu ?

Tái bút.

Hàn Thủ

Tác giả trước viết báo Gió Nội, của sinh viên Phật tử tại Pháp giữa những năm 60. Sau một thời gian dài bút khô nay gặp duyên mực cháy lại, cho nên xin mạo muội tự giới thiệu. Bút hiệu lấy chữ trong bốn câu thơ nhà Phật, của một thiền sư nào nay đã quên:

Nhạn quá trường khlong,  
Ảnh trầm hàn thủy.  
Nhạn vỡ lưu tích chí ý  
Thủy vỡ lưu ảnh chí tâm.

tạm dịch :

Nhạn bay qua trời dài,  
Bóng chìm mặt nước lạnh.  
Nhạn không ý gửi hình,  
Nước không lòng giữ bóng.

## Ba nhà văn

(tiếp theo trang một)

viên đại sứ quán Anh ở Hà Nội. Phải đợi đến năm 1988, chính phủ Hà Nội mới công khai thừa nhận giam giữ tác giả “Hoa địa ngục”. Nhân kỷ niệm 30 năm thành lập tổ chức Amnesty International (Ân xá quốc tế), các đài truyền hình Pháp đã cho chiếu 30 phim ngắn (3 phút) nói về 30 trường hợp tù nhân chính trị ở 30 nước khác nhau. Ngày 10.11, các đài A2, FR3, La Cinq, M6 và Canal Plus đều giới thiệu bộ phim do đạo diễn Michel Deville thực hiện với nữ diễn viên Emmanuelle Béart đọc bức thư gửi ông Đỗ Mười về trường hợp nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ năm nay 68 tuổi, quê ở Hà Nội, bị bắt tháng 4.1984. Bị kết tội “tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội với ý đồ lật đổ chính phủ”, ông bị kết án 9 năm tù ngày 29.4.1988.

Tin từ Hà Nội cho biết bác sĩ Nguyễn Đan Quế cũng sẽ được trả tự do trong tháng 11 này sau phiên tòa xét xử, dự trù vào ngày 29.11.1991. Ông bị bắt tháng 6.1990 sau khi công bố một lời kêu gọi đòi nhân quyền, dân chủ, cải tổ chế độ chính trị, và bị kết tội “có hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân”. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, học đại học ở Pháp và Anh, là người đầu tiên ở Việt Nam thành viên của tổ chức Amnesty International. Theo bản cáo sau cùng của tổ chức này, trong năm qua có ít nhất 60 người ngồi tù ở Việt Nam vì chính kiến. Amnesty International đặc biệt quan tâm đến 41 trường hợp bị giam cầm lâu dài – từ 5 đến 15 năm – trong đó có 28 người được theo dõi hồ sơ và 13 người được tổ chức này bảo trợ. Ngoài các nhà văn Nguyễn Chí Thiện, Doãn Quốc Sỹ, còn có các ông Tô Huy Cơ (50 tuổi, bị bắt tháng 10.1982), Diệp Hồng Chiểu (70 tuổi, bị bắt tháng 6.1978), Trương Di Nhiên (58 tuổi, bị bắt tháng 9.1975), các tu sĩ công giáo Nguyễn Văn Lý (45 tuổi, bị bắt tháng 5.1983), Lê Thanh Quế (45 tuổi, bị bắt tháng 5.1983), các tu sĩ Phật giáo Thích Quảng Độ (58 tuổi, bị bắt tháng 12.1980), Thích Nguyên Giác (40 tuổi, bị bắt tháng 4.1984), Thích Đức Nhuận (63 tuổi, bị bắt tháng 8.1985), Thích Huyền Quang (62 tuổi, bị bắt tháng 2.1982), Thích Tuệ Sĩ (48 tuổi, bị bắt tháng 4.1984), Trí Siêu Lê Mạnh Thát (48 tuổi, bị bắt tháng 4.1984).

Theo tổ chức Reporters sans frontières (Phóng viên không biên giới), 7 nhà báo Việt Nam hiện nay đang bị giam giữ : Thái Nhu Siêu (67 tuổi, bị bắt tháng 7.1978), Trần Nhơn Cơ (58 tuổi, bị bắt tháng 5.1977), Nhu Phong, Hồ Nam, Phạm Thái Thủy, Châu Sơn và Nguyễn Văn Tân (bị bắt trong năm 1990).

Ngoài ra, theo chính phủ Việt Nam cho biết hồi tháng 5, 124 sĩ quan và công chức của chế độ Sài Gòn cũ còn bị giam giữ ở trại cải tạo Hàm Tân.

Cũng cần nhắc lại là từ tháng 5.90, linh mục Chân Tín vẫn bị quản thúc tại Cần Giờ, và ông Nguyễn Ngọc Lan tại nhà.

# *Vìệt nam... đã qua... sắp tới...*

## Khai thông ngoại giao

Tháng 11.1991 sẽ được ghi vào lịch sử ngoại giao Việt Nam như một tháng kỷ lục, ít nhất về mặt số lượng, và một phần nào, cả về chất lượng. Ngày đầu tháng, thủ tướng Võ Văn Kiệt hoàn thành cuộc viếng thăm những nước chủ chốt của khối ASEAN, chấm dứt 13 năm đối đầu. Ngày mồng 5, tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt chính thức đi thăm Bắc Kinh, bình thường hoá quan hệ Việt-Trung. Cuối tháng, cuộc gặp Việt-Mỹ sẽ đẩy thêm một bước quá trình (còn dài) của sự bình thường hoá. Giữa đó, lần lượt những bộ trưởng Anh, Úc, Pháp (ngoại trưởng Roland Dumas) đến Hà Nội. Cùng đi với họ, là những nhà kinh doanh lớn, muốn (hoặc họ muốn thúc đẩy) đầu tư vào Việt Nam, trước khi Mỹ đặt chân vào Việt Nam, và đầu sao đã chậm hơn Nhật, Đài Loan, Triều Tiên và các nước Đông Nam Á khác.

Về chuyến đi Trung Quốc, các nhà quan sát cho rằng về mặt kinh tế, việc giao thương sẽ phát triển, đặc biệt giữa Việt Nam và ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, tuy Bắc Kinh chưa chịu ký ngay hiệp định lập lại đường giao thông. Về chính trị, hai bên nhấn mạnh đến quan hệ hữu nghị giữa hai Nhà nước, tránh nói tới tình đồng chí giữa hai đảng, mặc dù cả hai đều chọn lựa "kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê". Sự kín đáo này có thể giải thích bằng lý do ngoại giao (tránh gây ra nghi ngại ở phương Tây và Đông Nam Á). Song nhiều nhà quan sát cho rằng về thực chất, đã có sự xích lại gần nhau về tư tưởng.

## Hội nghị cao cấp các nước sử dụng tiếng Pháp : Đẩy mạnh công cuộc dân chủ hóa

Hội nghị cấp cao lần thứ 4 của các nước sử dụng tiếng Pháp (francophone) đã họp tại Paris trong tháng 11 với sự tham dự của hơn năm mươi nguyên thủ và đại diện nước, trong đó có Việt Nam do phó chủ tịch Hội đồng nhà nước Nguyễn Hữu Thọ thay mặt.

Bản tuyên bố kết thúc hội nghị "hoan nghênh những tiến bộ vừa qua của nền dân chủ ở khắp thế giới, chào mừng vai trò quyết định của nhân dân mỗi nước trong chuyển biến này và cho rằng mỗi dân tộc sẽ tự quyết định lấy những con đường thích hợp để củng cố những định chế dân chủ". Nguyên thủ và đại diện của năm mươi nước có mặt còn "cam kết đẩy mạnh công cuộc dân chủ hóa" và "quyết định phát triển một số chương trình thích hợp trong chiều hướng đó". Trong khuôn khổ của tổ chức A.C.C.T. (tổ chức hợp tác văn hóa và kỹ thuật), một "đơn vị nhân quyền và dân chủ" đã được hình thành với chức năng thông tin, đào tạo và cả hỗ trợ những cuộc bầu cử.

Để chuẩn bị và theo dõi những quyết định giữa hai hội nghị, một "hội đồng thường trực" gồm 16 nước, trong đó có Việt Nam, đã được thành lập. Hội nghị cấp cao lần thứ 5 sẽ họp

năm 1993 tại đảo Maurice, và Việt Nam đã đề nghị tổ chức hội nghị lần thứ 6 tại Hà Nội năm 1995.

## Thụy Điển cắt giảm viện trợ

Alf Svensson, bộ trưởng viện trợ, trả lời báo Svenska Dagbladet : trong năm tài khóa 1992-93, viện trợ cho Việt Nam sẽ bị cắt giảm khoảng 1/3. Việt Nam sẽ trực tiếp nhận được của Thụy Điển 36 triệu đôla, thay vì 53 triệu. Tuy nhiên, số 16,5 triệu còn lại cũng sẽ tới tay Việt Nam, thông qua sự trung gian của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế FMI. Ông Svensson cho rằng "Chúng ta thấy Việt Nam đang có thay đổi. Tất cả các nước Tây phương cũng đang xét lại quan điểm về Việt Nam. Nay Mỹ cũng bớt tín hiệu sẽ bỏ cấm vận. Thế mà bây giờ chúng ta lại quay lưng với Việt Nam thì kỳ quặc quá".

(Lennart Simonsson, AP, 8.11)

## Đầu tư nước ngoài : 202 triệu đô la trong tháng 9.91

Theo Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, tính đến cuối tháng 9.91, tổng cộng đã có 314 dự án đầu tư của nước ngoài được cấp giấy phép với tổng số vốn là 2 tỷ 444 triệu đô la. Riêng trong tháng 9, có 12 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đầu tư 202,1 triệu đô la. Đáng chú ý nhất là dự án liên doanh với hai công ty Pan Viet Corporation và Central Trading and Development Corporation nhằm xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp xuất khẩu Tân Thuận. Vốn đầu tư của dự án này là 88,9 triệu đô la.

(Thanh Niên, 20.10.1991)

## Úc đẩy mạnh đầu tư

"Việt Nam là thời vận cho các công ty Úc đặt chân vào mặt bằng (ground floor) và năm lấy cơ hội này đang cởi mở về kinh tế", đó là lời tuyên bố của ông Neal Blewett, bộ trưởng thương mại Úc. Trong tháng 11, ông Blewett sẽ dẫn đầu một đoàn 21 giám đốc những công ty lớn về dầu mỏ, khoáng chất, ngân hàng, vận tải, dịch vụ và chế biến đi thăm Việt Nam.

Úc hiện đứng hàng thứ 5 trong các nước đầu tư ở Việt Nam, với tổng số 280 triệu đôla. Năm 1989, Úc xuất khẩu 80,8 triệu đôla sang Việt Nam, và nhập 18,9 triệu.

Tháng 10 vừa qua, chính phủ Úc tuyên bố tái lập viện trợ song phương cho Việt Nam nhưng không nói rõ con số. (Reuter, 12.11)

# *v i e t n a m . . . d ā qua . . . s ắp t ới . . .*

## **Liên doanh với Malaixia trong ngành ngân hàng và dầu khí.**

" Vietnam Investment Development - Public Bank ", ngân hàng liên doanh giữa Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam với Ngân hàng Public Bank Benhad của Malaixia, sẽ ra đời vào đầu năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh. Vốn pháp định là 10 triệu đô la, mỗi bên đóng góp theo tỷ lệ cân bằng. Đây là ngân hàng liên doanh với nước ngoài thứ hai của Việt Nam, sau IndoVina, ngân hàng liên doanh với Indonêxia.

Công ty Petronan Carigali Overseas của Malaixia cũng đã quyết định hợp tác với Tổng Công ty dầu mỏ và khí đốt Việt Nam (Petro Vietnam) để tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam. Thời hạn hợp đồng là 25 năm với chi phí ở giai đoạn tìm kiếm thăm dò là 65 triệu đô la. Đây là hợp đồng liên doanh thứ 13 trong ngành dầu khí Việt Nam.

(Tuổi Trẻ 12.10, Nhân Dân 26.9.91)

## **Mở đường bay với Hồng Kông.**

Tháng 10 vừa qua, hãng Air Hong Kong đã mở đường bay chở hàng đầu tiên đến thành phố Hồ Chí Minh. Từ nay, hàng tuần có hai chuyến bay và Air Hong Kong dự kiến sẽ tăng lên ba chuyến trong tháng 12.

Vào giữa tháng 12, hãng Cathay Pacific cũng sẽ mở đường bay chở khách từ Hồng Kông đến thành phố (Thứ hai và thứ năm hàng tuần). Một đường bay tương tự sẽ nối Hồng Kông với Hà Nội (Thứ tư và thứ bảy).

(Tuổi Trẻ 22.10.1991)

## **Không nên đầu tư vào báo chí**

Có phải đó là lời nhẩn nhủ của giới hữu trách Việt Nam với nước ngoài ? Câu hỏi đặt ra khi tờ tuần báo tiếng Anh *Vietnam Investment Review* vừa ra được số đầu tiên (27.9.1991) liền bị đóng cửa, vì những bài viết bàn về các vấn đề chủ đầu tư nước ngoài gặp phải ở Việt Nam không được vừa lòng chính quyền ! Tờ báo là một sản phẩm liên doanh của một tổ chức kinh doanh ngành xuất bản Úc và Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư của Việt Nam. Mục tiêu hiển nhiên của nó là cung cấp những tin tức, phóng sự trung thực về các vấn đề liên quan tới kinh tế, thương mại ở Việt Nam.

(Tạp chí Kinh tế Viễn Đông, 7.11.1991)

## **Tham nhũng : hơn 25 nghìn tỷ đồng !**

Sau một năm tiến hành chiến dịch chống tham nhũng, Tổng thanh tra nhà nước Việt Nam vừa cho biết đã tổ chức 2.572 cuộc thanh tra, qua đó đã " xử lý hành chính " 19.220 người.

Trong số này, có bảy thủ trưởng và tương đương, sáu lãnh đạo cấp vụ và tổng công ty, tám tỉnh ủy viên... Riêng ngành dự trữ quốc gia có 10% cán bộ viên chức bị xử lý, ngành ngân hàng có 2.128 người, trong đó có 134 cán bộ lãnh đạo. Số người bị khởi tố trước pháp luật về tội tham nhũng là 6.726 người. Nói chung, hoạt động xử lý được Tổng thanh tra nhà nước đánh giá là " yếu và chậm trễ ".

Số tài sản bị thất thoát vượt xa mức 25.000 tỷ đồng, gồm 1.947 triệu đô la (gần bằng tổng thu ngoại tệ của cả nước trong một năm), 1.510 tỷ đồng (gấp ba lần ngân sách giáo dục), 1.253 lượng vàng, 33.895 tấn thóc... Số tài sản được thu hồi đạt " tỷ lệ thấp " : 240 tỷ đồng (15,9 %), 133 lượng vàng (10%), 10 ngàn tấn thóc (32%). Tổng thanh tra nhà nước đánh giá cuộc đấu tranh chống tham nhũng " hiện có khuynh hướng giảm sút ".

Trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ, ông Lê Quang Thẩm, phó tổng thanh tra nhà nước thừa nhận hiệu quả thanh tra hiện nay hoàn toàn phù thuộc vào quyết tâm của các bộ và ủy ban nhân dân. " Nói chung, cứ vụ tiêu cực nào ít thế lực, ít dây mơ rễ má thì mới xử lý nhanh được ". Không hiếm trường hợp như ở bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, người chịu trách nhiệm của một vụ tham nhũng (thứ trưởng Nguyễn Thiện Luân và vụ 51,8 tấn bột ngọt) đồng thời là người phụ trách công tác thanh tra của bộ ! Và, mặc dù được " trao quyền kết luận các đơn tố cáo liên quan đến các bộ trưởng, chủ tịch tỉnh ", cho đến nay Tổng thanh tra nhà nước " chưa làm được vụ nào ".

Theo ông Thẩm, tệ nạn tham nhũng hiện nay không chỉ phổ biến ở các ngành quản lý tiền, vàng, vật tư, mà còn phát triển nặng ở các ngành như giáo dục (tiết lộ đề thi) và trong lĩnh vực thi hành nghĩa vụ quân sự. Ông Thẩm công nhận, nói chung, trong các công việc hành chính, làm thủ tục gì có " xin " là phải có " điều kiện " chứ không phải được giải quyết theo chức trách.

(Tuổi Trẻ 28.9 và 8.10.1991)

## **Thất thu thuế : 600 tỷ đồng trong chín tháng.**

Theo báo cáo của cơ quan thuế, số thuế năm 1991 tồn đọng trong cả nước đến cuối tháng 9 lên tới hơn 600 tỷ đồng. Riêng thuế xuất nhập khẩu còn đọng trên 312 tỷ đồng, trong đó thành phố Hồ Chí Minh thiếu 246 tỷ, đồng Tháp 24 tỷ, Hải Phòng 17 tỷ... Những loại thuế khác còn đọng gần 300 tỷ, trong đó thành phố Hồ Chí Minh 142 tỷ (riêng xí nghiệp Bia Sài Gòn thiếu 70 tỷ), Hà Nội 72 tỷ (Tổng cục hàng không thiếu 31 tỷ)...

Theo dự trù của chính phủ, số dự thu cho ngân sách nhà nước 1991 là 8.630 tỷ đồng (xem ĐĐ số 2), trong đó thuế chiếm 34% (2.930 tỷ) và phần nộp ngân sách của các xí nghiệp quốc doanh 36% (3.200 tỷ). Ngoài số thuế thu không đủ, phần nộp ngân sách của các xí nghiệp quốc doanh cũng thiếu cả ngàn tỷ đồng (chú thích của ĐĐ). Trong những điều kiện đó, liệu con số dự trù bội chi ngân sách 2000 tỷ có thể giữ được hay sẽ bị vượt xa, kéo tỷ lệ lạm phát lên cao hơn nữa ? Người ta cũng không hiểu nổi, bằng cách nào mà chỉ thị số

# *Việt Nam... đã qua... sắp tới...*

312 - CT của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, với nội dung chính là " Từ nay đến cuối năm 1991 phải thanh toán xong tất cả các khoản thuế còn đọng từ trước đến nay ", có thể thực hiện được ? Có phép màu nào khiến cho, trong 3 tháng cuối năm, tự nhiên toàn bộ cán bộ ngành thuế năng động hẳn lên so với 9 tháng đầu năm, làm việc gấp nhiều lần hơn, thành thạo hơn và trong sạch hẳn lên, không còn móc ngoặc với bất kỳ một cơ sở kinh doanh nào nữa ?

Chỉ thị 312 cùng với những con số thất thu thuế nói trên, được đăng trên báo Nhân Dân ngày 19.10.1991.

## **Việt Nam - Mỹ trên sân cỏ**

Trung tuần tháng 9 vừa qua, một đoàn bóng đá học sinh Hà Nội đã sang Mỹ thi đấu giao hữu ở các trường trung học bang Connecticut và thủ đô Washington. Đoàn gồm 15 cầu thủ, từ 15 đến 17 tuổi. Các cầu thủ trẻ Việt Nam đã thắng hai, hòa ba trong năm trận thi đấu.

Trong thời gian ở Mỹ, đoàn học sinh đã được thống đốc bang Connecticut rồi phó tổng thống Hoa Kỳ tiếp tại Nhà Trắng. Linh mục Philips Cascia, người tổ chức chuyến đi của đoàn thể thao Việt Nam đầu tiên sang Mỹ, đã bày tỏ hy vọng rằng các trận đấu bóng đá sẽ giúp mở rộng cánh cửa quan hệ giữa hai nước và làm thay đổi quan điểm của giới hữu trách Hoa Kỳ (trong vấn đề Việt Nam).

(Thanh Niên 29.9, Tuổi Trẻ 5.10.1991)

## **Điện ảnh Việt Nam tại các liên hoan quốc tế : Giải thưởng Uppsala và Madrid cho *Gánh xiếc rong***

Lần đầu tiên sau ngày giải phóng, điện ảnh Việt Nam đã dự liên hoan phim Kim Mã của Đài Loan với hai bộ phim "Cánh đồng hoang" (1980) và "Vị đắng tình yêu" (1991). Đại diện cho hai phim đến Đài Bắc có đạo diễn Hồng Sến (Cánh đồng hoang) và nữ diễn viên Thủy Tiên (Vị đắng tình yêu).

Tại Nhật, liên hoan phim tài liệu Iamagata đã chọn mời phim "Chuyện tử tế" của Trần Văn Thủy. Được biết bộ văn hóa Việt Nam đã từ chối ký giấy phép cho đạo diễn Trần Văn Thủy đi Nhật vào đầu tháng 10 để dự liên hoan.

"Trang giấy trắng" bộ phim hợp tác giữa Việt Nam và Thụy Sĩ của đạo diễn Việt kiều Hồ Quang Minh đã tham gia vòng chung kết liên hoan phim Montréal tháng 9 vừa qua. Được biết bộ phim mới này do Hồ Quang Minh thực hiện ở Campuchia, đến nay, vẫn không được phép công chiếu ở Việt Nam.

Trong tháng 10 và tháng 11, phim "Gánh xiếc rong" (tức "Trò ảo thuật") của Việt Linh đã tham dự các liên hoan Uppsala ở Thụy Điển và Madrid ở Tây Ban Nha. Tại Uppsala, riêng thể loại phim thiếu nhi, có 9 phim thuộc các

nước Đan Mạch, Hà Lan, Irlande, Islande, Phần Lan, Pháp, Na Uy, Thụy Điển và Việt Nam vào vòng tuyển : phim Pháp "La fracture du myocarde" của Jacques Fansten đoạt giải ban giám khảo, phim Việt Nam "Gánh xiếc rong" đoạt giải khán giả.

Tại liên hoan nữ đạo diễn điện ảnh Madrid, ban giám khảo lại là chính khán giả. Trong 6 phim truyện thuộc các nước Bỉ, Canada, Hà Lan, Pháp, Mỹ và Việt Nam đi vào vòng tuyển, "Gánh xiếc rong" đã đứng đầu về số phiếu, đoạt giải lớn của liên hoan (với phần thưởng 100.000 pesos). Tham gia liên hoan Madrid, ngoài Việt Linh còn có nữ đạo diễn Việt nam quốc tịch Úc Trần Bảo Linh (Chan Pauline) với ba phim ngắn : *The space between the floor, Dusty hearts, Hang up*. Ba mươi hai tuổi, quê ở Sài Gòn, rời Việt Nam năm 1974, tốt nghiệp trường điện ảnh và truyền hình Úc, Bảo Linh dự kiến thực hiện bộ phim dài đầu tay tại Việt Nam.

## **Đơn giản hóa thủ tục về Việt Nam**

Nhà nước Việt Nam đã quyết định tạo điều kiện dễ dãi hơn cho Việt kiều về nước thăm gia đình - ông Nguyễn Ngọc Giao, phó ban Việt kiều trung ương đã cho biết trên báo Nhân Dân ngày 15.11 vừa qua (AFP, 15.11.91). Thông báo không nói rõ khi nào những qui định mới sẽ có hiệu lực.

Đối với Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam (và gia đình dù mang hộ chiếu nước ngoài), các sứ quán Việt Nam sẽ cấp thị thực nhập cảnh mà không cần hỏi ý kiến cơ quan nội vụ ở trong nước. Một sự tiến bộ so với hiện tại (thời gian cấp visa hiện nay lên đến một tháng rưỡi đối với Việt kiều đã về nước một lần), song việc một công dân Việt Nam cần xin thị thực nhập cảnh khi vào Việt Nam vẫn là một qui định bất bình thường.

Đáng chú ý hơn là qui định Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam sẽ được quyền tự do di lại ở Việt Nam như người ở trong nước.

Đối với Việt kiều mang hộ chiếu nước ngoài, thời gian cấp thị thực nhập cảnh là 15 ngày từ ngày cơ quan trong nước nhận được đơn, song thời gian chuyển đơn về nước (hiện nay lên đến khoảng một tháng) vẫn không được qui định rõ.

Đối với người ra đi bất hợp pháp muốn trở về Việt Nam, thời hạn để nộp đơn được qui định là 3 năm sau ngày định cư ở nước ngoài, "với điều kiện là không có vi phạm luật pháp Việt Nam hoặc có hành động chống đối Việt Nam".

Điều mà Ban Việt kiều trung ương không nói : đó là số đông Việt kiều về Việt Nam những năm vừa qua không làm đơn về thăm gia đình mà dùng thủ tục đi du lịch, nhanh gọn hơn, với lệ phí visa khoảng 120 đôla. Thực tế này lại được chính những cơ quan ngoại giao và nội vụ khuyến khích để góp phần cải thiện đời sống của nhân viên trong cơ quan.

(M.A.)

# Ghi nhanh về lũ ở đồng bằng sông Cửu Long

Lê Chí

Theo những tin tổng hợp, đợt lũ lụt tháng 9 năm nay (xem Diễn Đàn số 2) đã làm cho 136 đồng bào bị thiệt mạng, 128 ngàn ha lúa bị ngập, trong đó 72 000 ha mất trắng. Hàng trăm ngàn căn nhà bị sụp, tốc ngôi (tức khoảng nửa triệu người lâm cảnh màn trời chiếu đất), hàng ngàn trường, lớp học bị ngập nước, hư hỏng, khiến cho ở nhiều nơi, như An Giang, Đồng Tháp, nguyên tháng 10 các em học sinh không đi học được. Ước tính các thiệt hại lên đến 500 tỷ đồng. Cả nước, nhân dân và các cơ quan chính quyền đang hết sức giúp đỡ các tỉnh bị nạn. Nhiều tỉnh kêu gọi người Việt quê ở đồng bằng sông Cửu Long, hiện ở nước ngoài, giúp đỡ bà con quê nhà nạn nhân lũ lụt (một hình thức : gửi tiền về Mặt trận Tổ Quốc của tỉnh).

Khó có những lời nào tả hết được cảnh thương tâm trong một mùa lũ lớn. Dưới đây, chúng tôi xin đăng lại những cảm xúc của một nhà thơ.

Khi tượng thủy văn báo tin khẩn cấp :  
hôm nay mực nước ở Tân Châu 4,64 mét.

Hôm nay  
mực nước...  
vùi sâu những cánh đồng xanh non mút mất  
Hồng Ngự, Phú Châu, Mộc Hóa  
An Giang, Đồng Tháp, Long An  
biển lúa thành biển mất rồi !

Gió  
Sóng  
cuồn cuộn  
nước lên  
mái nhà chìm trong nước  
chấp chời cánh gà trên cành tre run rẩy  
đàn vịt long bong bên ngọn diên diến vàng.

Người leo nheo trên xuồng, trên ghe  
con chó con mèo trong khoang khoanh rúc  
bếp lửa pháp phỏng  
ngọn khói chao đảo chiều tĩnh lặng  
bữa cơm khoai chòng chành  
mắt người già xa xăm, tóc bạc rối bù  
trẻ con buồn hiu, mếu máo  
(có đứa vô tư vọc nước).

Cầm chắc là mất trắng một mùa lúa lớn  
rồi đổi theo mấy mùa ?  
những vườn quít vườn cam sai oắn chết đứng

Truyền hình Cảnh Thủ phỏng văn  
ông già vàng trán lớp lớp sóng nhăn, từng lời

uớt đầm :

- Biết là nước lên, nhưng đâu ngờ nó lên mau quá !

Sáng ra. Tối lại  
nước  
bốn bề nước  
đêm mưa đầm đen mịt tối và bệnh như kẻ ác thua cơ  
ra mặt.

Bao giờ nước rút ?  
Nó đang lên  
hung hăng !

Dự báo thủy văn khẩn cấp :  
đỉnh lũ ở Tân Châu sẽ lên 5,10 mét

Con người lênh đênh chống đỡ  
lá lành dùm lá rách  
(lá rách biết dùm lấy ai ?)  
một nắm khi đói  
lương tâm ấm lạnh  
thâu đêm.

Vậy mà sao không nghe ai nguyên rủa lũ ?  
bởi con người hay đâu  
rừng đâu nguồn bị sát phạt hết rồi  
động đất  
núi lửa  
cả máu những cuộc xung đột  
đã đe dọa cho lũ.

Có cách gì ngăn chặn được không ?  
bây giờ, đã muộn  
tương lai, thì chưa !

Trái đất chùng như quay nhanh hơn  
mới sáng đó  
rồi chiều đó  
rồi...



# KHOA HỌC TRONG SÓNG GIÓ THỊ TRƯỜNG

Khoa học kỹ thuật, cụm từ chúng ta hằng nghe quen tai từ bao nhiêu năm nay vừa đây được nghị quyết 26 BCT của Bộ Chính trị chính thức đem khẩu hiệu Khoa học và công nghệ thay vào (1).

Lấy từ công nghệ thay cho từ kỹ thuật và thêm một chữ và, để đánh dấu quan điểm mới của Đảng cộng sản Việt Nam về vai trò, nhiệm vụ, hướng đi trong hoạt động khoa học và công nghệ, trước sóng gió cơ chế thị trường đang lay chuyển đến tận gốc rễ một nền khoa học được quan niệm và tổ chức rập khuôn theo các nước xã hội chủ nghĩa.

Không phải bước vào cơ chế thị trường là các nhà làm khoa học ở Việt Nam ai ai cũng bị sóng gió cả. Báo Đại Đoàn Kết đã có lần cho đăng tựa “ Tiếp cận thị trường, chất xám ngày càng có giá trị ” (2).

Trước đây chất xám rẻ như bèo. Khi mà cơ sở sản xuất - chặng hạn một hợp tác xã trồng cây gì, trồng thế nào, canh tác ra sao, thu hoạch như thế nào - nhất nhất phải tuân theo lệnh trên, thì còn có cần gì đến kiến thức các nhà khoa học, kỹ thuật ? Tiến sĩ Đỗ Trọng Quyền, Việt kiều Tây Đức chuyên nông hóa thổ nhưỡng đem cả vợ con, vốn liếng dành dụm về nước năm 1984 chỉ mong được đem hiểu biết chuyên môn của mình đóng góp cho đất nước. Đến cuối 1990, anh tâm sự với nhà báo rằng mong ước của anh đã chặng thực hiện được mà bao nhiêu của nả đem từ Cộng hoà liên bang Đức về đến nay đã hết sạch, chưa biết xoay sở như thế nào để nuôi vợ nuôi con (2).

Trong cái tình cảnh lương chính thức hàng tháng một tiến sĩ tin học là 50.000 đồng, cán bộ khoa học kỹ thuật chỉ trông vào “ on trời ” được đi công tác nước ngoài nhân đó mà tần tiện dành dụm chút đỉnh đem về nhà sống trong ít năm, thì khi có chỗ làm ở “ ngoài ” lĩnh thêm khoảng 300.000 đồng một tháng đúng là nhẹ hẳn mỗi lo chạy gạo hàng ngày. Viện khoa học Việt Nam từ khi cơ chế thị trường bắt đầu manh nha ở nước ta sau Đại hội VI, ngân sách Nhà nước ngày càng cạn, đã thể chế hóa châm ngôn “ chất xám là hàng hóa ” bằng cách cho thành lập một loạt trung tâm, liên hiệp khoa học-sản xuất, làm ra sản phẩm để bán, tự bù đắp mọi

chi phí. Xí nghiệp tinh dầu chặng hạn, trước là một bộ phận của Viện Hóa, được hình thành từ năm 1987 để tinh chế các loại tinh dầu bạc hà, húng, hương nhu, quế, long não, v...v... xuất khẩu. Năm 1990, doanh số của xí nghiệp là 9 tỷ đồng, nộp thuế gần 1 tỷ đồng, thu nhập bình quân của cán bộ khoảng 200.000 - 300.000 đồng mỗi tháng.

Mừng cho các nhà chiết xuất tinh dầu, cũng như các khoa học gia trong Liên hiệp điện - điện tử Eleco, trong Liên hiệp cơ - điện - lạnh, trong Trung tâm phát triển kỹ thuật thông tin - liên lạc CTT. Được đem cái sở học nuôi sống lấy thân mình quả là một điều hạnh phúc khi những đồng nghiệp trong nhiều viện, nhiều ngành khác, nghề riêng khổ học trong hàng chục năm không đủ để ăn quà sáng (2).

Bình tâm mà xét lại, các bộ phận thuộc Viện khoa học Việt nam ấy hoạt động như những doanh nghiệp. Phó giám đốc CTT, giáo sư tiến sĩ Hoàng Xuân Nguyên nói : ” ...chúng tôi dành phải làm từ A đến Z, vừa nghiên cứu, vừa kinh doanh, nên có rất nhiều khó khăn ” . Những khó khăn mà giáo sư Nguyên nói là sự dụng chậm đến cơ quan thuế, công an, kiểm tra, kiểm sát... (2). Bộ phận nghiên cứu đã trượt qua thành xí nghiệp kinh doanh và phải làm những công việc bình thường của một doanh nghiệp. Chỉ không bình thường chặng, trong một cơ chế thị trường thật sự, là các thiết bị công nghệ hiện đại, xí nghiệp không phải xuất vốn đầu tư mà là của công.

Xin nói ngay rằng kẻ viết những hàng này không có chút ý định nào đem những nhà khoa học lấy tâm trí hiểu biết của mình sử dụng trang thiết bị làm ra của cải sánh với những bộ phận xí nghiệp quốc doanh, tẩu tán máy móc của công để túi đến mức chỉ còn bốn vách tường trống mà vẫn báo cáo kế hoạch để được nhận nguyên liệu về buôn bán lấy tiền nộp thuế và tiêu xài. Mà chỉ xin nêu hai câu hỏi.

Một là các xí nghiệp có vẻ phồn vinh này có khác gì tuyệt đại đa số những xí nghiệp trong 20 % xí nghiệp quốc doanh được tiếng là ăn nên làm ra, nhưng nhìn theo mắt nhà tư bản thì không đứng nổi trong kinh tế thị trường vì tiền lãi không đủ bù đắp máy móc hao mòn, nói chi tối đồi mới thiết bị cho theo kịp chuyển biến kỹ thuật trên thế giới.

Hai là, chức năng của nghiên cứu ứng dụng là chuyển nhượng và đào tạo, chuyển nhượng kỹ thuật mới, đào tạo người sử dụng phương pháp và kỹ thuật hiện đại, làm chất men kích thích cho nền sản xuất của cả nước. Đã hoạt động như một xí nghiệp nghĩa là phải ráo riết cạnh tranh, thì các cơ sở tiếng là nghiên cứu đó có còn ý chí chuyển nhượng kỹ thuật và đào tạo nhân viên cho người ta trực tiếp cạnh tranh với mình hay là sẽ khu khú ôm riêng lấy bí mật kỹ thuật như mọi xí nghiệp bình thường trong kinh tế thị trường ?

Nếu chỉ là một cơ sở phải lúng túng vướng mắc mâu thuẫn - trên nguyên tắc - giữa đời sống cán bộ nhân viên và chức năng nghiên cứu thì đã là một trong những trường hợp hiếm thấy, được diêm phúc vào bậc nhất rồi. Nào phải ai ai cũng ở trong những ngành nhờ yêu cầu thị trường mà lên như diều, chặng hạn như kỹ thuật vô tuyến, kỹ thuật điều khiển, máy vi tính đâu ! Rất nhiều viện, nhiều trung tâm, nghiên cứu để tìm hiểu, dự báo những hiện tượng văn hóa, xã hội, những đề tài thật thiết thân đến tiền đồ của dân tộc, như đa số các viện về khoa học xã hội, nào được may mắn như những trường hợp nói trên. Các cơ sở này thường lâm vào tình

trạng nhân viên phải chia phiên nhau cho lối có mặt một người trong văn phòng, còn cả viện thì chạy kiếm cơm bằng nghề khác, phần lớn cán bộ nhân viên cả tháng mới lò dò đến sở một lần, để lĩnh lương. Về chuyên môn phải chạy đôn chạy đáo để ký kết hợp đồng nghiên cứu với địa phương, với hợp tác quốc tế, tạo thêm nguồn thu nhập cho viện, nhưng thường là ký kết thực hiện một công trình đã làm xong từ nhiều năm trước, một cách trái hình bán chuyện cũ để mà đắp đổi qua ngày. Người xa vắng e rằng ngày ngày mắc lo chạy gạo như thế này không còn đâu tâm trí tìm tòi khảo cứu như những năm trước đây, thì chỉ vài năm nữa, khi bán cạn công trình nghiên cứu nghiêm túc rồi, lúc đó mới tro cái tình trạng khốn nạn của khoa học nước ta ngày nay !

Nói thế không phải là phủ nhận hiện nay không còn công trình nghiên cứu có giá trị. Vẫn có, thế mới lạ. Nhưng có được là do giá trị của con người, những con người đặc biệt, gặp phải cơ chế tổ chức éo le, nghề trong tay không nuôi nổi thân mình, dành chịu thức đêm thức hôm, sau những giờ quần quật chạy cơm bữa, đổ súc mòn vào công việc mê say. Nhưng sức người có hạn và đã biết bao nhà khoa học lỗi lạc của ta dành ôm hận bỏ nghề vì miếng cơm manh áo, vì chịu đựng không nổi những quan lãnh đạo khoa học, vốn hiểu biết chuyên môn đã chẳng được là bao mà tầm nhìn không quá lợi lộc trước mắt cho riêng cá nhân mình, chẳng ngăn ngại cướp lấy công trình mồ hôi nước mắt của quân dười trướng.

Làm khoa học luôn luôn phải có thêm nguồn máu mới. Máu mới ở đâu ra khi, sau những năm đằng đẵng học xong mảnh bằng, lương tháng chỉ đủ ăn lấy vài ngày, khi mà cả nền giáo dục của ta đang trên đà lụn bại. Chẳng cần nhìn đâu xa, chỉ so sánh với các nước xung quanh, Nam Triều Tiên có tỷ lệ 367 sinh viên đại học trên 10.000 dân, Thái Lan 127, trong khi ta vỏn vẹn có được 22 người. Sinh viên đã chẳng được là bao lại thêm tình hình hiện nay xui khiến người được gởi ra học nước ngoài không muốn trở về, năm qua là lần đầu tiên mà tỷ lệ sinh viên du học xin gia hạn ở lại lên tới 80% (3). Và phải chờ đợi là càng vào cơ chế thị trường thì chảy máu chất xám sẽ càng tăng. Kinh nghiệm ở Liên Xô cho thấy chỉ trong vòng một năm, đội ngũ khoa học già sút mất đến 10% (4).

Hiện tại bi đát, tương lai tối tăm. Bộ chính trị hẳn đã nhận định ra sự kiện này và nghị quyết 26 BCT nhằm tìm lối ra.

Vấn đề phải giải quyết vô vàn khó khăn, vì tình trạng một nước chưa phát triển và cũng vì cách tiếp cận, quan niệm vấn đề.

Vấn đề nan giải đầu tiên là đầu tư. Trong bao nhiêu năm nay ta vẫn được nghe nhắc đi nhắc lại lấy khoa học kỹ thuật làm then chốt, nhưng thực tế phũ phàng là “ Dù tính theo số tuyệt đối, theo tỷ lệ thu nhập quốc dân, theo đầu người hay theo đầu cán bộ khoa học, thì đầu tư cho khoa học nước ta đều thấp hơn nhiều so với các nước ở trong khu vực, và xếp vào loại thấp nhất thế giới.” (5).

Nghị quyết 26 nói phải dành 2% ngân sách Nhà nước cho kinh phí nghiên cứu khoa học(1).

Hồi năm 1981 nghị quyết 37 của Bộ chính trị cũng đã long trọng qui định mức 2% thu nhập quốc dân dành cho khoa học. Trong thập kỷ vừa qua ấy viện trợ Liên Xô hàng

năm còn lên đến 1,4 tỷ rúp, ngân quỹ Nhà nước không thiếu hụt nghiêm trọng như hiện nay thế mà quy định của nghị quyết đã chẳng khác chi lời hứa xuông. Chưa biết mức 2% của nghị quyết 26 này rồi sẽ ra sao. Có điều gần như chắc chắn là biện pháp quy định các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế cần dành một phần vốn của mình để chi cho công tác nghiên cứu triển khai (1), không thực tế trong điều kiện Việt Nam hiện nay. Vì lý do đơn giản là Nhà nước đang phải bao cấp khu vực quốc doanh bằng cách cho vay với lãi suất 2,4% trong khi lãi suất tiết kiệm là 4%, và phải bù hàng năm 500 tỷ vào chỗ cách biệt lãi suất này - không ít đơn vị quốc doanh dùng tiền vay đó gởi lại vào ngân hàng lấy lãi, ngồi chơi mà vẫn thu nhập cao - thế mà có tới một nửa số vốn cho quốc doanh vay bị đóng băng không trả nổi, và vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều đơn vị vẫn phải phụ thuộc vào vay ngân hàng với lãi suất thấp; thống đốc Ngân hàng Nhà nước khẳng định rằng quốc doanh không thể nào trụ nổi nếu không có trợ cấp trả hình này.(6). Hỏi khu vực quốc doanh lấy vốn đâu mà đầu tư vào nghiên cứu khoa học ? Còn trong khu vực tư doanh kinh nghiệm các nước phát triển là tầm cõi xí nghiệp có vượt quá một ngưỡng nhất định nào thì đầu tư vào nghiên cứu khoa học mới có lợi. Trước mắt và phải tính cả trong tương lai khá dài, tuyệt đại đa số xí nghiệp tư doanh của ta là tầm vóc nhỏ và trung, nghĩa là thuộc loại các xí nghiệp lẽ ra được Nhà nước, bằng cách này hay cách khác, trợ cấp nghiên cứu phát triển. Chẳng được trợ cấp lại còn bị bòn tiền nghiên cứu, xí nghiệp tư doanh làm sao cạnh tranh nổi trên thị trường quốc tế ?

Vì thế mà mô hình tổ chức nghiên cứu được giáo sư Đặng Hữu, chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước hình dung cho tương lai trong đó “ ... phần lớn các cơ quan nghiên cứu triển khai phục vụ trực tiếp cho ngành sản xuất thì hoạt động theo nguyên tắc tự cấp vốn ” (1) e không sát với thực trạng kinh tế.

Nhưng đó chỉ là một điểm chi tiết trong tổ chức nghiên cứu, thật ra cải tổ cho nền khoa học Việt Nam hiện nay đáp ứng được với kinh tế thị trường là một vấn đề hóc búa. Vì đã quá lâu thiên lệch trong quan niệm tổ chức, hệ thống viện nghiên cứu và hệ thống trường đại học gần như hoàn toàn không biết đến nhau. Vì trong suốt bao năm qua đã thiên lệch trong đào tạo, vừa thừa vừa thiếu nghiêm trọng. Thừa lý thuyết xuông mà thiếu thực dụng. Xin đơn cử vài con số để minh họa sự mất thăng bằng này : Cả nước chỉ có 23 phó tiến sĩ (PTS) công nghệ hàng tiêu dùng, 27 PTS công nghệ rừng, 22 PTS nghề cá, 83 PTS công nghệ thực phẩm, nhưng có tới 674 PTS kinh tế, được đào tạo theo kinh tế học xã hội chủ nghĩa bao cấp (2). Cái quan niệm cổ hữu còn tiềm tàng trong mô hình tổ chức do giáo sư Đặng Hữu trình bày - phân ranh cứng ngắc, nghiên cứu cơ bản về phần trường đại học , nghiên cứu ứng dụng dành cho viện khoa học quốc gia (1) - là phương thức hữu hiệu nhất để tiếp tục đào tạo ra như từ trước tới nay hàng lô sinh viên chỉ biết nói lý thuyết, vào đến thực hành thì ù ù các cạc. Vì lẽ người nắm thực hành thì không dạy, người dạy thì chỉ chuyên lý thuyết. Học trò rập khuôn theo thầy dạy là lẽ thường, trong khi đó kiến thức, kinh nghiệm, phương tiện thực hành cất một bên không truyền dạy được cho ai.

Kinh tế thị trường đòi hỏi một số lượng lớn người có kiến thức khoa học, ít ra số sinh viên đại học hiện nay của ta phải

nhanh chóng tăng gấp đôi. Nhưng đòi hỏi nhiều kiến thức không được phổ biến trong hệ thống đại học xã hội chủ nghĩa, như về kinh tế học, xã hội học, tin học, khoa học quản lý, v.v... Và cũng đòi hỏi đào tạo một mẫu người linh động, sáng tạo. Linh động và sáng tạo trong ứng dụng kiến thức đã dành, mà linh động trong nghề nghiệp, sẵn sàng bỏ việc đang quen qua làm trong lĩnh vực hoàn toàn mới lạ. Nghĩa là đào tạo mẫu người nắm phương pháp giải quyết vấn đề hơn là chỉ chuyên học một số kiến thức kỹ thuật cố định. Nói cách khác, kiến thức phải dựa trên căn bản văn hóa tổng quát vững chắc, không chỉ chuyên quá hẹp như của ta hiện nay.

Muốn đáp ứng yêu cầu đó cần quan niệm lại toàn thể hệ thống sinh hoạt và đào tạo khoa học của ta. Tăng ngân sách đầu tư, xóa bỏ ranh giới riêng rẽ trường đại học và viện nghiên cứu đã dành nhưng cũng cần xác định bằng luật pháp tính cách tự trị rộng rãi của các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học. Tự trị trong ngân sách, tự trị trong tuyển chọn nhân viên nghiên cứu giảng dạy dựa trên chỉ tiêu khoa học, tự trị trong hướng hoạt động khoa học, v.v... Quan niệm tổ chức có gọn nhẹ như thế mới đủ nhạy bén để đáp ứng nhu cầu khác biệt nhau tùy theo thời điểm, theo địa phương, và để không bị lạc hậu trong trào lưu tiến triển của thế giới.

Ngoài ra hoạt động khoa học còn đòi hỏi một môi trường, một không khí sinh hoạt mà ta chưa bao giờ tạo nên nổi. Ta thường ngạc nhiên trăm trồ thấy có những người Việt vừa ra khỏi môi trường trong nước đã thành đạt trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Ấy là ta không nhìn đến người nước khác đó thôi. Thành đạt của người Trung quốc, Ấn độ, Cận đông ở nước ngoài nếu không hơn thì cũng chẳng kém gì ta! Ấy là nhờ môi trường hoạt động khoa học, nhờ không khí học hỏi, tìm tòi, tranh luận tự do cởi mở không một lĩnh vực nào là cấm kỵ, nhờ thuận tiện gặp gỡ trao đổi bình đẳng với những người nắm vẫn đề vào bậc nhất trên thế giới, chẳng những trong giảng đường, trong phòng thí nghiệm mà ngay bên tách cà phê, bên ly rượu, trong quán ăn, bên lề đường. Ấy là cả một tập quán bàng bạc trong tinh thần, trong lối sống của xã hội.

Bị thiếu môi trường sinh hoạt khoa học đó thì người làm khoa học chẳng khác chi là quýt Giang nam bị bứng đem qua Giang bắc, quả đang ngọt trở thành chua ngay. Và đây cũng là vấn đề của Việt kiều trở về nước làm khoa học kỹ thuật. Một vấn đề phức tạp không đơn giản như nhiều người tưởng chỉ cần gọi vài trăm người Việt ở nước ngoài về là xong xuôi mọi chuyện. Người Việt sống trên đất Pháp đã trải trên mươi năm kinh nghiệm hợp tác khoa học với trong nước. Được một vài thành tựu, nhưng thất bại cay xót thì không kể xiết. Chắc chắn là bàn đến khoa học nước nhà không thể không tính đến người Việt ở nước ngoài. Nhưng khuôn khổ bài báo có hạn, xin được khất đến một bài khác.

Hoạt động khoa học là vấn đề hóc búa cho một nước đang phát triển. Nói cho cùng hoạt động khoa học của một dân tộc là gì nếu không là ý chí tiếp cận và giải quyết những vấn đề đang đặt ra cho mình bằng những kiến thức hiện đại nhất. Nó hàm ý dân tộc vững tin trong hướng đang đi, nhìn thẳng về tương lai. Làm sao bàn đến đầu tư sức người sức của vào hoạt động khoa học khi mà người dân kể cả những người làm khoa học phải chật vật chạy gạo từng bữa để sống qua ngày, khi những người nắm được tiền liền vung tay phung phí xa hoa ngay vì không đủ tin tưởng để đầu tư cho lâu dài, khi mà

Nhà nước mỗi năm mỗi giảm đầu tư cho tương lai của đất nước?

Tìm ra một hướng đi cho dân tộc được đa số nhân dân tin tưởng là điều kiện tiên quyết cho mọi cải tổ hoạt động khoa học của cả nước. Chỉ có một chính sách đoàn kết dân tộc, một chính quyền được nhân dân tín nhiệm qua tự do bầu phiếu mới thực hiện nổi nhiệm vụ này.

- (1) Làm Gì Để Phát Huy Mạnh Mẽ Động Lực Khoa Học Và Công Nghệ Trong Sự Nghiệp Đổi Mới. Phỏng vấn Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước Đặng Hữu ; Nhân Dân, 4.07.1991.
- (2) Minh Tuấn. Tiếp Cận Thị Trường, Chất Xám Ngày Càng Có Giá Trị ; Đại Đoàn Kết, 1-7.08.1991.
- (3) Murray Hiebert. An Education Crisis Follows Economic Reforms. The Drop - Out Factor ; Far Eastern Economic Review 19.09.1991. Xem bản dịch, Yếu Tố Bỏ Học, Diễn Đàn số 2, (1. 11. 1991).
- (4) Martine Barrère. La Science De L'Est En Déroute (Khoa Học Đông Âu Tán Loạn). Le Monde 17.07.1991
- (5) Đặng Hữu. Phát triển đất nước bằng khoa học và công nghệ. Tạp Chí Cộng Sản số 8 - 1991.
- (6) Báo cáo trước Quốc hội của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Cao Sĩ Kiêm ngày 9.8.91. Tuổi trẻ lược ghi trong bài Ba Nguyên Nhân Làm Tăng Giá Vàng, Đôla ; Tuổi Trẻ 10.08.1991.



**Phiếu mua dài hạn báo Diễn Đàn**

Tên họ .....  
Địa chỉ .....  
.....

ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số .....  
Kèm theo đây ngân phiếu đề tên **HA DUONG**, gồm :

.....FF, là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; các nước khác : 280 FF ; máy bay : DOM-TOM thuộc Pháp, 300 FF, các nước khác 330 FF)  
.....FF, là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và chèque về Diễn Đàn, 193 rue de Bercy, 75582 Paris Cedex 12, France

# dể có được một sự chung lòng chung sức

Những biến cố và tín hiệu liên quan đến Việt Nam càng lúc càng cho phép chúng ta khẳng định một điều : *Bây giờ không còn là lúc để cho bất kỳ ai trở lại với câu hỏi về sự cần thiết của một cuộc đổi mới thật sự và rốt ráo ở Việt Nam. Mỗi bận tâm hiện giờ là đổi mới như thế nào ?*

“ Thế nào ” ở đây gồm cả phương hướng, mục tiêu, phương pháp, và nhịp độ... Đó là những câu hỏi lớn, rất lớn, có ảnh hưởng đến toàn dân tộc, và do đó, còn có ảnh hưởng nhất định đến tình hình và sự ổn định của khu vực. Đứng trước những câu hỏi lớn như vậy, một nhu cầu tất yếu được đặt ra : Ta phải làm cách nào đây để động viên tinh thần, sức lực của nhiều người, thật nhiều người, một tập hợp rộng rãi trong dân tộc, để cùng nhau động não, tìm cho ra các lời giải cấp bách cho đất nước ?

Tác giả Trần Trọng Tín viết trên báo *Lao động chủ nhật* số ngày 18.8.1991 : “*Đánh giá đúng tình hình là tiền đề quan trọng nhất để đi tiếp con đường đổi mới. Tôi tin vào khả năng nhận thức và xử lý những vấn đề phức tạp mà Đảng đã nêu (tại đại hội 7). Lúc này không còn là lúc kêu ca kể khổ mà phải chung sức chung lòng tháo gỡ khắc phục khó khăn, đưa đất nước khỏi cơn khủng hoảng*”. Để có thể thật sự đi vào cuộc hành trình đầy gian khổ này, vấn đề cốt tử là tạo được sự “*chung sức chung lòng*” ấy.

Về phía lãnh đạo, tất cả phải bắt đầu từ một sự sáng suốt chính trị. Để có được một sự sáng suốt chính trị trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, thiết tưởng những nhà lãnh đạo đất nước không cần phải là những nhà tư tưởng lớn, có viễn kiến thật cao diệu, xuất chúng. Nhưng nhất định các vị ấy cần có được sự dũng cảm của người chiến sĩ cách mạng, và tinh thần trung thực, biết đau nỗi đau chung của đất nước. Sự dũng cảm sẽ giúp các vị ấy nhìn thẳng vào tình thế, chấp nhận những thử thách, những đòi hỏi thật gay go đặt ra bởi một dòng tiến hóa mà nhiều người đã khẳng định là không thể nào đảo ngược được.

Giai đoạn nghiền ngẫm, và định giá lại một thời đã qua của một mô hình xây dựng xã hội, trong đó Đảng Cộng sản nắm lấy vai trò độc tôn (và do đó, cũng khá cô độc), đã có

người làm. Và có lẽ, những thực chứng của một số tư duy mới (và cũ), thông qua các biến chuyển chính trị thế giới trong vòng hai năm qua, đã khá đủ để chúng ta tỉnh táo rút ra một số kết luận quan trọng : *Sự cần thiết phải quay về với chính năng lực của dân tộc mình, tìm ra trong đó chỗ dựa cho một quốc sách cứu nguy cho đất nước*.

Trong giới hạn của bài viết ngắn này, tôi chỉ xin được bàn đôi điều về sự đóng góp của những người trí thức, một vấn đề gần đây hay được đề cập.

Dựa vào các thông tin, mặc dù còn rất giới hạn, tôi tin rằng ít ra là một số người ở địa vị lãnh đạo Việt Nam thật tâm muốn tìm ra một sự chung lòng chung sức của cả dân tộc. Vì, tôi nghĩ, ở cái đáy cùng của sự nghèo khó, lạc hậu, trước những khó khăn chồng chập, nhiều bần, nhiều mệt, những người có tâm huyết ắt thấy ta không còn có con đường nào khác.

Và vì lẽ đó, sẽ dẫn tới việc các nhà lãnh đạo Việt Nam quay sang lớp trí thức của dân tộc để vấn kế, để kêu gọi sự đóng góp, để vận động một sự đổi mới. Một thứ “*ra đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến*” của những năm cuối thế kỷ 20. Lần lên đường này, không còn “*nóp với giáo mang ngang vai*” mà với trí tuệ, kiến thức, kỹ năng làm ra no ấm, thịnh vượng... Nếu việc vận động trí thức chưa xảy ra, nó sẽ xảy ra. Nếu nó đã xảy ra trong một tầm cỡ nhỏ hẹp, người ta sẽ cố gắng để triển khai nó sâu rộng hơn, đều khắp hơn.

Về phía những người trí thức thực tâm yêu nước, luôn luôn mong muốn có được những đóng góp tim óc của mình để làm cho dân tộc đỡ lầm than, đất nước còn có được một ngày mai tươi đẹp, ít ra cũng gọi được là “*ngóc đầu lên để nhìn thiên hạ*”, tôi cũng tin rằng họ sẽ sẵn sàng đón nhận một cơ hội chính đáng để xung phong phần mình. Tôi tin tưởng lạc quan như vậy !

□

Thế nhưng, sẽ rất là ảo tưởng nếu tin rằng hoàn cảnh đã chín muồi để cho một viễn cảnh tốt đẹp như vậy xảy ra. Ảo tưởng vì ta vội tin rằng những chán chường, nghi kỵ, chống báng, và ngay cả oán hờn nữa, từ nhiều người, nhiều phía, đã được tẩy sạch.

\* Bây giờ là lúc chỉ mới bắt đầu, vì thế, tôi xin được nói về điều kiện đưa tới sự hợp tác. Nói trắng ra, liệu những người trí thức, trong và ngoài nước, đã có đủ tin cậy nơi thiện ý và sự nhất quán của các nhà lãnh đạo đất nước hay chưa ? Thí dụ, tôi rất mừng khi đọc những lời biểu dương TBT Đỗ Mười của Giáo sư Lý Chánh Trung trong cách liên hệ cởi mở của ông (*Le Monde*, 16.10.1991). Nhưng liệu tôi có thể tin cậy tính nhất quán và phổ quát của điều biểu dương kia được tới đâu ? Với hiểu biết giới hạn của mình về tâm trạng người trí thức có nhiệt tình với quê hương, tôi xin mạnh dạn nói rằng : con đường đưa tới sự tin cậy còn lắm vướng mắc. Và vì còn thiếu tin cậy, việc lãnh đạo trong nước vận dụng được sự đóng góp của trí thức vào sự nghiệp chung, vì quyền lợi dân tộc, sẽ còn cần nhiều nghiệm chứng có tính thuyết phục hơn nữa.

Xin thử đặt vấn đề, qua tầm nhìn của một người sống ngoài nước.

Do hoàn cảnh đặc biệt, người trí thức đang sống ở nước ngoài có được một số lợi thế trong việc tiếp cận với các tiến bộ của các ngành khoa học, kỹ thuật hiện đại, và vì thế số vốn tri thức của dân tộc ở ngoài nước không phải là nhỏ. Thế nhưng, đại bộ phận trí tuệ của dân tộc hiện nay và sắp đến, vẫn nằm trong nước. Và cũng vì thế, vai trò chính yếu, cái phần đóng góp lớn nhất, cơ bản nhất vẫn là từ trong nước.

Khi đã ý thức được vai trò chủ chốt của người trí thức trong nước, người trí thức sống ở hải ngoại tất nhiên sẽ đánh giá sự thành tâm, thiện ý, và ngay cả sự sẵn sàng của những người lãnh đạo trong nước, qua sự hợp tác với lớp trí thức ở Việt Nam.

Đã quen với nếp sinh hoạt trong đó quyền trao đổi, thảo luận, và ngay cả tranh luận cho lẽ phải, cho sự thật — nhu cầu quan trọng trong việc mưu tìm những lời giải cho các vấn đề hóc búa của xã hội — được bảo đảm, người trí thức sẽ chăm chú theo dõi thể cách và khả năng hành xử của lãnh đạo Việt Nam đối với trí thức. Tức là khả năng của những người lãnh đạo trong việc lắng nghe, trao đổi, tranh biện, và xử lý ngay cả những ý kiến thật khác biệt, hoặc đối nghịch với ý kiến của những vị còn nắm quyền lực và cơ chế trong tay.

Trí thức ngoài Đảng sẽ chờ xem thái độ của Đảng đối với trí thức đảng viên. Trí thức hải ngoại chờ xem thái độ của Đảng và Nhà nước đối với trí thức trong nước. Ở đây, tôi không nhầm nói tới số ít, những trường hợp đặc thù, những “tên tuổi lớn”. Tôi muốn nói tới vấn đề một cách thật phổ quát. Phổ quát đến độ ta không cần phán viễn đến tên tuổi, thành tích của từng người trí thức trong cuộc ra để hiểu được sự việc.

Khi mà sự thảo luận thẳng thắn, có lý lẽ, có sự theo dõi, đánh giá của công luận, thay thế cho phương cách chụp mũ, hù dọa, kết án hoặc bài bác, ám chỉ bâng quơ (nhưng rất có “tác dụng”), khống chế bằng các biện pháp an ninh, hoặc kinh tế, hành chính, tâm lý..., lúc ấy sự tin cậy sẽ được củng cố. Khi đó, người ta mới thấy sự cần thiết và tác dụng tích cực của sự góp ý, phê phán, và để đạt nguyện vọng của mình hơn.

Tôi mong sao Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chấp nhận đối thoại với những người trí thức, đặc biệt và kể cả những trí thức tạm gọi là “chống đối” (không bạo động) chính sách của Đảng. Hãy bàn về cái đúng cái sai một cách công minh. Hãy tạo ra một cuộc đối thoại ngay thẳng và có trách nhiệm cho tất cả các bên.

Tôi tin đó là cách thuyết phục mà người trí thức dễ hiểu và sẵn sàng để hiểu hơn cả. Chính sách công an trị có thể làm cho những thân xác bị câu thúc, nhưng sẽ không thuyết phục được ai. Có chăng là làm trầm trọng thêm sự phân hóa rất tai hại trong dân tộc.



Khi đã bắt đầu thiết lập được một môi trường thoáng hơn cho sinh hoạt tư duy của người trí thức, tôi tin chắc rằng những sự hậm hực, bực tức, sẽ có cơ được giải tỏa. Những bất

đồng sẽ không bị đẩy sang thành những bất bình. Những phản ứng sẽ không bị dồn ép thành phản kháng. Các tranh cãi hai chiều (hoặc một chiều... ruồi) sẽ mở ra thành các cuộc thảo luận nhiều chiều, ít gay gắt hơn, rộng rãi hơn. Từ đó, các nhà lãnh đạo nhất định sẽ có cơ hội được nghe những điều cần nghe.

Và, tốt đẹp hơn cả có lẽ là một cơ hội để mọi người tập trung hơn vào việc đi tìm một lời giải cho vấn đề Việt Nam sắp tới, thay vì còn bế tắc quẩn quanh trong việc thuyết phục nhau về cái cũ, cái đang tàn lụi. Lúc bấy giờ, may ra tâm thức xã hội sẽ chuyển từ cầu an, thờ ơ, bất hợp tác, hoặc phá phách sang hướng năng động, hợp tác và xây dựng hơn.

Nói cụ thể hơn nữa, tôi thành khẩn mong muôn Nhà nước Việt Nam chấm dứt việc bắt bớ, cầm giữ (dưới mọi hình thức) những người trí thức vốn có thái độ, phát biểu đối nghịch với các suy nghĩ chính thống (một thời) của chế độ, bất kể nguồn gốc, quá khứ của họ... Hãy trả tự do cho những Dương Thu Hương, Nguyễn Đan Quế, Doãn Quốc Sỹ, Đoàn Viết Hoạt, vân vân... Hãy xử lý hợp đạo lý và công lý đối với những người trước đây bị trù dập, bạc đãi, lén ám chỉ vì lập trường, tư tưởng của họ... Yêu cầu này, nếu có nhầm vào bản thân những người trí thức đó thì cũng là phần ít. Phần lớn hơn, là nhầm vào sự đoàn kết, gắn bó của cả dân tộc chúng ta.

Không ít người đã đặt vấn đề trả lại tự do cho những người trí thức còn bị cầm giữ. Tôi cũng chỉ lập lại lời yêu cầu này. Tuy nhiên, tôi sẽ không viện dẫn ra đây các tiêu đề tự do, dân chủ, hay dân quyền, nhân quyền gì cả. Không phải vì những quyền ấy là không chính đáng, trái lại. Đó là những yếu tính của một xã hội tốt đẹp. Nhưng, điều gì khiến cho người ta kỳ vọng tới cái xã hội tốt đẹp ấy? Đó là lòng yêu thương con người, yêu chuộng sự tốt đẹp cho đời sống mọi người. Trong phạm vi một dân tộc, đó còn là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu đồng bào. Tôi muốn được kêu gọi tới tấm lòng yêu nước ấy.

Trong những cơn dầu sôi lửa bùng của đất nước, ông cha ta trước kia, và những người làm cách mạng Việt Nam sau này, đã vận dụng thành công lòng yêu nước của dân tộc, và đã lập nên nhiều kỳ tích. Mong sao, trong vận hội này, Việt Nam có thể bước ra cơn khủng hoảng mà không phải trả bằng máu xương của dân tộc. Và ở chính điểm này, tôi thật tâm mong đợi ở lòng yêu nước thương dân thật sự của những người ở cương vị lãnh đạo của Việt Nam.

Nguyễn Lộc  
(Hoa Kỳ)

tháng 11.1991



## HÒA GIẢI, HÒA HỢP

Từ gần hai mươi năm nay, các cụm từ “*hòa giải, hòa hợp dân tộc*”, tuy đã trở thành phổ biến trong dân gian Việt Nam như một thành ngữ, nhưng trong tư duy, trong hành động của mỗi người, nó vẫn như một con rắn biển chằng bao giờ xuất đầu lò dien. Phải chăng, những điều kiện tối thiểu để rắn nếu không ló mặt thì cũng lòi đuôi chưa được tập hợp đầy đủ ? Hay đó chỉ là một khái niệm trừu tượng, một mơ ước không tưởng ? Tôi thiên về giả thuyết thứ nhất, và vì vậy, liều viết một số suy nghĩ về sự tạo những điều kiện cho *hòa giải, hòa hợp* xuất hiện.

1. Trước hết, nên cùng nhau xác định rõ nghĩa của cụm từ này, vì tôi có cảm tưởng đã có (và vẫn còn) nhiều ý đồ chính trị, nhiều hệ tư tưởng trái ngược nấp bóng đằng sau nó.

Một khi nói đến hòa giải, là chấp nhận có *nhu cầu* làm lành với nhau, sau khi đã tranh chấp, cãi vã, thậm chí đánh nhau võ đầu. Nhu cầu đó thể hiện, phản ánh điều gì, nếu không phải là các bên liên quan rút cục đều thấy phải sống chung với nhau, phải cùng nhau bắt tay làm một việc gì đó ? Xí măng của sự hòa giải là sau khi đã hiểu biết nhau hơn qua các cuộc tranh chấp, đấu tranh, người ta cùng thấy tất yếu phải thỏa hiệp với nhau, chấp nhận khác biệt và tôn trọng nhau. Không gì tai hại hơn là “*hòa giải*” bằng chiêu hồi, bằng quỳ gối, vì kẻ quỳ gối bao giờ cũng muốn trả thù và cái vòng luẩn quẩn sẽ không bao giờ dứt.

Đối với tôi, “*hòa hợp*” là một danh từ có nhiều cạm bẫy, vì cuộc chiến tranh vừa qua không đơn thuần là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà còn là một cuộc dụng đầu giữa hai hệ tư tưởng. Đối với những người Cộng sản, tu bản là cái gốc của hỗn loạn, của sự bất hòa trong xã hội. Vì vậy, họ có thể hiểu rằng thực hiện hòa hợp là thực hiện sự thắng lợi của giai cấp công nhân. Nói cho cùng, theo lý luận đó, các chính sách lý lịch, cải tạo, tuy là chia rẽ dân tộc nhưng sẽ loại những thành phần phản cách mạng, và rốt cuộc sẽ hòa hợp những gì còn lại trong xã hội, nghĩa là dân tộc ! Nhưng ngược lại, hòa hợp là gì đối với những người chống cộng ? Giả thử, năm 1975 chính quyền Sài Gòn giành được thắng lợi, ai bảo đảm cho tôi rằng sẽ không có những cuộc thanh trừng nhân danh “tự do” (đặc biệt là tự do làm ăn), nhân danh hòa hợp (vì đấu tranh giai cấp là phản hòa hợp) ?

2. Sự sụp đổ của một hệ thống chính trị, kinh tế trong năm 1989, và đặc biệt trong năm nay, theo tôi, là một cơ may để hòa hợp có thể thực hiện, vì nó buộc cả hai bên phải nhìn lại mình. Đối với những người Cộng sản, nếu vẫn còn là người Mác Xít (trong nghĩa triết học), đây là lúc để đặt lại nhiều quan niệm của mình về sự phát triển xã hội. Còn đối với những người chống cộng, thoát tiên chúng ta có thể tưởng đó là những người thắng thế. Nhưng khổ thay, cộng và chống cộng như hình với bóng, tuy hai mà một ; mất Cộng sản, chống cộng cũng lao đao ! Những vấn đề hóc búa của xã hội còn đó, những người chống cộng đã đề ra những chương trình

hành động gì để giải quyết chúng ? Áp dụng một chủ nghĩa tu bản thuần túy chăng ? Các lý thuyết kinh tế tu bản chưa đưa ra được một giải pháp nào để giải quyết nạn thất nghiệp. Hơn nữa, cái hố ngăn cách giữa các nước tu bản phát triển phía Bắc và các nước phía Nam ngày càng bị đào sâu...

Vì vậy, nếu muốn hòa hợp, sao không nhân cơ hội này thực hiện hòa hợp trên một thách thức chung : cùng nhau mò mẫm, tìm kiếm một đường lối phát triển cho xã hội Việt Nam với một số giá trị cơ bản có thể được thỏa thuận. Một xã hội tôn trọng dân chủ, tự do, bình đẳng, trong đó nhà nước giữ một vai trò trọng tài giữa các tác nhân kinh tế, chính trị. Dĩ nhiên, đường đi sẽ không phẳng tắp, sẽ có tranh chấp, đụng độ ; nhưng nếu mỗi bước đi là một quá trình thử thách thì đồng thời cũng làm cơ sở suy nghĩ cho những bước sau.

3. Cuối cùng, theo ý tôi, cuộc tranh cãi “thực hiện hòa giải hòa hợp với ai” chỉ là thứ yếu khi những ý kiến trên đã được chấp nhận.

Gần đây, có những câu cật vấn, những ngõ vực được đưa ra đối với một số người vì họ xuất thân từ chính quyền hiện nay, hoặc từ xã hội do chính quyền đó dựng nên. Tôi thấy những câu hỏi đó “vô duyên” vì những lý do sau :

i/ Con người là phải xuất thân từ một xã hội nào đó ! Một xã hội thay đổi thường chính cũng nhờ những người sinh ra từ xã hội ấy. Gorbachev do ai đào tạo ? Thích Ca Mâu Ni xuất thân từ đâu ? Và Karl Marx ?

ii/ Cách đặt vấn đề của những câu hỏi đó có tính cách loại trừ, và tạo cho những người, vì lý do khách quan đã “dính” tới một bộ máy, những mặc cảm tội lỗi. Như vậy hòa giải hòa hợp trở thành vô nghĩa.

iii/ Phải chăng, những người đặt ra những câu hỏi ấy là những người theo thuyết “lấy độc trị độc”, ở đây là lấy chủ nghĩa lý lịch trị chủ nghĩa lý lịch ?

Lê Hùng

Tìm đọc

quảng cáo

### ĐẶNG HUY TRÚ, CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM

Đặng Huy Trú (1825 - 1874), làm quan nhỏ dưới triều Tự Đức, nhưng “*kháng khái, có chí lớn, đương trù tính nhiều việc, chưa làm xong đã mất, ai cũng tiếc*” (Đại Nam Nhất Thống Chí). Hai lần, do Phạm Phú Thứ tiến cử, ông được phái đi sứ Trung Quốc (1865 và 1867) để tiếp xúc với kỹ thuật Tây phương. Ông là người tiến cử Hoàng Diệu. Bác ruột làm thương thư trong triều mà ông dám phá lễ giáo ; năm 18 tuổi, sau khi đậu cử nhân, dù không được gia đình ưng thuận ông vẫn lén kết duyên với cô lái đò hàng ngày đưa ông qua sông sang kinh thành học ở Quốc Tử Giám.

Ông để lại trên 1500 bài thơ văn nhưng mãi đầu năm 1990 gia đình họ Đặng mới cho dịch được một số và cho xuất bản để kỷ niệm 165 năm ngày sinh của ông.

Sách có bán tại NHÀ VIỆT NAM và SUDESTASIE đường Cardinal Lemoine, Paris 5e (Sách khổ lớn 19X26 dày 562 trang)

# Nouvelle Donne en Indochine

Il n'y a pas qu'en Europe de l'Est que l'Histoire accélère. En Asie aussi, des mutations profondes s'opèrent, face auxquelles un certain nombre de régimes archaïques n'ont pas d'autre choix que s'adapter ou périr. Ainsi, et sans vouloir faire de "géopolitique primaire", le déblocage – semble-t-il, décisif – de la crise cambodgienne risque d'induire des effets incontrôlables sur certains pays voisins et protagonistes, en premier lieu le Viet-Nam.

## Le Cambodge sous tutelle.

Depuis le 23 Octobre dernier, on le sait, un accord de paix a été signé à Paris entre les différentes parties cambodgiennes, accord qui met officiellement fin à 21 ans de guerre au Cambodge et place tout le territoire sous la tutelle des Nations Unies jusqu'à l'organisation d'élections libres, prévues pour le début de l'année 1993. Certes, il faut se garder de tout optimisme prématuré, tellement immenses sont les problèmes qui restent à régler. Le pays est dévasté, son infrastructure anéantie, son réseau routier réduit à l'état de pistes, son territoire truffé de mines que, dans certaine régions, on dénombre par milliers au km<sup>2</sup>... Plus grave, les ressources humaines n'ont pas échappé à la destruction : les morts se comptent par millions, les mutilés par dizaines de milliers ; la mortalité infantile en dessous de 5 ans atteint les 20% ; à l'extérieur près d'un demi million de réfugiés attendent d'être rapatriés ; sur ces réfugiés, 40% sont nés dans les camps, qui ne pourraient - ni ne voudraient - se réadAPTER sans problème au milieu rural ; et que deviendraient les militaires démobilisés par centaines de milliers, promis au chômage, et dont certains se livrent déjà au banditisme ? L'espoir est encore plus fragile par les arrières pensées des différentes factions signataires de l'accord : les Khmers Rouges, en particulier, ne peuvent raisonnablement espérer l'emporter dans une confrontation démocratique et donc, plus que probablement, tablent sur l'échec du processus de paix, le pourrissement de la situation, ou même une reprise des hostilités...

Un seul point positif, mais il est de taille : c'est en quelque sorte la communauté internationale dans son ensemble qui, par l'intermédiaire de l'ONU, se porte garante de l'accord de paix. L'investissement des Nations Unies est à la mesure de cet engagement, puisque, ce sera "l'opération la plus ambitieuse et la plus massive" de ce type jamais organisée, mobilisant plus de 15.000 hommes. Pendant 18 mois, l'UNTAC ("autorité provisoire des Nations Unies pour le Cambodge") va littéralement prendre un pays souverain sous sa tutelle, en essayant de réaliser grossièrement cinq objectifs : 1/ le rétablissement de la paix par le désarmement et la démobilisation (à 70%) des forces en présence ; 2/ le rapatriement des réfugiés et des personnes déplacées ; 3/ l'organisation d'élections démocratiques (au printemps 1993) ;

## 4/ la neutralisation du pays ;

## 5/ sa reconstruction.

Bien sûr, une telle opération n'a été rendue possible que par l'accord des quatres factions en présence – FUNCIPEC (Sihanouk), FNLPK (Son Sann), Khmers Rouges et Gouvernement de Phnompenh –, qui ont accepté de collaborer au sein d'un Conseil National Suprême (CNS) présidé par Sihanouk, l'éternel revenant. Mais personne n'est dupe : l'accord qui a vraiment pesé, sinon le seul, c'est celui des principales puissances étrangères engagées dans le conflit, directement (Viet Nam) ou indirectement (Chine, Etats-Unis, Union Soviétique).

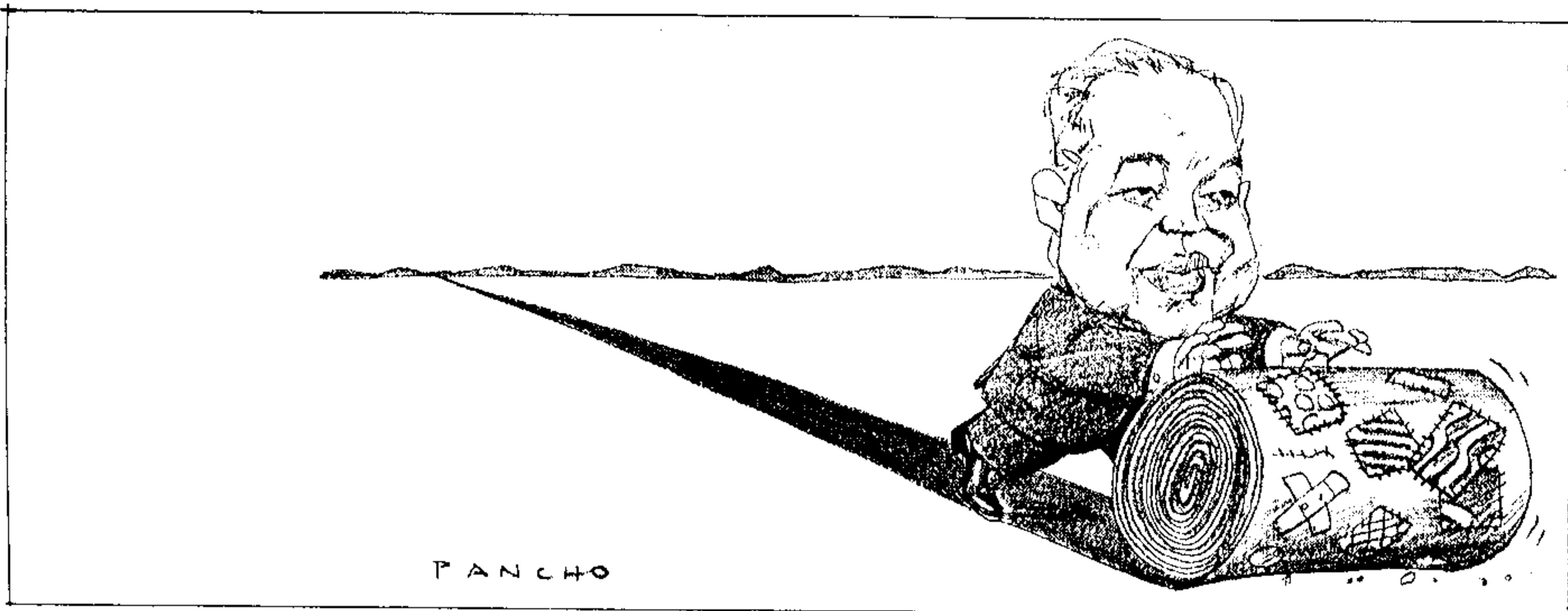
## Le Viet Nam sous influence

Les Etats-Unis et l'Union Soviétique, on le sait, sont depuis peu associés dans un "nouvel ordre international". Qu'on le veuille ou non, cet ordre s'est en particulier manifesté par le règlement (ou l'amorce de règlement) d'un certain nombre de conflits régionaux qui risquaient d'échapper au contrôle des deux partenaires. La guerre civile cambodgienne rentrait bien sûr dans ce cadre, d'autant plus que Washington et Moscou étaient deux des principaux bailleurs d'armes et de fonds aux belligérants. Quant à la troisième puissance qui faisait la guerre par Cambodgiens interposés, elle s'en tire avec honneurs et avantages : certificat de bonne conduite à l'appui, la Chine réintègre le "concert des nations", jette un voile commode sur la répression du printemps de Pékin, renoue les contacts (et les contrats) avec la CEE et les USA, met au pas le turbulent "vassal" vietnamien.

Car, s'il faut un perdant dans l'affaire, c'est bien entendu le Viet Nam : "saigné à blanc" (selon la volonté chinoise) par l'aventure cambodgienne, contraint à la retraite sans contrepartie valable (jusqu'ici) ni des Américains ni des Chinois, forcé par la conjoncture internationale à faire de nouveau allégeance à Pékin... Il ne s'agit pas ici de faire le procès de l'intervention vietnamienne de 1979 (elle était justifiée, c'était même une question de vie ou de mort), mais de s'interroger sur le bien-fondé de la politique qui s'est ensuivie, quand les dirigeants vietnamiens, par une mauvaise évaluation des rapports de forces, se sont laissés enfermer dans un isolement diplomatique, commercial, économique quasi-total. Le retrait unilatéral d'il y a deux ans était un aveu d'échec. Mais s'il a permis d'amorcer le processus de paix dont on voit

aujourd'hui l'aboutissement, c'était aussi une condition sine qua non pour une normalisation avec la Chine et les Etats-Unis.

Avec la Chine, les dirigeants vietnamiens ont célébré une réconciliation forcée. Le 5 Novembre, une délégation prestigieuse comprenant les plus hautes personnalités du Parti et de l'Etat : Secrétaire Général, Premier Ministre, Ministre des Affaires Etrangères..., est allée à Pékin (comme on dit : "aller à Canossa") pour officialiser la normalisation des relations. Au-delà de leurs aspects traditionnels de kow tow ("khäu däú") du "vassal" vietnamien devant le Trône Céleste, ces retrouvailles étaient une "nécessité objective pour les deux pays" (déclaration de M. Nguyen Manh Cam). Officiellement, il s'agissait de renouer les relations commerciales et frontalières, mais officieusement (des documents internes aux deux partis ayant filtré ces derniers mois) il pouvait aussi être



question de la mise en place du "dernier carré communiste". Ou plutôt du dernier triangle, puisqu'en Asie ils ne sont plus que trois : Chine, Corée du Nord, Viet Nam. Soyons clairs : les oripeaux "marxistes-léninistes" ne sont plus là que pour masquer – mais qui s'en soucie encore ? – la réalité d'une lutte pour la survie. Quels sont -ils, les sommets du triangle ? En Corée, une grotesque monarchie héréditaire au bord de l'implosion et qui cherche, malgré ses gesticulations, à se rapprocher du frère ennemi du Sud. Au Viet Nam, un Parti exsangue cramponné au monopole du pouvoir politique, mais contraint à pratiquer l'ouverture économique et par là même, à abandonner son "rôle dirigeant". La même "contradiction historique" se retrouve en Chine, à la puissance dix : le Centre (c'est-à-dire un quartieron d'octogénaires) maintient son monopole politique par les chars, les exécutions, le Goulag ; mais idéologiquement il ne contrôle plus la population, administrativement il ne contrôle plus les provinces côtières (les plus riches, celles qui sont ouvertes aux investissements étrangers), économiquement il ne contrôle plus rien (1). Les dirigeants vietnamiens ne sont pas assez naïfs pour croire que la Chine, vue ses propres difficultés, pourrait se substituer à l'ancien bloc de l'Europe de l'Est et à l'URSS (dont l'aide se montait à plus d'un milliard de dollars - à fonds perdus - par an). Mais ils n'ont guère le choix. En attendant, politiquement il faut payer, et au prix fort : retrait du Cambodge donc, reconnaissance des "responsabilités" vietnamiennes dans l'exode des Hoa en 1978, dédommagement de ces réfugiés, mise en sourdine des revendications vietnamiennes sur les îles Paracels... La pilule est amère.

### Cheval de Troie

L'autre inconnue de l'équation vietnamienne se trouve dans le camp américain. De ce côté, force est de reconnaître que la bonne volonté vietnamienne au Cambodge n'a pas rapporté le principal dividende escompté : la levée de l'embargo américain. Bien au contraire, l'administration Bush, en position de force, ne s'est pas privée (et pourquoi s'en priverait-elle ?) de mettre la barre toujours plus haut, liant la normalisation des relations américano-vietnamiennes au règlement complet du problème cambodgien (1993 au plus tôt), mais aussi du problème des MIA ("missing in action", Américains disparus au Viet Nam). Cette dernière condition, tout à fait extravagante par sa disproportion, est jugée

"déraisonnable" par les observateurs américains eux-mêmes. Elle fait "soupçonner que les Etats - Unis ne recherchent pas la normalisation avec le Viet Nam, mais bel et bien la chute du régime communiste" (2).

Encore une fois, la diplomatie américaine fait preuve de courte vue. Si vraiment son objectif est de faire tomber le régime communiste, la meilleure façon de s'y prendre, ce n'est assurément pas de pratiquer l'intransigeance, qui ne ferait que réveiller les réflexes nationalistes vietnamiens, jette à Hanoi dans les bras de Pékin et renforcer le camp des "durs". Ce qui inquiète les "durs", ce n'est pas l'embargo américain, auquel ils peuvent survivre (ils l'ont prouvé). Ce qu'ils redoutent, se serait au contraire l'ouverture américaine, la levée du boycott, la reprise des relations diplomatiques et commerciales, le feu vert donné aux investissements et – pourquoi pas – l'aide au développement..., autant de facteurs qui feraient entrer le régime dans le monde moderne et l'obliger à évoluer (3). Si l'administration Bush est trop obtuse (les observateurs américains parlent de "blind spot") pour suivre cette tactique, alors le camp des "durs" bénéficiera d'un délai de grâce inespéré.

Mais il ne s'agira pour eux que d'un délai de grâce, car un cheval de Troie est à leur porte : si le processus de paix cambodgien arrive à son terme, si en 1993 se tiennent comme prévu des élections libres et pluralistes (le parti de Phnompenh a déjà abandonné la fauille, le marteau et toute référence au marxisme-léninisme), si un régime démocratique s'installe, si l'ONU (comme elle en a l'intention) met en oeuvre son "programme d'éducation sur les droits de l'homme et les droits civiques", si l'aide internationale afflue pour la reconstruction (on parle déjà d'un milliard de dollars par an)..., alors pour le coup, on pourrait vraiment dire – pour reprendre en la détournant une expression "géo-stratégique" en vogue dans les années 70 – que le Cambodge sera "le ventre mou" du Viet Nam. Malgré tous les barrages dressés par la propagande, l'obscurantisme et la répression, la contagion sera inévitable. Et comme on a pu le constater maintes et maintes fois, viendra un moment où le peuple vietnamien, démocratiquement contaminé, se posera la question : "Et pourquoi pas nous ?"

Nguyễn Quang

- (1) Voir Doan Ket, Juin 1990
- (2) Voir Newsweek, 04.11.1991
- (3) Voir Dien Dan n° 2.

# Cộng đồng...đó đây...



## Trịnh Thị Nhàn trình tấu đàn piano ở Paris

Chủ nhật 17.11.91 vừa qua, tại ngôi nhà thờ Saint Merri nổi tiếng nằm ngay giữa trung tâm Paris, nhạc sĩ piano Trịnh Thị Nhàn đã trình tấu cho công chúng Pháp, quốc tế và Việt kiều nghe một chương trình nhạc cổ điển khá dồi dào, phong phú : Bach - Busoni, Mozart, Liszt, Chopin, Beethoven, Rachmaninov, Albenius.

Trong khung cảnh thường ngày vẫn thăm nghiêm của giáo đường, với kiến trúc cổ kính thời Trung cổ, hơn 700 người đã lắng tai nghe tiếng đàn êm dịu của Trịnh Thị Nhàn âm vang trong một không gian lý tưởng dành cho sự thưởng thức nhạc cổ điển.

Đây là lần đầu tiên Trịnh Thị Nhàn biểu diễn ở Paris trước một cử tọa đông đảo thế.

Sinh tại Hà Nội, trong một gia đình nghệ sĩ (bố cô là họa sĩ Trịnh Hữu Ngọc, nhà họa sĩ lão thành nổi tiếng về vẽ tranh đẹp nhưng đồng thời cũng vì không bao giờ ông muốn làm triển lãm tranh của mình cho mãi tới cách đây vài năm) Trịnh Thị Nhàn bắt đầu được học nhạc từ năm 6 tuổi. Năm lên 9 tuổi, cô được vào học ở Nhạc viện Hà Nội và 3 năm sau được tuyển chọn trên số 200 thí sinh để đi học ở nước ngoài. Nhưng rồi chiến tranh đã không cho phép cô thực hiện chuyến đi ấy và cô đã tiếp tục học tú tài để rồi đến năm 1975 trở thành một kỹ sư mỏ. Đồng thời cô được nhận vào học ở Viện Cao đẳng quốc gia Âm Nhạc Hà Nội. Năm 1982, cô đại diện cho Việt Nam thi thi cuộc thi quốc tế Tchaikowski và được đi biểu diễn trong 6 tháng ở Liên Xô.

Được bổ nhiệm giáo sư tại Viện Cao đẳng quốc gia âm nhạc Hà Nội, cô vẫn tiếp tục trình tấu nhạc cổ điển ở các buổi hòa nhạc và trên đài phát thanh Việt Nam.

(Phóng viên Diễn Đàn)

## Tiếc thương một tài năng

Ngày 24.6.91, nhà bác học Nguyễn Hữu Minh Chí đã đột ngột từ trần vì bệnh gan tại Los Angeles (Mỹ).

Ở tuổi 39, Nguyễn Hữu Minh Chí đã từng giữ chức trưởng phòng nghiên cứu vi trùng học và từ năm 1988 đã được bổ nhiệm giáo sư tại Đại học USC, Los Angeles. Sống độc thân, anh đã dành phần lớn giờ của mình cho nghiên cứu khoa học. Từ năm 1983, anh chuyên nghiên cứu về bệnh ung thư.

Mấy năm gần đây, anh tập trung nghiên cứu về bệnh SIDA và chứng sinh quái thai.

Sau khi anh mất, người ta đã tìm thấy ở phòng thí nghiệm của anh nhiều tài liệu quý báu liên quan đến những tìm tòi, nghiên cứu về bệnh ung thư, SIDA và sinh quái thai. Cũng tại đây, người ta đã tìm thấy hàng ngàn con chuột thí nghiệm, trong đó có những con hai mõm, năm chân, mọc thêm xương sườn, v.v... do bị chích thuốc thử nghiệm về chứng sinh quái thai.

Nguyễn Hữu Minh Chí sinh năm 1952 tại Hà Nội và mồ côi cha khi mới lên ba tuổi. Năm 1954, gia đình anh vào Nam. Năm 1970, anh được học bổng sang học ở Cộng Hòa Liên Bang Đức, đến năm 1980 đậu bằng tiến sĩ (Ph. D.) hạng tối ưu. Sau đó, anh được mời sang Mỹ dạy ở Đại học Columbia (New York). Cũng trong năm 1980, anh được Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước Việt nam mời về giảng dạy một số giờ về di truyền học. Năm 1988 anh được mời về dạy ở Đại học USC (Los Angeles).

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Nguyễn Hữu Minh Chí đã trăn trối lại với những người thân, yêu cầu hỏa táng thi thể anh và đem tro về chôn bên cạnh mộ của bố mẹ ở quê nội, xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

(dựa theo Thùy Anh - báo Thanh Niên 6.10.1991)

## Từ một sáng kiến ra đời cách đây 25 năm

Từ ba năm nay, cứ hàng năm lại diễn ra, tại tòa lâu đài cổ kính của thành phố Blois, một cuộc hội thảo quốc tế giữa các nhà khoa học không phân biệt hoạt động trong lãnh vực lý thuyết hay thực nghiệm. Người đứng ra tổ chức những cuộc hội thảo này là ông bà Trần Thanh Vân, hai nhà khoa học Việt nam, Jean Trần Thanh Vân nghiên cứu về vật lý lượng tử và Kim về sinh thực vật học. Cả hai đều làm ở Trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp (CNRS).

Sáng kiến qui tụ các nhà nghiên cứu khoa học hoạt động trong hai lãnh vực tương như cách biệt hẳn với nhau, trong một khung cảnh hấp dẫn, thoải mái, thực ra đã được Jean và Kim Trần Thanh Vân đem áp dụng từ 25 năm nay kể từ lần đầu tiên, ông bà đã mời các nhà khoa học đến Courchevel để trượt tuyết và ... làm việc.

Từ đó nảy sinh ra những cuộc gặp gỡ, trao đổi hàng năm mang tên : " Les Rencontres de Moriond".

Tại những cuộc hội thảo này đã từng có mặt nhiều nhân vật nổi tiếng trong giới khoa học quốc tế. Nhà bác học Sakharov là một trong những thành viên của Ban chủ tịch danh dự.

Các cuộc hội thảo ở lâu đài Blois thực ra chỉ là sự tiếp tục và phát huy một truyền thống tốt đẹp đã có từ lâu.

Năm nay, cuộc hội thảo đã diễn ra trong 5 ngày, 5 đêm liền, từ 14 đến 19.10.91. Đề tài hội thảo là : " Nguồn gốc của sự sống".

Ông Jack Lang, thị trưởng thành phố Blois, bộ trưởng bộ Văn hóa, bằng sự có mặt của mình đã nói lên cảm tình của ông đối với việc làm của các nhà khoa học.

(dựa theo báo L'EXPRESS ngày 3.10.91)

## Một thuyền nhân được phong linh mục

Joseph Vũ Thái Hòa, một "thuyền nhân" vượt biển năm 1982, tới Pháp năm 1983, năm nay 30 tuổi, vừa được đức giám mục Jullien phong cho làm linh mục tại nhà thờ lớn thành phố Rennes.

Theo lời kể của Joseph Vũ Thái Hòa, anh vượt biển cả thảy bảy lần, đến lần thứ bảy mới đi thoát. Bố mẹ anh đã phải trả một giá rất đắt cho chuyến ra đi của anh, với ước nguyện một ngày kia con mình sẽ trở thành thầy cả. Người anh ruột của Joseph Vũ Thái Hòa, sang Pháp từ năm 1980 cũng làm linh mục ở thành phố Tours. Bốn trên bảy người chị của anh tất cả hiện còn ở bên nhà đều là những nhà tu hành.

Ngày Joseph Vũ Thái Hòa được phong chức linh mục, cộng đồng giáo dân Việt Nam tại thành phố Rennes gồm khoảng 400 người đã có mặt đông đủ, nhưng điều vui mừng lớn nhất đối với Joseph Vũ Thái Hòa là cả bố mẹ anh cuối cùng cũng đã được phép sang Pháp để dự buổi lễ long trọng này.

(dựa theo tin thông tấn xã Rennes 9.91)

## Văn Hoàng Thái đá banh xuất sắc

Văn Hoàng Thái năm nay 17 tuổi. Em sinh ở thành phố Hồ Chí Minh và được xuất cảnh theo diện đoàn tụ gia đình tháng 9.1981.

Khi còn ở Việt Nam, Thái chỉ là một cậu bé 7 tuổi, học lớp 2 trường phổ thông cơ sở An Bình, nhút nhát và ít khi ra đường.

Em bắt đầu làm quen với quả bóng đá từ khi sang tới Baerum (Na Uy). Ở đây, năng khiếu bẩm sinh của em bỗng như được đánh thức dậy. Em thích chơi ở hàng tiền đạo. Mới đây, trong trận chung kết, gặp đội tuyển Molde, Thái đã một mình ghi tới 3 trên 4 bàn thắng.

Hiện Thái vẫn đang theo học trung học. Em học ở trường từ 7 giờ đến 4 giờ chiều. Sau đó ôn bài 1 giờ, rồi đi tập đá bóng cho đến 4 giờ tối.

Thái cho biết em dự định năm sau em sẽ về thăm quê hương và ao ước được đá một trận giao hữu trong thời gian lưu lại quê nhà.

Theo lời huấn luyện viên của đội bóng vùng Baerum, con đường đến với bóng đá chuyên nghiệp của Thái không còn xa mấy và "cặp giò" của em đáng giá bạc triệu !

(dựa theo Minh Đức - báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 38 - ngày 29.9.91)



## Nhân xem triển lãm hội họa

## REFLETS DU VIETNAM



Hoài Văn

Từ mồng 5 đến mồng 8.11.91, trong khoảng thời gian bốn ngày ngắn ngủi, lại rơi vào những ngày trong tuần người ta đi làm, một cuộc triển lãm hội họa mang tên "Reflets du Viet Nam" "Lưu hương đất Việt" đã được tổ chức tại nhà Bourse du Commerce, cạnh Forum des Halles, ngay trung tâm Paris.

Mục đích đề ra của cuộc triển lãm này là giới thiệu nền hội họa Việt Nam với công chúng Pháp và quốc tế. Người đứng ra tổ chức là Phòng Thương mại và Kỹ nghệ của thành phố Paris và Viện Hóa Dầu (ICP).

Hơn 200 tác phẩm của 70 họa sĩ Việt Nam, trong đó có một số họa sĩ Việt kiều và thực tập sinh, đã được trưng bày trong một sảnh đường rộng rãi, sáng sủa, trên những vách ngăn hình vòng cung xoay tròn theo hai vòng lớn đồng tâm.

Tranh gồm đủ các loại : từ sơn dầu, bột màu, mực, giấy bồi, khắc gỗ, đến lụa và sơn mài, nhiều nhất có lẽ là sơn dầu, rồi đến lụa và khắc gỗ.

Đề tài cũng nhiều : từ phong cảnh, tĩnh vật, chân dung, phụ nữ khoả thân, đến tranh siêu hình, trừu tượng.

Với một số lượng tranh nhiều như thế, lại gồm đủ loại linh tinh và một không gian không phải là để triển lãm mà là một tòa đại sảnh lớn, không có vách ngăn thành những khoang nhỏ, đối với người đi xem, thật khó mà có thể tập trung trên một bức tranh, hay trên mỗi tác giả, để mà thưởng thức và so sánh.

Thêm vào đó, tranh lại treo lắn lộn, không phân biệt thể loại. Người ta thấy những bức tranh trừu tượng của một Nguyễn Cầm, hay của một Lê Tài Điển đứng lạc loài ở giữa những bức tranh tượng hình khác xa hẳn về mặt ngôn ngữ nghệ thuật ! Cũng như người ta thấy đứng chờ vở ở chỗ này, chỗ khác, một cách bất ngờ, một bức tranh của Đinh Cường, của Nguyễn Trung hay của Trịnh Cung, v.v...

Ngược lại, cả một không gian rộng ở trung tâm cuộc triển lãm hầu như đã được dành cho một hai họa sĩ có vị thế ưu tiên, mà tác phẩm lại không có gì đáng để đề cao hết cả.

Thật khó mà hiểu được sự sắp xếp của những người tổ chức ! Dù sao, nhìn chung, trừ một vài tác phẩm còn non nớt và một số ít vẫn đi theo lối mòn của những "Clichés" đã cũ, toàn bộ cuộc triển lãm đã gây cho người xem một ấn tượng tốt về nền hội họa Việt Nam, ngày càng đa dạng, phong phú và có những cố gắng tìm tòi mới, nhất là về mặt kỹ thuật và phong cách diễn đạt. Về mặt nội dung, người ta cũng không còn thấy nữa những loại tranh ca tụng, hay "lên gân" một cách cường điệu, cứng nhắc, điều mà trong điêu khắc Việt nam hiện nay vẫn chưa bỏ đi được do ảnh hưởng sâu đậm của

nền nghệ thuật " xã hội chủ nghĩa " ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu trước đây.

Không kể một số họa sĩ đã thành danh có tác phẩm trưng bày tại đây như Đinh Cường, Nguyễn Trung, Trịnh Cung, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Văn Ty, v.v..., rải rác đây đó, có những tác phẩm có chất lượng cao, thể hiện những tìm tòi mới trong ngôn ngữ tạo hình. Tôi chỉ xin nêu lên ở đây một thí dụ để minh họa. Dù sao, đây cũng chỉ là ý kiến cá nhân của người viết bài này và bất quá cũng là một lời giới thiệu, như tôi đã từng giới thiệu tranh của Đinh Dũng trên báo Đoàn Kết cách đây vài năm.

Tôi muốn nói đến Lý Sơn và Đỗ Phấn.

Về trường hợp của Lý Sơn, tài năng của anh đã được khẳng định rõ qua cuộc triển lãm ở Nhà Việt Nam tháng 6.1991 vừa qua. Tranh của Lý Sơn chinh phục người xem bằng phong cách thể hiện tế nhị với những chất liệu đậm màu sắc Á đông. Sở trường của anh là bột màu trên giấy dó, nhưng anh cũng có nhiều tìm tòi độc đáo trong sơn mài.

Tranh của Đỗ Phấn đậm vào mắt người xem bằng sự đối lập táo bạo của màu sắc theo lối "chấm phá" và nét bút giàu nhịp điệu (rythmes). Do đó tranh của anh toát ra một cái gì vừa rất Á đông, lại vừa rất hiện đại. Về điểm này, tranh của Đỗ Phấn làm cho người ta nghĩ đến tranh của Đinh Dũng, mà tôi rất tiếc đã vắng mặt trong cuộc triển lãm này, cũng như tôi rất tiếc sự vắng mặt của nhiều họa sĩ tài năng khác của Việt Nam lớp trước và lớp này. Không lẽ đây lại là do một sự sao nhãng của người đứng ra tổ chức? Hay vì điều kiện vật chất đã không cho phép tập hợp kịp những tác phẩm kia.

Dù sao, với tất cả những giới hạn và thiếu sót của nó, cuộc triển lãm hội họa " Reflets du Viet Nam " cũng là một sáng kiến tốt và là một dịp hiếm để giới thiệu ít ra một số khía cạnh của nền hội họa Việt nam, mở rộng thị trường tranh cho các nghệ sĩ Việt Nam và góp phần làm phát triển sự giao lưu văn hóa giữa Việt nam và các nước khác trên thế giới.

## Bao giờ em đi lấy chồng



Trần Dần

Bao giờ em đi lấy chồng?  
để anh sắm mùng quà cưới?  
Anh mừng em dội chiếu mới  
em về giải kín giường đôi  
Anh đi sang tận làng Ngòi  
tìm mua gạo cẩm  
xu xê bánh cuốn  
tự tay anh buộc lạt điều  
đôi gối tắm thêu  
anh nhờ người thêu hộ  
thiếp mời chính tay anh họa  
anh đi hai họ  
báo tin từng nhà  
anh nói mẹ cha  
mượn nồi mượn chõ  
em có cần anh đầu cõ?  
bảo người nhắn gọi anh sang  
giò lụa chạo nem lợn quay xôi gấc  
vật bò mổ lợn  
con dao anh cắt  
nuộc lạt anh thắt  
chân giò anh chặt  
que xiên anh vót  
nạc mỡ anh pha  
giò thủ anh nén  
nuốc xuýt anh nếm  
cõi lòng anh thuôn

chả quế anh nướng  
rau ghém anh trộn  
bún ngâm anh chuội  
thịt dơi anh thái  
gỏi cuốn anh cuộn  
đĩa hoa anh ướm  
mâm son anh dọn  
đũa trúc anh so  
Hay em nhờ anh giúp về việc vặt?  
nồi ninh anh bắc  
hành hoa anh ngút  
rau diếp anh bứt  
lợn béo anh khênh  
buồng cau anh trảy  
rượu vò anh quẩy  
thiếu gì anh chạy  
thuốc lá anh cuốn  
đèn măng-sông anh mượn  
rap lều anh dựng  
khách mời anh đón  
ghế bàn anh dọn  
mâm cỗ anh bưng  
Hay em nhờ anh giúp về văn nghệ?  
để anh chuẩn bị chương trình?  
Kèn hát anh mượn  
trò vui anh chọn  
bạn bè anh đón

tiết mục anh soạn  
khẩu hiệu anh dán  
xúc xích anh cắt  
đèn đuốc anh thắp  
chúc từ anh đặt  
bình hoa anh cắm  
khăn bàn anh giải  
tuyên bố lý do anh nói  
các mục anh nói  
kèn tàu anh thổi  
anh làm vui hai họ  
vui đôi vợ chồng mới  
anh lưu tối cuối  
tiệc tan –  
khách muộn anh tiếp  
ghế bàn anh xếp  
đồ đặc anh dẹp  
mâm bát anh cất  
đèn rap anh tắt  
thuốc lá thừa anh nhặt  
Xong  
xuôi – anh về.

(Trong 17 tình ca 1963 - 1964)

(Báo Văn Nghệ số 9, 3.3.1991)

Hội người Việt Nam tại Pháp :

# ĐẠI HỘI CỦA SỬ " XÁC ĐỊNH LẬP TRƯỜNG "

Hội người Việt Nam tại Pháp đã họp đại hội lần thứ 6 các ngày 16 và 17 tháng 11 tại thị xã Montreuil với 212 đại biểu. Đại hội đã đón tiếp các ông Nguyễn Hữu Thọ (chủ tịch Mặt trận tổ quốc Việt Nam) và Nguyễn Ngọc Trân (phó ban Việt kiều trung ương) - có mặt ở Paris nhân Hội nghị cấp cao các nước sử dụng tiếng Pháp - và đại sứ Phạm Bình.

Bản nghị quyết đại hội cho rằng " *Sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng ở Liên Xô trong hơn 70 năm qua (...) đặt cho cả nhân loại những vấn đề vô cùng to lớn : làm sao tìm ra con đường thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu để xây dựng một xã hội vừa phát triển nhưng vừa công bằng* ". Nhận định về hiện tình đất nước, Hội người Việt Nam tại Pháp xác định sự " *ủng hộ quyết tâm đẩy mạnh đổi mới về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội mà Đại hội lần thứ 7 của Đảng cộng sản Việt Nam vừa khẳng định* ". Bản nghị quyết cho rằng " *không có cách nào khác để đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay và từng bước tiến lên phát triển* ".

Nói lên sự vui mừng trước những diễn biến thuận lợi trong quan hệ giữa Việt Nam và thế giới " *với chính sách đối ngoại mở cửa làm bạn với tất cả các nước* ", bản nghị quyết ghi nhận việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, những bước cải tiến quan hệ với các nước ASEAN, sự phát triển quan hệ hợp tác với Pháp. Trước ngày họp đại hội, Hội người Việt Nam tại Pháp đã ra một bản kiến nghị lấy chữ ký " *yêu cầu tổng thống George Bush bỏ ngay lệnh cấm vận kinh tế* " và " *hỗ trợ Việt Nam trong chủ trương mở cửa và đổi mới để phát triển kinh tế và xã hội* ".

Bản nghị quyết công nhận rằng những hoạt động của hội cũng như số hội viên " *có giảm sút* " trong những năm qua và " *vì tình hình phức tạp, Hội đã không tập trung được công sức giải quyết những yêu cầu bức thiết về phát triển Hội* ". Qua đại hội này, Hội người Việt Nam tại Pháp " *xác định rõ lập trường cũng như thái độ của Hội trong mối quan hệ với nhân dân và nhà nước Việt Nam* ".

Đại hội quyết định tập trung sinh hoạt của Hội theo bốn hướng :

- hoạt động văn hóa, văn nghệ, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc
- hoạt động phát triển quan hệ hợp tác giữa Pháp và Việt Nam trong mọi lĩnh vực
- hoạt động bảo vệ quyền lợi của cộng đồng và gây dựng ý thức cộng đồng vượt qua chính kiến, tôn giáo hướng về quê hương cội rễ
- hoạt động thông tin, thảo luận và phát hành đều đặn báo Đoàn Kết.

Đại hội đã cử ra một đoàn chủ tịch 19 người với một ban thường trực 7 người do ông Lâm Bá Châu trách nhiệm phối hợp. Thành phần đoàn chủ tịch ngoài ông Lâm Bá Châu gồm có : thượng tọa Thích Thiện Châu, bà Jacqueline Võ Hofferer, ông Trần Văn Khê, bà Thérèse Nguyễn Văn Ký, ông Đặng Quốc Kỳ, sư cô Man Da La, các ông Trần Đình Lan, Trần Quang Mẫn, Lâm Thành Mỹ, Huỳnh Hữu Nghiệp, Nguyễn Khắc Nhẫn, Đoàn Thu Phong, Đào Văn Phúc, Nguyễn Đức Phương, Lê Xuân Thiều, Phạm Quang Thọ, Nguyễn Quang Tiến, Lê Dũng Tráng.

So với thành phần đoàn chủ tịch được cử ra tại đại hội 5 (1988), người ta thấy sự vắng mặt của các ông Nguyễn Văn Cẩn, Nguyễn Thiên Đạo \*, Huỳnh Trung Đồng \*\*, Nguyễn Ngọc Giao, Hoàng Xuân Hãn, Bùi Mộng Hùng, Phùng Công Khải, Lê Thành Khôi, Bùi Trọng Liễu, Võ Thành Nghĩa.

Đại hội đã bầu ra một ban điều hành 18 người với một ban thư ký 8 người do ông Trần Tú Nghĩa làm tổng thư ký. Ông Trần Tú Nghĩa hiện là giám đốc công ty du lịch HIT Voyage. Ông Huỳnh Hữu Nghiệp được chỉ định làm chủ nhiệm báo Đoàn Kết. Ông Huỳnh Hữu Nghiệp hiện là tổng giám đốc công ty Parexim và chủ nhiệm Thời báo hải ngoại.

- Theo chở chúng tôi được biết, ông đã từ chức trong giữa nhiệm kỳ.
- Theo một thông báo ở đại hội, ông chuẩn bị hồi hương.

Phỏng vấn Ông Nguyễn Trí Dũng  
Chủ tịch hiệp hội P.L.E.A.S.E.

## NHỊP CẦU GIỮA SÔNG LOIRE VÀ SÔNG SÀI GÒN

Từ tháng 10 vừa qua, trường Tabert cũ ở Thành phố Hồ Chí Minh đã trở lại với chức năng đầu tiên của nó : đào tạo. Cơ sở giáo dục hoạt động lâu đời ở đường Nguyễn Du đã mở cửa lại để đón tiếp trường đại học tin học và quản lý Hoa Sen - Lotus, một dự án hợp tác giáo dục Việt - Pháp có sự tham gia của Việt kiều.

Trong buổi họp báo tại Thành phố Hồ Chí Minh giới thiệu trường đại học dân lập này, phía Việt Nam có ông Phạm Chính Trực, chủ tịch ban bảo trợ dự án Hoa Sen và là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Phía Pháp, có mặt của ông Nguyễn Trí Dũng, chủ tịch hiệp hội P.L.E.A.S.E. (Pays de la Loire - Asie du Sud Est) một thành viên tích cực của dự án hợp tác Pháp - Việt đó. Diễn đàn đã phỏng vấn ông khi ông trở lại Pháp.

Trường Hoa Sen - Lotus là một thể hiện của khái niệm “du học tại chỗ”, ông Nguyễn Trí Dũng cho biết. Khởi đầu sáng kiến này, ở phía Việt Nam là ông Trần Hà Nam, trước đây là Việt kiều ở Pháp, hiện làm giám đốc công ty SCITEC, và với tính cách đó, được cử phụ trách trường dân lập Hoa Sen. Sáng kiến ở phía Pháp là của ông Cố Minh Đức, Việt kiều ở Paris, giám đốc phụ trách về đào tạo của công ty bảo hiểm Pháp U.A.P.

Xã hội Việt Nam hiện nay có một nhu cầu lớn về du học - ông Dũng nhận xét - , một điều hoàn toàn chính đáng song rất tốn kém. Việt Nam, do đó, cần chọn một số lãnh vực khoa học và kỹ thuật - những bộ môn có ứng dụng rộng rãi và nhanh chóng - và tổ chức đào tạo ngay ở trong nước với sự giúp đỡ về phương tiện vật chất và chuyên gia giảng dạy đến từ nước ngoài : “ *Tôi đồng quan điểm du học tại chỗ với tiến sĩ Trần Hà Nam là thế* ”.

Chọn các bộ môn tin học và quản lý, trường Hoa Sen nhằm đào tạo các nghề nhân viên văn phòng, trợ lý giám đốc, kỹ thuật viên điện toán với một chương trình học bước đầu là hai năm (về sau sẽ lên đến năm năm) cho sinh viên tốt nghiệp phổ thông trung học. Ngoài ra, trường còn có những chương trình đào tạo tại chức và đào tạo chuyên đề.

Dự án Lotus - Hoa Sen quy tụ về phía Pháp khoảng ba mươi cơ quan, xí nghiệp, hội đoàn, trong đó đáng kể nhất là Hội đồng thành phố Paris, Hội đồng vùng Ile de France, Hội đồng vùng Loire, Hội đồng vùng Aquitaine, các trường đại học Nantes, Angers và Paris VIII, Viện về các phương tiện truyền thông I.F.M. ( Institut Français Multimedia), công ty bảo hiểm U.A.P, hiệp hội P.L.E.A.S.E., Ủy ban hợp tác khoa học và kỹ thuật với Việt Nam... - chủ trì dự án là phó thị trưởng Paris, Claude Goasgen. Cơ quan O.R.E.P. (tổ chức về giáo dục thường xuyên của vùng Ile de France), do Gérard Pedurthe làm giám đốc, được chỉ định điều hành chương trình hợp tác về phía Pháp. Kinh phí tài trợ dự trù cho hai năm đầu tiên lên đến 10 triệu franc Pháp, sử dụng vào trang bị và hoạt động giảng huấn - “ và với mục tiêu là đi đến giảm dần phần tài trợ của Pháp để trong tương lai trường hoàn toàn tự túc ”.

Sau hai chuyến đi sang Việt Nam, hiệp hội P.L.E.A.S.E., ngoài dự án Hoa Sen, còn thiết lập nhiều quan hệ hợp tác giữa vùng Loire và Thành phố Hồ Chí Minh, trong những lãnh vực y tế, đóng tàu, hóa học ứng dụng, kiến trúc, đào tạo về du lịch và quản lý xí nghiệp... Thành lập năm 1990, P.L.E.A.S.E. có mục tiêu xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các tỉnh sông Loire của Pháp (gồm 5 tỉnh : Loire Atlantique, Maine et Loire, Mayenne, Sarthe, Vendée) và khu vực Đông Nam Á chủ yếu là Việt Nam. Để bảo trợ hoạt động đó, ông Nguyễn Trí Dũng đã vận động sự tham gia của hầu hết các nhân vật quan trọng thuộc nhiều xu hướng chính trị khác nhau của vùng Loire, đứng đầu là Olivier Guichard, chủ tịch Hội đồng vùng Loire và thị trưởng La Baule (đảng R.P.R.). P.L.E.A.S.E. còn được sự bảo trợ của thị trưởng Nantes, Jean Marc Ayrault (đảng Xã hội), thị trưởng Angers, Jean Monnier (đảng Xã hội), các thị trưởng Saumur, La Roche sur Yon, các nghị sĩ Claude Evin (đảng Xã hội), Hervé de Charette (đảng U.D.F.), François Fillon (đảng R.P.R.),

Philippe Mestre (đảng U.D.F.), chủ tịch phòng thương mại Nantes, chủ tịch các trường đại học Nantes và Angers, hiệu trưởng các trường kiến trúc và kỹ sư công nghiệp thực phẩm (E.N.I.T.I.A.A.)...

Hoạt động của P.L.E.A.S.E. hiện nay được chia thành năm tiêu ban : y tế, do bác sĩ Trần Hữu Hạnh phụ trách ; đào tạo do giáo sư Guen Nguyễn Trí Lực trách nhiệm ; kiến trúc và thiết kế đô thị, do hiệu trưởng trường kiến trúc Nantes, Jean Marc Cailleau phụ trách ; du lịch do giáo sư Bonneau, chủ tịch trường đại học Angers, đứng đầu ; thương mại, do ông Nguyễn Trí Dũng trách nhiệm. Các thành viên P.L.E.A.S.E. đều hoạt động không thù lao, và ngân sách hội - khoảng 150.000 franc - chủ yếu (ba phần năm) do các hội đồng vùng, tỉnh, thành phố, các phòng thương mại, thủ công nghệ và nông nghiệp của vùng Loire trợ cấp<sup>(1)</sup>.

“ *Quan niệm của P.L.E.A.S.E. - ông Dũng khẳng định - không phải là vận động viện trợ cho Việt Nam mà là tổ chức những quan hệ có lợi cho vùng Loire và Việt Nam. Chúng tôi bắt đầu với những chương trình đào tạo song mục đích là đi đến những thực hiện có tính chất kinh tế* ”. Song ông công nhận “ *trong tình hình Việt Nam hiện nay, kinh tế chưa ổn định, khung luật pháp không có, giới kinh doanh vùng Loire giữ thái độ chờ đợi* ”.

Quê ở Cao Lãnh, 57 tuổi, ông Nguyễn Trí Dũng sang Pháp năm 1952, tốt nghiệp trường cao đẳng thương mại Nantes và trở thành nhân viên giảng dạy của trường. Công tác sau đó ở cơ quan quản lý trợ cấp thất nghiệp A.S.S.E.D.I.C. của tỉnh Loire Atlantique, ông đã phụ trách bộ phận đào tạo dạy nghề. Nghỉ hưu năm 1990, ông tiếp tục làm cố vấn pháp luật cho công đoàn F.O. ở tòa án lao động.

Ngoài hiệp hội P.L.E.A.S.E., ông Nguyễn Trí Dũng còn là sáng lập viên và chủ tịch Hội ái hữu Việt kiều Nantes (trước đây Hội ái hữu sinh viên), hiện qui tụ gần hai trăm gia đình Việt Nam sinh sống trong vùng. Ông cho biết tỉnh Loire Atlantique có khoảng ba trăm gia đình Việt kiều, hơn hai phần ba đến lập nghiệp sau năm 1975 với quy chế tỵ nạn chính trị. Hoạt động của hội nhằm hai mục tiêu : tương thân tương trợ, giúp nhau hòa nhập vào xã hội Pháp (giúp đỡ thủ tục hành chính, tìm việc làm, nhà ở...) ; duy trì truyền thống văn hóa Việt Nam (tổ chức những ngày hội Tết Nguyên đán, Trung thu, lớp học tiếng Việt cho thiếu nhi, lớp gia chánh cho người Pháp...).

Tuy Hội ái hữu Việt kiều Nantes không có tính chất chính trị nhưng hầu hết thành viên đều “ *chống cộng sản, chống chế độ Việt Nam hiện nay* ” - ông Dũng công nhận. Giữa hoạt động cho P.L.E.A.S.E. và cho hội Việt kiều có mâu thuẫn hay không ? Ông cho rằng những hoạt động của ông với tính cách hội trưởng Việt kiều chủ yếu thuộc diện quan hệ của cộng đồng Việt với xã hội Pháp, và nhằm “ *bảo vệ uy tín và quyền lợi của cộng đồng, làm cho dân và chính quyền vùng Loire tôn trọng người Việt Nam* ”. Mặc dù vậy, ông không từ bỏ hy vọng bắc “ *thêm* ” một nhịp cầu giữa sông Loire và sông Sài Gòn.

Nguyễn Hải

(1) P.L.E.A.S.E., 10 rue de Candé, 44 800 Saint Herblain, (d.t. 40 26 24 61)

# giao lưu văn hoá hoà hợp dân tộc và trách nhiệm nhà văn

Chi trong vài năm vừa qua, nhiều biến cố chính trị đã thay đổi cục diện thế giới. Những chế độ cộng sản sụp đổ, những đảng Cộng sản băng hoại, những thay đổi cơ chế mới đây tại Liên Xô nhất định phải ảnh hưởng đến chính trường Việt Nam. Rồi viễn tượng bang giao Việt Mỹ sau giải pháp Campuchia, bối cảnh chính trị kinh tế tại Đông Nam Á nhất định phải đòi hỏi những suy nghĩ mới về phía người Việt Nam trong hay ngoài nước, có liên hệ hay không với chính quyền.

Bài này trình bày những biến chuyển trong tâm thức một số người Việt ở hải ngoại, qua vài ba bài báo, mà chúng tôi cho là những dấu hiệu đáng ghi nhận trong phạm vi văn học.

□

Vài ba năm gần đây, nhiều tờ báo và cơ quan xuất bản đã đăng lại hay in lại nhiều tác phẩm và tư liệu đã được phổ biến trong nước, từ truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đến những tuyên bố của Dương Thu Hương. Trong cộng đồng người Việt nước ngoài, chủ yếu là ở Bắc Mỹ, đã có tranh luận chung quanh vấn đề :

– về mặt lý thuyết, có hay không có một nền văn học phản kháng tại Việt Nam ?

– về mặt thực tế : nên hay không nên in lại những tác phẩm trong nước, có liên hệ ít nhiều đến chế độ ?

Với nhiều người, câu chuyện có vẻ... lẩn thẩn, nhưng với kẻ khác thì chính đáng và đã gây tranh luận sôi nổi, kèm theo việc phỉ báng và chụp mũ. Có hai lập trường đối nghịch :

– một bên cho rằng văn nghệ phản kháng tại Việt Nam hiện nay là giả hiệu : các tác phẩm nọ đã được Nhà nước độc quyền in ấn ; các tác giả kia vẫn lãnh lương Nhà nước, có khi cầm thẻ đảng viên. In lại là vô hình trung tuyên truyền cho cộng sản, ru ngủ cộng đồng, v.v... Kết quả là bốn mươi hội đoàn, mười ba tờ báo, Văn Bút Việt Nam hải ngoại đã ra một thông cáo trú danh tại Toronto ngày 15.7.1990 long trọng

kêu gọi đồng bào tẩy chay, không mua, không bán, không in những văn hoá phẩm “ có nguồn gốc từ bên kia chiến tuyến ”<sup>1</sup>

– một bên, gồm có những cá nhân, nhà văn, nhà báo, chủ trương khuyến khích giao lưu văn hoá, như nhà văn Nhật Tiến đã ghi lại : “ Hôm nay, theo chỗ tôi biết, có ít ra là hai nỗ lực, trong đó có nỗ lực của toà soạn Văn Học<sup>2</sup> đang được xúc tiến để góp phần hỗ trợ trực tiếp cho phong trào văn chương phản kháng ở quê nhà. Đó là việc ấn hành những tập sách giống như cuốn Trăm hoa đua nở trên đất Bắc (...) nói về vụ Nhân văn Giai phẩm ”<sup>3</sup>. Và Nhật Tiến cùng một số văn hữu như Thân Trọng Mẫn, Đỗ Hữu Tài và một số người khác đã ấn hành tập sách Trăm hoa vẫn nở trên quê hương<sup>4</sup> in đẹp, dày 800 trang, một tu liệu vô cùng hữu ích, mà chúng tôi đã có lần trân trọng giới thiệu<sup>5</sup>. Cũng cần thêm rằng cùng lúc đó, nhóm Trần Nghị Hoàng, trong nhiều số báo Văn Uyển, đặc biệt số 6, tháng 6.1990, đã giới thiệu các tác phẩm trong nước.

□

Triệu Tử Long của những vận động giao lưu văn hoá — và của mọi thứ giao lưu — Nhật Tiến từ nhiều năm nay đã là đối tượng cho nhiều bài xích và phỉ báng. Những cống gắng của ông trong việc hoá giải hận thù giữa người Việt với nhau thì nhiều người đã biết, ở đây chúng tôi không nhắc lại, mà chỉ ghi nhận công lao một số nhà văn khác, trước tiên là Nguyễn Mộng Giác.

Trên tạp chí Văn học Nghệ thuật, bộ mới, số 1, từ tháng 5.1985, Nguyễn Mộng Giác đã có bài nhận định về “ sự phản kháng của văn nghệ sĩ Việt Nam dưới chế độ cộng sản ”, bắt đầu từ một bài của Hoàng Ngọc Hiến trên tuần báo Văn Nghệ số 23, ngày 9.6.1979 “ Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua ” và Nguyễn Mộng Giác cho rằng “ Những bài viết trên Nhân văn Giai phẩm và Đất mới hồi 1956 chưa có bài nào có căn bản lý luận sắc bén như bài này. Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến soi rõ tận gốc rẽ tất cả sự giả tạo dưới chế độ cộng sản Việt Nam do đó về chiều sâu, sự phản kháng lần này có tầm mức ảnh hưởng sâu sắc hơn nhiều ”<sup>6</sup>. Vào thời điểm 1985, chúng tôi có cho rằng Nguyễn Mộng Giác chủ quan và quá đà ; nhưng bây giờ nhìn lại thì thấy ông nói đúng và đã tiên liệu được những bùng nổ trong sáng tác tại Việt Nam vài ba năm sau.

Năm 1990, khi cuộc tranh luận trở thành sôi nổi chung quanh vấn đề : có hay không có phản kháng, thật hay giả, in hay không in lại sách trong nước, thì Nguyễn Mộng Giác, rất sớm, đã khẳng định trên tạp chí Văn Học thái độ của mình bằng một bài báo trầm tĩnh, tách bạch, phân minh. Ông chứng minh rõ ràng là có một nền văn học phản kháng, âm ỉ từ lâu, đã nở rộ từ 1986 “ trước áp lực của thế giới, và áp lực của một xã hội rối loạn vì kinh tế suy sụp, chính quyền phải đưa ra những chủ trương thay đổi, cởi mở hơn đôi chút về kinh tế và văn nghệ. Thế là những tiếng nói, những khát vọng bị vùi dập lâu nay được dịp cất lên, lan rộng ra (...) Những văn nghệ sĩ dám nói lên tâm nguyện của quần chúng được quần chúng đón nhận nồng nhiệt, họ có ảnh hưởng đến

quần chúng nên bây giờ chính quyền không dễ gì đàn áp họ như thời Nhân văn Giai phẩm. Sách báo viết theo đuổi chính quyền bị quần chúng thờ ơ, sách báo chống chế độ được hưởng ứng nồng nhiệt”<sup>7</sup>.

Là người chủ biên tạp chí *Văn Học* trong nhiều năm, Nguyễn Mộng Giác nhất định có ảnh hưởng vào hai số báo *Văn Học* dành riêng cho văn chương phản kháng<sup>2</sup>, cùng với những người tiến bộ khác như Khánh Trường và Hoàng Khởi Phong.

Một năm sau cũng trên *Văn Học*, số Xuân Tân Mùi 1991, Nguyễn Mộng Giác đã thêm một bài báo quan trọng khác, “Góp ý về một cái nhìn”. Chủ yếu, ông đổi chiểu thời kỳ phồn thịnh của văn chương hải ngoại vào những năm 1985-1987 với “tình trạng nhẩn nha, cầm chừng hoặc uể oải thụt lùi” của mấy năm gần đây, phần nào do ảnh hưởng những tác phẩm quốc nội được phổ biến nhanh chóng, dễ dàng và rộng rãi ở hải ngoại. “Khụng lại là phải. Khó có nhà văn hải ngoại nào mô tả được sự sa đoạ về nhân tính, sự suy đồi về xã hội dưới chế độ cộng sản rốt ráo tận cùng cho bằng Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp”<sup>8</sup>.

Vượt ra khỏi vòng đè dặt cố hữu của mình, Nguyễn Mộng Giác lên án những người lớn tiếng đòi cấm đoán “sách báo cộng sản”: “Nhiều người (kể cả một số người cầm bút) e ngại phải đối đầu với thủ thách này, quay mặt làm ngơ coi như không cần phải quan tâm tới “sách báo cộng sản”. Nhiều người khác, quên mất khả năng, quyền lực của người ăn nhờ ở đậu xứ người, đòi cấm đoán, tịch thu, đốt sách... Tuyên ngôn, tuyên cáo ra đã nhiều, tranh luận, đả kích nhau đã lăm, nhưng nói gì thì nói, giới cầm bút hải ngoại vẫn không thể không đối diện với thủ thách này. Thủ thách về sức thuyết phục người đọc, thủ thách về giá trị tác phẩm.

Tôi cho rằng chính thủ thách này đã khiến nhiều người cầm bút khụng lại (...). Ngay cả những người lên tiếng đòi bài trừ, cấm đoán, đốt xé sách báo cộng sản cũng tìm đọc loại sách báo đó nhiều hơn cả, vì phải tìm hiểu rõ kẻ thù. Và khi đã tìm hiểu, so sánh, đối chiếu, rất nhiều trường hợp người viết chún tay e ngại, vì nhận ra mình không am tường và “sống” với thực tế hiện trạng Việt Nam bằng các tác giả quốc nội”<sup>8</sup>

Đã xa rồi, đã xa lăm rồi cái năm 1987 mà ông Đỗ Quý Toàn tuyên bố “trong cộng đồng hàng triệu người sống ở nước ngoài, chúng ta đang xây dựng một nền văn chương đích thực, chính thống tố tông truyền chúng ta không thể gọi đó là một nền văn chương lưu vong”.

“Chính những người làm văn chương đang sống trong chế độ độc tài ở Việt Nam mới thực sự lâm vào cảnh lưu vong trên chính quê hương mình”<sup>9</sup>. Về sau này, ông Đỗ Quý Toàn, trên báo Thể kỷ 21 mà ông làm chủ bút dưới một bút hiệu khác, đã có những quan điểm uyển chuyển hơn.

Trở lại bài báo của Nguyễn Mộng Giác. Tác giả *Mùa biển động* đã báo nguy về tình trạng ghetto trong văn giới: “thay vì tận dụng kho kiến thức tài liệu và tầm nhìn rộng, gần như mọi người thu mình trong sinh hoạt của một cộng đồng địa phương, của một phe nhóm, thậm chí một đường phố. Mỗi người tự tạo quanh mình một thứ ghetto nào đó (...)

Điều đáng báo động là những trò chụp mũ, nguy tạo tin tức để hạ đối thủ xưa nay chỉ thấy trong hạ sách đấu tranh chính trị, gần đây đã xâm nhập vào các tạp chí văn chương”<sup>10</sup>.

Tình trạng ghetto kia, buồn thay, không riêng gì cộng đồng Việt Nam tại Bắc Mỹ, mà nơi khác cũng có. Ngay báo *Diễn Đàn* này, có bị tinh thần ghetto giới hạn không? (chúng tôi sẽ trả lời ở một bài khác).

Mới đây hơn, trên báo *Văn Lang*, số ra mắt, một tập san chuyên biên khảo, mỗi năm ra hai lần, Nguyễn Mộng Giác có một khảo luận thâm thuý trong tinh thần tìm hiểu và thông cảm với Ngô Thì Nhậm người trí thức thời loạn. Bài này không trực tiếp liên quan đến thời sự nhưng phản ánh một băn khoăn lớn của thời đại: làm sao đánh giá — hoặc phán xét — sự dấn thân của nhà văn, của người trí thức vào hành động chính trị, vào những thời kỳ mà những giá trị về ý thức hệ phân hoá và xung đột, mà lịch sử lại đòi hỏi những chọn lựa dứt khoát và bức bách. Ý nghĩa thời sự có thể nằm ngoài dụng ý của Nguyễn Mộng Giác, nhưng một khi độc giả đã bắt gặp, thì rất nên ghi nhận và đào sâu: dụng ý của tác giả đôi khi không quan trọng bằng âm vang của tác phẩm, và bài biên khảo của Nguyễn Mộng Giác về Ngô Thì Nhậm có giá trị hoà giải và hoá giải sâu đậm.

Theo Nguyễn Mộng Giác “chưa có một người trí thức Việt Nam nào từ xưa tới nay, có một đời sống tâm linh và hoạt động phong phú đa diện cho bằng Ngô Thì Nhậm”<sup>11</sup>. Từ gia đình, dòng họ đến bản thân ông chịu ơn mua mộc của chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã rời bỏ hàng ngũ của mình để hợp tác với Tây Sơn và nhận những nhiệm vụ Tây Sơn giao phó “Ngô Thì Nhậm là một nhân vật lịch sử danh tiếng và tài tiếng (...) Phải có một nghị lực phi thường, một niềm tin mạnh mẽ vào sức mạnh của trí tuệ, Ngô Thì Nhậm mới đối phó nổi, một bên là dư luận ác cảm của sĩ phu Bắc Hà, một bên là bản tính thô bạo kiêu căng của đám tướng lĩnh Tây Sơn”<sup>11</sup>.

Sự chọn lựa của Ngô Thì Nhậm nhất định phải khó. Khó hơn trường hợp Nguyễn Trãi, cháu ngoại nhà Trần, đã rời hàng ngũ vương tôn để theo dám áo vải Lam Sơn: “Làm quân sư cho một phong trào dân tộc kháng chiến chống ách đô hộ của ngoại bang để giành độc lập, Nguyễn Trãi cứ thuận theo chính nghĩa có sẵn để thi thoả tài năng. Tổ quốc với vương triều ông tận tụy phục vụ là một (...) Ngô Thì Nhậm không được may mắn như Nguyễn Trãi. Xã hội ông sống lại hỗn loạn tận gốc rễ, nhất là sự hỗn loạn về ý hệ. Tổ quốc và vương triều không phải là một như thời Nguyễn Trãi, trung với vua không nhất thiết là trung với nước”<sup>11</sup>. Nguyễn Mộng Giác còn thêm rằng: “thủ thách lớn lao nhất của Ngô Thì Nhậm không phải là quyết định ra hợp tác với Tây Sơn, mà vì những gì ông phải đương đầu sau đó”<sup>11</sup>. Nguyễn Mộng Giác có phần chủ quan chăng khi viết “Tôi nghĩ Ngô Thì Nhậm phải đợi tới lúc Nguyễn Huệ xưng đế và đại phá quân Thanh, ông mới hoàn toàn yên ổn về tinh thần. Chữ Trung không còn quấy rầy ông nữa, mà dư luận cũng hết xem ông như một kẻ xu thời, phản bội. Đến lúc ấy, Ngô Thì Nhậm mới có được ưu thế thuận lợi của Nguyễn Trãi”<sup>11</sup>.

Dù cho luận điểm của Nguyễn Mộng Giác có chỗ cần được bàn lại, dù cho dụng ý chính luận của Nguyễn Mộng Giác và ẩn dụ thời sự không hiển nhiên, bài báo của Nguyễn

Mộng Giác vẫn đặt những vấn đề mới cho lương tâm trí thức của chúng ta, dù ở vị trí nào đi nữa, và buộc chúng ta phải thao thức, suy nghĩ, thảo luận. Đường chúng ta đi đã quá nhiều ngã rẽ : 1945, 1954, 1968, 1975 và từ mười lăm năm nay, mỗi chúng ta lại có những ngã rẽ khác. 1991, sau bao nhiêu biến thiên trên đất nước và thế giới, chúng ta đánh giá ra sao về những việc, những người, những cuộc gặp gỡ, những cuộc chia tay ở mỗi ngã tư của lịch sử ?

Từ tâm trạng đó, chúng tôi đánh giá cao những đóng góp bền bỉ và sâu sắc của Nguyễn Mộng Giác vào số vốn suy nghĩ chung của chúng ta về con người, trong những tình huống nghiệt ngã của đất nước.

□

**T**rong tháng 10 vừa qua, một số nhà văn nhà báo việt ngữ tại Hoa Kỳ cho phát hành, hai tháng một lần, tạp chí văn nghệ *Hợp Lưu*, với đặc điểm là đăng tải những bài vở viết trong và ngoài nước, không chấp nhất hoàn cảnh địa lý hay chính trị của người viết, miễn là bài viết có nội dung dân tộc và nhân đạo, và nghệ thuật cao. Thư toà soạn xác định đường lối :

“ *Văn học là một phần của văn hóa, dứt khoát không thể tách rời cội nguồn dân tộc (...). Khát vọng sâu xa nhất trong mỗi văn nghệ sĩ, là mong được gởi sáng tác của mình đến tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt trong ngoài. Khát vọng đó, buồn thay, do lòng thù hận, do những vướng víu quá khứ, do tầm nhìn hữu hạn bị chi phối bởi định kiến chính trị, có khi do đố kỵ, và nhất là do muốn yên thân, chúng ta đều cố tình tránh né...* ”. Trước tình trạng đó, một số anh em quyết định “ *hợp lưu* ” để “ *phá vỡ mọi biên cương, mọi định kiến, mọi ràng buộc, mọi điều “cấm kỵ”, cập nhật theo kịp, theo sát những trào lưu mới của nhân loại (...).* ” Đến lúc chúng ta cần khai tử quan niệm bảo thủ, cục đoan, tự ti hoặc tự tôn vô lỗi, từng làm cho văn chương nghệ thuật của chúng ta trở nên già nua, thiếu sinh khí ”<sup>12</sup>.

*Hợp Lưu* số đầu đăng nhiều bài viết trong nước của Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Quang Thiều..., xen kẽ với những tác giả ngoài nước như Trần Vũ, Thụy Khuê, Luân Hoán, Nguyễn Mạnh Trinh...; đặc biệt có bài của Thế Uyên, và bài của Khánh Trường, người chủ biên, phỏng vấn Mai Thảo. Chúng tôi xin giới thiệu hai bài này.

Thế Uyên là một nhà văn nổi tiếng ở miền Nam từ thập niên 1960 ; ông chủ trương nhóm Thái Độ, góp ý kiến vào tình hình đất nước lúc đó. Đến 1975 ông bị bắt đi học tập, sống lây lắt khi được phỏng thích, và cuối cùng di tản sang sống ở Mỹ. Ông có rất nhiều lý do để căm thù cộng sản. Thế nhưng trong *Vài ghi nhận về dân tộc, chế độ và văn chương*, ông tỏ ra rất cởi mở và muốn công hiến văn chương của mình cho đất nước, dân tộc, vì “ *các triều đại, các chế độ cũ việc kế tiếp nhau qua, các dân tộc vẫn cứ tồn tại* ”. Khi phân biệt rạch ròi chế độ và dân tộc thì “ *nhiều vấn đề gai góc của người Việt ở hải ngoại có thể được giải quyết dễ dàng. Thí dụ như vấn đề chống Cộng chẳng hạn* ”. Rồi Thế Uyên nêu ra từng trường hợp cụ thể : việc về thăm đất nước “ *là một thứ quyền thiêng liêng của người dân, không một chế độ (hay*

*một ông chủ tịch hội đoàn hải ngoại) nào có quyền bác khuốc* ”. Ông dứt khoát lên án việc cấm cản người Việt nước ngoài đọc sách in trong nước, vì nó vừa phi lý vừa phi pháp, chưa kể là nó có thể, nó đã, đưa đến những bạo hành : “ *Không có gì quê và ba gai cho bằng lẩn lút tránh né cảnh sát địa phương để di dốt lén, đánh lén và giết lén những người không chịu nghe theo ý mình. Thậm chí đến độ thấy người đàn bà vô tội cũng chẳng chịu nương tay súng (...).* ” Những người Mỹ, Canada, Úc, Đức thật sự đã giảm lòng coi trọng cộng đồng Việt chỉ vì những hành động bạo hành bất chánh đó ”. Có lúc Thế Uyên viết thật mạnh, gần như thách thức : “ *Không phải cứ mỗi năm mặc quần áo lính cũ diễn hành trong những đường phố an bình của Tây phương là đã xoá nhoà sự thất trận năm 1975. Thượng cờ và diễn hành, chúng ta đã làm quá nhiều, và những điều ấy không hề làm lẩn ra chết một bộ đội hay một công an khu vực ác ôn nào trong nội địa Việt Nam cả, cũng chẳng mang được một ly sữa nào cho trẻ sơ sinh...* ”. Thế Uyên đã nêu lại tình trạng ghetto và ông nói mạnh, đi xa hơn Nguyễn Mộng Giác : “ *Các cộng đồng hải ngoại được thành lập hoàn toàn trên căn bản tự nguyện : đâu có một chính quyền Âu, Úc, Bắc Mỹ nào bắt buộc người Việt phải deo cờ vàng, ba sọc đỏ trên ngực và phải sống chui rúc trong các ghetto như những người Do Thái deo sao sáu cánh và sống thu hẹp trong vài khu phố hẹp dưới thời Hitler* ”. Tình trạng ghetto vô cùng nguy hại, vì nó cô lập những tiểu cộng đồng người Việt với xã hội chung quanh, và gây chia rẽ, hiềm khích giữa người Việt với nhau. Từ nhiều năm nay, tôi đã đọc Thế Uyên rất nhiều và rất kỹ, và chưa từng thấy ông kết luận một bài báo buồn bã như thế này : “ *Số người Việt xa lánh cộng đồng, chọn lựa “thôi” làm người Việt đã xảy ra rồi. Và đã có người Việt trẻ bây giờ tắc lưỡi : viết tiếng Việt đã khó thấy mồ, mà còn dám bị chửi mắng, ăn đòn đạn nữa thì viết để làm gì, chơi với người Việt làm gì nữa ?* ”<sup>13</sup>

Thế Uyên còn là tác giả một tập hồi ký. Tạp chí *Tin nhà*<sup>14</sup> do một số anh em Công giáo tại Paris chủ trương, trong giới hạn phương tiện eo hẹp, đã ấn hành cùng với số 4, hè 1991, một đoạn hồi ký của Thế Uyên trong đề tài Nguyễn Văn Trung và những người Công giáo bạn tôi, dưới hình thức phụ bản. Cũng như Nguyễn Mộng Giác trong bài về Ngô Thị Nhậm, Thế Uyên không trực tiếp trình bày quan điểm chính trị. Nhưng qua những kỷ niệm thăm thiết với những người bạn không cùng đức tin, không đồng chính kiến, qua lối kể chuyện đơn sơ nhưng ấm áp tình người, Thế Uyên đã thăm lặng truyền đạt một tinh thần hoà hợp sâu sắc mà chúng tôi nồng nhiệt hoan nghênh.

Cuối cùng báo *Hợp Lưu* có đăng bài phỏng vấn Mai Thảo do Khánh Trường thực hiện. Chủ biên nhiều tạp chí văn học nghệ thuật tại miền Nam trước 1975, Mai Thảo trước kia được xem như là một tác giả phù phiếm, nặng óc chống cộng hẹp hòi. Di tản sang Huê KỲ, Mai Thảo chủ trương tạp chí *Văn*, và khi trả lời báo *Hợp Lưu*, ông tỏ ra có ý thức trách nhiệm. Bình luận về những tranh cãi về giao lưu văn hoá, ông tuyên bố : “ *Tôi chỉ muốn nói hai điều. Một, từ cổ chí kim, chứ không phải chỉ thời đại này, dưới bất cứ một bạo lực bạo quyền nào, đều có phản kháng và đối kháng (...)* ” Toàn

dân Việt Nam hiện giờ đang bị đày đoạ và quẫn quại dưới bạo lực chuyên chính là bạo lực hàng đầu của những bạo lực, vậy nếu có phản kháng mở đầu bằng phản kháng của văn chương thì cũng là điều dễ hiểu, không nên ngạc nhiên, không nên ngờ vực. Chỉ đáng ngạc nhiên nếu tại sao chưa có mà thôi. Hai, tôi chưa thấy một cộng đồng lưu vong nào trên thế giới, với dư luận và báo chí của cộng đồng ấy, hoài nghi về những phong trào phản kháng chống chế độ, phần lớn được mở đường bằng những người làm văn học nghệ thuật, trên đất nước lầm than của họ. Để mở ra những cuộc tranh luận ồn ào và chẳng đi tới đâu về thực hay giả, về có hay không. Rồi biến những cuộc tranh luận ấy thành bút chiến, thành đả kích lẫn nhau. Không, tôi không thấy một tập thể lưu vong nào như vậy. Chỉ thấy độc "ta" thôi, như một trường hợp duy nhất".<sup>15</sup>

Thái độ của Mai Thảo dù chỉ mới dừng lại ở một phản ứng sáng suốt, nhưng trong hoàn cảnh nhốn nháo và bát nháo hiện nay vẫn là một dấu hiệu đáng mừng. Chúng ta cảm động khi nghe Mai Thảo giải bày : " Từ ngày ra khỏi nước, tuổi đã về chiều, phần đời còn lại chẳng còn là bao, ở tôi đã có một cố gắng tìm kiếm một bình yên cho tâm hồn, một êm đềm cho tâm thức, bằng cách ngắm nhìn đời sống, đồng loại và chính mình một cách khoan dung và thoả thuận hơn ".<sup>15</sup>

Chúng tôi trân trọng những lời lẽ như thế của Mai Thảo.

□

Những sụp đổ của chế độ cộng sản trên thế giới, chính quyền cộng sản Việt Nam mỗi lúc một suy nhược mà không tỏ ra có khả năng vượt khỏi những suy nhược của mình, việc giao lưu văn hoá và nhân sự giữa trong và ngoài nước, giá trị văn học của một số tác phẩm trong nước, đã xác định lại một số vấn đề mà các văn nghệ sĩ đang trả lời với lương tâm mình và công luận, trong chiều hướng góp phần vào việc củng cố giao lưu văn hoá, hoà hợp dân tộc, điều kiện cần yếu cho mọi vận động dân chủ hoá và phát triển đất nước.

Tình trạng suy nhược của đất nước, nếu chỉ do những chính sách sai lầm, thì ta quy trách nhiệm cho một chính quyền vừa bất lực vừa tàn bạo. Nhưng thẩm trạng kia còn có thể do những căn nguyên văn hoá, văn hoá nói chung và văn hoá chính trị. Chúng ta vẫn tự hào với bốn ngàn năm văn hiến nhưng trải qua bốn ngàn năm, chất văn hiến đó có còn đủ sinh khí và sinh lực để đưa dân tộc vượt qua khỏi những trở ngại, thử thách, trong việc quản lý một đất nước rộng lớn, một dân tộc đông đúc và phân hoá trước một bối cảnh quốc tế cay nghiệt ? Người cộng sản cầm quyền kém cỏi, nhưng họ kém cỏi chỉ vì họ là cộng sản, hay vì tiềm lực của dân tộc, về kinh tế và văn hoá nữa, đã quá hao mòn ?

Muốn đất nước phát triển thì phải có dân chủ thực sự, điều đó không cần bàn cãi. Dân chủ có những quy luật chung cho nhân loại, nhưng lại cần được cập nhật hoá trong mỗi hoàn cảnh dân tộc. Đây là trách nhiệm của những người làm chính trị, mà cũng là của người làm văn hoá, trong nghĩa khoa học, kỹ thuật và văn nghệ. Trách nhiệm của văn hoá càng quan trọng hơn nữa khi chính trị đã đánh mất lòng tin của người dân.

Đặng Tiến  
13.11.1991

<sup>1</sup> Trích theo Nguyễn Gia Kiểng, *Thông Luận*, số 30, tháng 9.91.

<sup>2</sup> *Văn Học* (tạp chí), California, hai số 49 và 50 (tháng 3 và 4.1990), hai số đặc biệt về văn chương phản kháng. Về cuộc tranh cãi chung quanh, báo *Thế kỷ 21* (California), số 14 (tháng 6.1990) có đăng nhiều luận điểm của hai bên.

<sup>3</sup> *Văn Học*, số 50, tr. 29

<sup>4</sup> Nhà xuất bản Lê Trần, POBox 2145, Reseda, CA 91335 (USA), giá 25 MK.

<sup>5</sup> *Thông Luận*, số 32, tháng 11.1991

<sup>6</sup> *Văn học Nghệ thuật* là tiền thân tạp chí *Văn Học* (California) hiện nay, tr. 30 và 25.

<sup>7</sup> *Văn Học*, sđd., số 49, Xuân Tân Mùi, tr. 7

<sup>8</sup> *Văn Học*, số 59-60, năm 1991, Tr. 7 và 8

<sup>9</sup> *Người Việt*, ngày 2.8.1987, trích theo Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Học*, số 47-48, tháng 1.1990, tr.9

<sup>10</sup> *Văn Học*, số 59-60 đã dẫn, tr. 10

<sup>11</sup> *Văn Lang*, số 1, tháng 6.1991,

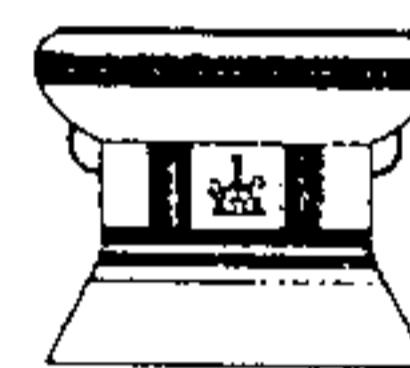
<sup>12</sup> *Hợp Lưu*, số 1, tháng 10.1991, tr. 2 và 3. Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave, Ste 111, Westminster, CA 92683 (USA), giá 6 MK. Có bán tại Khai Trí, 93 avenue d'Ivry, Paris 13 và Sudestasie, 17 rue Cardinal Lemoine, Paris 5.

<sup>13</sup> *Hợp Lưu*, sđd., tr. 6-13.

<sup>14</sup> *Tin Nhà*, 63 rue Saintonge, 75003 Paris, 80 F một năm (4 số).

<sup>15</sup> *Hợp Lưu*, sđd., tr. 158 và 154.

quảng cáo



VIPHARCO

hợp pháp  
phát nhanh  
hối suất cao  
miễn thuế  
bảo đảm

CHUYỂN  
TIỀN  
VỀ  
VIỆT NAM

( Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh  
và các tỉnh lân cận ).  
Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*  
hoặc *chèque de banque*

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT  
XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO  
12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

☎ (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83



## thứ tìm hiểu xem “dân tộc” là gì ?

Trần Văn Khê

Tôi đã có dịp định nghĩa sơ bộ những từ “dân tộc” và “hiện đại” trong bài tôi viết về Giải thưởng Hoàng Mai Lưu năm 1990 vừa qua.

Hôm nay, tôi xin mạn phép bàn thêm về từ “dân tộc”.

Dân tộc ở đây có nghĩa là tính dân tộc.

Từ điển tiếng Việt do Văn Tân chủ biên, và trong bản in lần thứ hai, năm 1977, do Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm chỉnh lý và bổ sung, đã định nghĩa “tính dân tộc” là “*Tính chất đặc biệt của từng dân tộc, thường biểu hiện ở văn hóa*”.

Trong cuộc hội nghị bàn về tính dân tộc trong âm nhạc vào năm 1972, nhiều nhạc sĩ và lãnh đạo văn hoá đã tham luận, và một tập kỷ yếu được xuất bản lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 1972, gồm có 20 bài do 17 tác giả viết, sách dày 232 trang, với cái tựa đề *Về tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam*, tái bản ngày 15.8.76, dày 249 trang. Trong đó, anh Hà Huy Giáp có dịp định nghĩa “tính dân tộc” một cách đầy đủ hơn :

“Khi ta nói đến tính dân tộc, tức là ta nói đến những đặc điểm, tính đặc đáo cả về nội dung lẫn hình thức của nghệ thuật, do sinh hoạt vật chất và tinh thần và những truyền thống riêng biệt của dân tộc tạo nên, và có một sức sống rất bền bỉ, lâu dài trong đời sống văn hoá và nghệ thuật” (sách đã dẫn, tr. 7).

Khi người phụ nữ Việt Nam mặc áo dài của ta, khác với áo kimono của Nhật, áo sari của Ấn Độ, áo xẻ từ đùi tới chân như áo Thượng Hải, chúng ta cho rằng áo dài của ta có tính chất dân tộc. Ai thấy áo dài cũng biết ngay là áo đó của dân tộc Việt Nam.

Khi chúng ta ăn thịt kho, cá kho bằng nước dừa xiêm, có bỏ nước màu, khác hẳn với thịt heo xào chua ngọt và cá chưng tương của người Trung Quốc, thì thịt kho, cá kho đã mang tính “dân tộc” Việt Nam. Nói chi đến cách gói nem chua, thì dân tộc Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan nhút định không biết làm món ấy. Nem chua rất đậm màu dân tộc Việt Nam.

Trong lĩnh vực âm nhạc, xét về mặt nội dung và hình thức, từ phương tiện và phong cách biểu diễn âm nhạc, đến việc xây dựng dàn nhạc, phối hợp âm thanh, đồng ca, hòa nhạc, sáng tạo dân ca cổ nhạc, sử dụng ngôn ngữ âm nhạc (thang âm, điệu thức, tiết tấu), thì “dân tộc tính” là những nét đặc biệt trong cách tạo, cách dùng nhạc khí, cách lên dây, cách phối

hợp nhạc khí thành dàn nhạc, cách luyến láy, thành hơi, thành điệu, cách rao hay đạo mở đầu, cách thêm chữ chuyền, chữ chạy, cách nhấn nhá, rung, mở thành chữ già, chữ non, cách dàn hát theo nhịp nội nhịp ngoại, cách đánh trống, gõ nhịp, và biểu diễn theo nguyên tắc chân, phương, hoa, lá, cách lấy hơi, bắt giọng, hát cho tròn vành rõ chữ, êm hơi nhả chữ, ngân dài, ngân ngắn theo cách đỡ hột, đỡ con kiến, hát lè lối, hát hàng hoa... Trong khí nhạc và thanh nhạc có rất nhiều cách dàn, cách hát mà cha ông chúng ta đã thể nghiệm, áp dụng và lưu truyền cho chúng ta. Người trong nghề thì biết rõ phong cách dàn hát đã dành, người không ở trong nghề, khi nghe quen tai cũng nhận ra được thế nào là dân tộc, thế nào là lai căng, lạc điệu.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi không thể đi vào chi tiết, chỉ muốn, ngang qua vài dẫn chứng, tìm ra những đặc điểm của “tính dân tộc” trong âm nhạc Việt Nam. Các bạn đọc nào muốn có thêm đầy đủ chi tiết xin tìm xem quyển *Tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam* mà chúng tôi đã dẫn ở trên.

Thứ xem qua các nhạc khí Việt Nam, cây dàn nào có nhiều tính dân tộc ?

Cây dàn bầu (hay dàn độc huyền), cây dàn đáy, cây dàn nguyệt (hay cây dàn kìm), cái sên tiền là những nhạc khí rất “dân tộc” của Việt Nam. Vì sao ?

1. - *Những nhạc khí ấy chỉ có mặt trong nước Việt Nam mà thôi.* Không có một nước nào khác trên thế giới có những nhạc cụ ấy, kể cả những nước châu Á lân cận, láng giềng của chúng ta.

Dàn một dây cũng có thể gặp được nhiều nơi. Trung Quốc có dàn i xian qin, cũng như Nhật Bản có dàn ichi gen kin, cả hai đều viết bằng chữ Hán *nhứt huyền cầm*. Dàn một dây ta, không dùng bồi âm (harmoniques), không có cần dàn, tay mặt khảy dây bằng móng tay hoặc móng ngà tsume của người Nhật, giọng cao thấp do tay trái nhấn làm cho phần dây rung ngắn, dài, phát ra âm cao, thấp.

Ấn Độ có dàn gopi yantra, một dây mà giọng cao thấp chỉ do sự dùng thẳng của dây, mà cũng không có dùng bồi âm.

Người Khmer có dàn sadev (đọc xa diêu), một dây có bầu áp vào người, khảy bằng những ngón của bàn tay mặt, dây bấm bằng các ngón tay trái, không có dùng đặc biệt bồi âm.

Người chau Phi có nhiều dàn một dây, mà toàn là dàn có cung kéo chớ không phải dàn có dây khảy.

Người dàn bầu Việt Nam tạo ra bồi âm bằng cách kích thích sợi dây đúng ngay các nút dao động, và độ cao của các bồi âm lại thay đổi theo bàn tay trái ấn trên cần dàn, làm cho sức căng của dây thay đổi như trên dây dàn bầu. Dàn bầu Việt Nam, có những nét đặc đáo đó, từ đời trước truyền đến đời sau, đã mang “tính dân tộc Việt Nam”.

Dàn đáy cũng vậy. Tuy dàn có 3 dây, mà không giống cây san xian (tam huyền) của Trung Quốc, hay dàn shamisen của Nhật, sandze của Mông Cổ, setar của Ba Tư, vì thùng dàn của Trung Quốc và Mông Cổ bịt bằng da trăn, thùng dàn shamisen bằng da mèo mặt và da chó phía lưng, thùng dàn đáy bằng gỗ, hình thang hoặc hình vuông dài chớ không phải bầu dục như dàn setar. Cần dàn đáy rất dài và dàn có 10 phím chớ không tròn tru như các dàn 3 dây của Trung Quốc, Nhật Bản,

Mông Cổ, hay buộc dây như đàn setar. Trên thế giới, không có cây đàn nào trong hình dáng và cách biểu diễn, giống như đàn dây cá. Đàn dây có “tính dân tộc” Việt Nam.

Đàn nguyệt Việt Nam không giống yue qin của Trung Quốc, mặc dù chữ yue qin phiên âm ra tiếng Việt là *nguyệt cầm*, vì đàn yue qin cần rất ngắn, như đàn đoán, phím không cao, đàn có chữ chuyền, thiếu chữ nhấn. Đàn chapey của người Khmer, thì cần quá dài, phím gắp không theo thang âm Việt Nam mà theo thang âm 7 cung đồng đều của dân tộc Thái và Khmer. Đàn nguyệt có tính dân tộc Việt Nam.

Sênh tiền Việt Nam rất độc đáo vì có 3 thanh gỗ, có gắn tiền diều trên 1 thanh, nên ngoài tiếng gỗ chạm vào nhau còn có tiếng đồng kêu xêch xoạt, do những đồng tiền diều nhảy theo động tác của tay gỗ nhịp, lại có thanh khắc răng cưa để cọ quẹt, nên tuy là một nhạc khí mà có 3 chức năng : phách gỗ, phách rung và cọ quẹt. Trong lối nhạc *nan kuan* cổ nhạc triều đình Trung Quốc có phách gỗ và cọ quẹt mà không có đồng tiền nhảy theo phách rung. Sênh tiền Việt Nam có tính dân tộc Việt Nam.

Không phải yếu tố chỉ có ở nước Việt Nam mới định được *dân tộc tính*.

## 2.- Ngoài ra, có những truyền thuyết trong dân gian chứng tỏ rằng nhạc khí đó được dân tộc Việt Nam sáng tạo.

Khuôn khổ của bài này không cho phép chúng tôi thuật lại cả truyền thuyết vợ Trương Viên, hiếu đạo với mẹ chồng được tiên cho cây đàn 1 dây, mà theo tương truyền là cây đàn bầu, cây đàn mầu nhiệm, để hành khất nuôi mẹ chồng trong lúc chạy giặc và sau nhờ cây đàn ấy mà vợ chồng sum hiệp.

Cây đàn dây, theo tương truyền, cũng do tiên cho Đinh Dụ (hay Đinh Lễ) miếng gỗ ngô đồng và dạy cách đóng đàn. Nhờ đàn ấy, Đinh Dụ trị cho Bạch Hoa tiểu thư khỏi bệnh câm và nêu duyên cầm sắt với nàng.

Một nhạc khí muốn mang tính dân tộc, phải có ba điểm quan trọng sau đây :

## 3.- Đông đảo người Việt chấp nhận như là một nhạc khí của dân tộc Việt Nam vì nhạc khí đó phù hợp với tâm hồn Việt Nam, với quan điểm thẩm mỹ của người Việt.

4.- Nhạc khí đó đã được lưu truyền từ đời này đến đời kia, mãi đến ngày nay, và như thế đã chịu thử thách của thời gian. Tính dân tộc phải là một cái gì trường cửu, chứ không phải nhút nhát như một thời trang, ưa chuộng đó, rồi bỏ đi sau một thời gian rất ngắn.

## 5.- Nhạc khí đó phải nói được tiếng nói của âm nhạc Việt Nam.

Yếu tố này vô cùng quan trọng. Và nhờ nó, mà chúng ta có thể chấp nhận những nhạc khí đầu không phải do dân tộc ta chế ra, không phải chỉ ở Việt Nam mới có, mà từ một nước khác du nhập vào. Khi nói được tiếng nói âm nhạc Việt Nam, rõ ràng, không *ngọng nghieu*, thì nhạc khí đó trở thành nhạc khí dân tộc Việt Nam.

Trong lịch sử âm nhạc Việt Nam, có rất nhiều trường hợp giao lưu văn hoá. Nhiều nhạc khí từ các nước lân cận, hay từ Trung Quốc, Ấn Độ, ngang qua Lâm Ấp, Chiêm Thành, đã được du nhập vào nước Việt, và sau bao nhiêu đời đã trở thành

cây đàn dân tộc Việt Nam. Như cây đàn tranh, đàn cò (đàn nhị), đàn tỳ bà do các nhạc khí từ Trung Quốc mang sang (đàn zheng, đàn er hu, đàn pipa) nay đã được coi như đàn dân tộc. Tuy không do người Việt chế tạo, tuy không có truyền thuyết chi trong dân gian về các nhạc khí ấy, nhưng ba điều kiện sau cùng đã có đủ. Và quan trọng nhứt là các nhạc khí ấy nói được tiếng nói âm nhạc của dân tộc Việt Nam.

Trong các nước khác, chúng ta cũng thấy nhiều thí dụ như vậy (...).

Có người nói rằng : cây đàn piano, mà được dân tộc Việt Nam dùng, sau một thời gian cũng sẽ thành nhạc khí dân tộc Việt Nam. Đàn piano làm sao nói được tiếng nói âm nhạc theo phong cách Việt Nam để thành nhạc khí dân tộc Việt Nam ?

Cây đàn ghita (lục huyền cầm), cây đàn violon (vĩ cầm), nhất là cây đàn ghita phím lõm thì có thể được coi như là nhạc khí Việt Nam, vì các đàn ấy nói được tiếng nói âm nhạc của dân tộc Việt Nam, xụ non xang già cống non... luyến, láy, vuốt, rung nhẹ, rung mạnh, hưởng, nhấn, chày, được cả. Chỗ đàn piano, không thể đàn xụ non, xang già, cống non, khi hoà theo câu hò mái nhì, không thể nhấn chữ xang đàn và nhấn sâu một chút và rung nhẹ, khi đàn một câu Vọng cổ. Đàn piano đàn đậm câu hò mái nhì, hay bài Vọng cổ, nghe như người nói ngọng, thì không thể nào cây đàn piano trở thành đàn dân tộc Việt Nam được.

Cũng như cây đàn harmonium đã được dùng để dạy xướng âm cho các trường mẫu giáo Nhựt Bổn, từ buổi đầu thời Minh Trị (khoảng năm 1860 đến nay) khi có ông giáo sư cố vấn người Mỹ Luther Whiting Mason đề nghị dùng đàn ấy để dạy âm nhạc và xướng âm cho trẻ con Nhựt Bổn. Đến nay, đàn harmonium đã đi vào đời sống âm nhạc của trẻ em Nhựt, từ đời này qua đời khác, đã hơn 130 năm rồi, mà người Nhựt không bao giờ cho rằng đàn harmonium là đàn dân tộc Nhựt. Trong khi đó đàn shamisen (tam huyền), du nhập từ Trung Quốc do đàn san xian của Trung Quốc, nhưng nhờ đàn shamisen nói được ngôn ngữ âm nhạc của dân tộc Nhựt, mà đã trở thành một nhạc khí rất dân tộc của Nhựt Bổn.

Các dân tộc Ấn Độ, miền Nam lẫn miền Bắc, mà miền Nam nhiều hơn miền Bắc, đã chấp nhận cây đàn violon phương Tây như là đàn dân tộc Ấn Độ từ hơn 100 năm nay. Nhạc sĩ Ba Tư, Árập, Việt Nam cũng chấp nhận cây đàn violon, vì nó nói được tiếng nói âm nhạc của các nước ấy một cách rõ ràng trong vài trường hợp. Nhưng người Indônêxia, thà dùng cây đàn kéo cung rebab, người Khmer thà dùng cây tro chey, người Thái Lan thà dùng cây saw-sam-sai, hơn dùng cây violon, vì đàn này không nói được rõ ràng tiếng nói âm nhạc của các dân tộc ấy.

Do đó, chúng ta thấy rằng muốn được coi như là nhạc khí dân tộc, phải có được ít nhứt là ba điều kiện số 3, 4, 5 mà chúng tôi đã nêu phía trên. Nếu không, thì dầu cho có một thiểu số mê những nhạc cụ, nhạc khí du nhập từ nước ngoài, các nhạc khí ấy sẽ không bao giờ được mệnh danh là nhạc khí dân tộc.



(còn nữa)

# NGUYỄN TRƯỜNG TỘ : GIẤC MỘNG CHUA THÀNH

Vĩnh Sính

Cách đây đúng 120 năm (ngày 22 tháng 11.1871), Nguyễn Trường Tộ, tác giả những bản điều trần lịch sử, đã từ trần, thọ 41 tuổi. *Giấc mộng chưa thành*, song hoài bão, cái nhìn của ông và những vấn đề ông nêu ra từ hơn một thế kỷ, ngày nay vẫn nóng bỏng tính thời sự.

Nhân ngày giỗ của nhân vật kiệt xuất này, Diễn Đàn giới thiệu bài viết của sử gia Vĩnh Sính, giáo sư Trường đại học Alberta (Canada). Nguyễn thuỷ, đây là bài biên khảo dài 11 trang, tựa đề *Giấc mộng chưa thành — Vài suy nghĩ nhân đọc cuốn “ Nguyễn Trường Tộ : Con người và di thảo ” của linh mục Trường Bá Cẩn*, đăng trên báo *Đất Mới* (Canada), số tháng 1.1991. Chúng tôi đã có mấy dịp giới thiệu công trình của nhà sử học Trường Bá Cẩn. Một khác, bài viết của giáo sư Vĩnh Sính có một số phần chuyên môn, vượt quá khuôn khổ của Diễn Đàn. Vì vậy, chúng tôi đã xin phép, và được tác giả chấp thuận, trích đăng hai phần chính : phần thứ nhất nêu bật tầm cõi của tư tưởng Nguyễn Trường Tộ so với trí thức Việt Nam cùng thời (số này) , phần thứ hai soi sáng câu hỏi mà ta thường đặt ra : Nguyễn Trường Tộ đã tìm ở đâu những hiểu biết sâu rộng về thế giới bên ngoài ? Phần này, còn giúp ta so sánh tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ với tư tưởng của các nhà duy tân Trung Quốc và Nhật Bản (số sau). Chúng tôi thành thực cảm ơn tác giả Vĩnh Sính.

Đã từ lâu lăm, có lẽ từ khi cụ Phan Bội Châu và các hội viên của Duy Tân hội đang còn tìm cách gửi thanh niên Việt Nam sang Nhật du học qua phong trào Đông Du, các tên Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) thỉnh thoảng lại gợi lại cho người Việt Nam một niềm tự hào, tin tưởng vào giấc mộng canh tân đất nước. Ta tự nghĩ, nếu từ thập niên 1860, khi Việt Nam vừa mới chạm trán với những thách đố đầu tiên của Tây phương mà trong nước chúng ta đã có người nhìn xa thấy rộng như Nguyễn Trường Tộ thì quả thật nước ta đâu có thiếu nhân tài. Thoạt nhìn sang các nước láng giềng vào lúc đó thì số phận của họ đâu có gì sáng sủa hơn Việt Nam ! Ở Trung Hoa, sau thất bại nhục nhã trong chiến tranh Nha phiến (1839-1842), quan viên triều đình nhà Thanh vừa phải đương đầu với loạn Thái bình Thiên quốc, vừa phải tìm cách chấn hưng đất nước qua chính sách “ tự cường ”. Ngay số phận của Nhật Bản trước Minh Trị Duy tân (1868) cũng như ngàn cân treo sợi tóc : việc chính quyền

Tokugawa ký kết một loạt hiệp ước bất bình đẳng với các nước Tây phương vào năm 1858 không có sự thoả thuận của Thiên hoàng đã trở thành lý do để các nhóm chống đối (mà tụ điểm là các vú sỹ cấp dưới ở Satsuma và Choshu) buộc tội ; bên ngoài thì Pháp, Anh nhòm ngó : Pháp ủng hộ chính quyền Tokugawa và Anh ủng hộ nhóm Satsuma và Choshu. Nếu những tranh chấp và mâu thuẫn nội bộ của Nhật Bản không được khôn khéo giải quyết nhanh chóng và kịp thời để đổi phó hữu hiệu với tình hình quốc tế lúc bấy giờ thì Nhật Bản cũng đã trở thành một miếng mồi ngon cho các nước Tây phương, chẳng khác gì số phận các nước Á châu khác.

Nhìn gương canh tân của Nhật Bản kể từ Minh Trị Duy tân, ta thường ấm úc, than trách vua quan nước ta hồi đó đã không thức thời lắng nghe những lời trần tình của Nguyễn Trường Tộ, đến nỗi bỏ lỡ vận hội canh tân nước nhà. Mặc dù ta thường nói và nhắc nhở nhiều đến Nguyễn Trường Tộ, nhưng kỳ thật thì sự hiểu biết của chúng ta về nhân vật lịch sử này rất có giới hạn. Trước công trình nghiên cứu của Trường Bá Cẩn, chúng ta thường chỉ lặp lại những kiến thức sơ sài, tản漫 về Nguyễn Trường Tộ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, chứ không mấy ai có thể trình bày một cách có mạch lạc, hệ thống nội dung tư tưởng của nhân vật lỗi lạc này, hoặc giả phân tích và đánh giá vì sao tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ đi vượt tầm suy nghĩ của những trí thức Việt Nam lúc bấy giờ. Vì ta không biết học hỏi những lỗi lầm của người đi trước, thêm vào đó lại có khuynh hướng ưa trách người nhưng không chịu trách mình, cho nên ta thường chỉ biết oán trách vua quan triều Nguyễn đã thủ cựu, không tạo đất dụng võ để cho những nhân tài như Nguyễn Trường Tộ phải bị mai một. Mặc dầu những phê phán này thường xác đáng, nhưng vô tình trong lúc đó trên thực tế, nhiều khi không ai khác hơn là chính ta, lại đang dẫm chân trên lỗi lầm của những thế hệ trước. Bởi vậy, cái tên Nguyễn Trường Tộ không chỉ gợi cho ta niềm tự hào nhưng còn mang cái gì ấm úc, uất nghẹn của một giấc mộng mà cả dân tộc đã ấp úi lâu nhưng vẫn chưa thành.(...)

Sở học của Nguyễn Trường Tộ bao quát nhiều ngành, về khoa học kỹ thuật cũng như về các ngành nhân văn và khoa học xã hội. Chính Nguyễn Trường Tộ đã viết : “ Về việc học, không môn nào tôi không để ý tới : cái cao của thiên văn, cái sâu của địa lý, cái phiền toái của nhân sự, cho đến luật lịch, binh quyền, tạp giáo, dị nghệ, các môn cách trí, thuật số, không môn nào tôi không khảo cứu, nhất là để ý nghiên cứu về sự thế dọc ngang, tan hợp trong thiên hạ. Thường những người học được như vậy hay dùng đó làm phương tiện cầu vinh, để tiến thân, còn tôi thì dùng để báo đáp lại cái mà trời đã cho tôi học được, chứ không mong kiếm chắc một đồng tiền nào ” (tr. 120).

Trước hết, về khoa học kỹ thuật, là người chủ trương thực học, Nguyễn Trường Tộ chính là nhà kiến trúc sư phụ trách xây cất tu viện Dòng thánh Phaolô ở Sài Gòn (khởi công từ tháng 9 năm 1862 và hoàn thành vào tháng 7 năm 1864), một kiến trúc có tầm cõi, và cũng là một biểu tượng của văn hoá Tây phương ở ngay Sài Gòn mà ngay chính người Pháp lúc bấy giờ rất lấy làm hãnh diện. Một linh mục người Pháp, trong bức thư đăng trên tập san *Missions Catholiques* (Hội truyền giáo Công giáo) vào năm 1876 đã viết về vai trò của Nguyễn Trường Tộ trong việc xây cất tu viện như sau : “ Chính ông ta đã phải vẽ sơ đồ của tháp chuông và tự mình trông nom công việc một cách cẩn thận ; chính ông đã hoàn

thành nhiều phần khác của công trình. Mỗi ngày người ta thấy ông có mặt ở công trường và để ý tới từng chi tiết. Phải thú nhận là nếu không có ông thì không thể thực hiện được một công trình như vậy vào một thời điểm mà ở Sài Gòn chưa có thợ cũng như chưa có nhà thầu... " (trích dẫn ở tr. 29). Ngoài ra, Nguyễn Trường Tộ cũng chính là người chỉ huy đào Thiết Cảng để làm Kênh Sắt (còn gọi là kênh Nguyễn Trường Tộ), nối liền sông Cấm, hay sông Cửa Lò, với sông Vinh. Tương truyền là từ xưa Cao Biền khi sang đô hộ nước ta và Hồ Quý Ly đời nhà Hồ đều có dự định đào kênh này, nhưng cả hai đều không thực hiện được vì dưới đất có nhiều đá cuội. Khi được tổng trấn Nghệ An lúc bấy giờ là Hoàng Tá Viêm mời ra giúp đào kênh, Nguyễn Trường Tộ đi xem xét rồi tìm ra cách giải quyết ngay. Ông nói là nếu ở Pháp thì người ta dùng cốt mìn để phá, còn như ở nước ta không có mìn, chỉ cần đào tránh khúc có nhiều đá lớn là xong (tr. 36). Về máy móc, hình như Nguyễn Trường Tộ cũng biết khá nhiều, trong bản điều trần về việc mua và đóng thuyền máy, Nguyễn Trường Tộ khẳng định : " Theo tôi thiết nghĩ hiện nay người Nam ta biết qua các loại máy tàu và các lý thuyết điều chỉnh tu sửa, không ai hơn được tôi, từ nay về sau thế nào thì không dám nói " (tr. 155).

Về khoa học xã hội, Nguyễn Trường Tộ tỏ ra bén nhạy trên nhiều lĩnh vực, ông có cái nhìn vừa bao quát, liên ngành, vừa thông suốt và tận gốc. Những bản điều trần của ông bao gồm nhiều lĩnh vực : đại thể trong thiên hạ, kế hoạch làm dân giàu nước mạnh, cần nắn vững tình hình chính trị ở Pháp, canh tân và mở rộng quan hệ ngoại thương, thực học, cải cách phong tục, tự do tôn giáo, sử dụng quốc âm v.v... Học giả Trương Bá Cần trong phần "Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ" đã phân tích tường tận, sâu sắc — nhưng không thiếu tế nhị — chương trình cải cách có hệ thống, toàn diện của Nguyễn Trường Tộ.

**D**ọc những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ gửi cho triều đình Huế từ 1861 cho đến khi ông từ trần, chúng tôi không khỏi liên tưởng đến những đề án có tính cách khai mông của những học giả trong hội trí thức Meirokusha (*Minh lục xã*, tức là hội thành lập vào năm thứ sáu [1873] đời Minh Trị) đăng ở tập san Meiroku Zasshi (*Minh lục tạp chí*). Thành viên của Meirokusha gồm có những trí thức lừng danh lúc bấy giờ như Fukuzawa Yukichi (*Phúc trạch Dực át*, 1835-1901 ; người sáng lập ra trường Keio Gijuku và cũng là một nhân vật có ảnh hưởng vô cùng lớn rộng trong công cuộc đổi mới giáo dục và tư tưởng của người Nhật) cùng nhiều nhân vật khác, hầu hết là cha đẻ của nhiều ngành khác nhau như chính trị học, luật học, triết học, thống kê, canh nông... ở Nhật Bản thời Minh Trị. Họ bàn về những vấn đề bức thiết ở Nhật lúc bấy giờ như vai trò của trí thức trong công cuộc mở mang dân trí và canh tân đất nước, cần phải dựa vào công luận (thay vì chính quyền) để phát triển văn minh, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do mại dịch, cải cách tài chính, cải cách giáo dục, khai luận về văn minh Tây phương, vấn đề sử dụng chữ *hiragana*... Điều khác nhau giữa Nhật Bản và Việt Nam là lúc bấy giờ hội Meirokusha quy tụ có gần 30 trí thức (đó là chưa kể vô số học giả khác ở ngoài hội) được dân chúng và chính phủ nể vì, còn ở nước ta, không những hầu như chỉ có một mình Nguyễn Trường Tộ, mà chính ông ta lại còn bị đình thần nghi ngờ đố kỵ, bởi vậy những lời điều trần của ông chẳng khác gì một tiếng kêu tuyệt vọng trong bãi sa mạc, không thay đổi được gì vận mệnh của đất nước như ông mong ước.

Một điểm khác biệt giữa Nguyễn Trường Tộ và các trí

thức Việt Nam cùng thời là ông có thể nhìn, đánh giá và tìm cách giải quyết một cách nhanh chóng hiểm họa mất nước của Việt Nam dựa trên những phân tích về tình hình thế giới, tình hình chính trị ở Pháp, mâu thuẫn giữa Pháp và các nước Tây phương khác, xác định đâu là "đại thế" và xu hướng văn minh trên thế giới lúc bấy giờ, để cuối cùng đưa ra chủ trương hoà hay chiến tuỳ theo điều kiện và thời điểm cụ thể. Trình bày về quan điểm của Nguyễn Trường Tộ về phương pháp cứu nguy cho Việt Nam lúc bấy giờ, ông Trương Bá Cần nhận xét : " Qua các di thảo của Nguyễn Trường Tộ, chúng ta thấy là ông không hề mơ hồ về ý đồ của thực dân Pháp đối với đất nước chúng ta (...), âm mưu xâm lược của chúng đã có từ rất lâu, vì vậy chỉ có thể trên cơ sở đánh mạnh, khiến chúng phải khốn đốn, thì chúng mới chịu hoà, và trong điều kiện ấy, ta mới có thể hoà một cách có lợi ". Cuối cùng, tác giả kết luận : " Đối với Nguyễn Trường Tộ, vấn đề canh tân phát triển đất nước là vấn đề hàng đầu. Do đó, Nguyễn Trường Tộ chủ trương mở rộng giao thương với các nước và tạm hoà với Pháp, tạm nhượng bộ Pháp " (tr. 84-86).

Chủ trương của Nguyễn Trường Tộ trên thực chất không khác chủ trương đối ngoại của Nhật Bản vào những năm cuối thời Tokugawa (Đức Xuyên) và đầu thời Minh Trị. Mặc dù Nhật Bản đã phải ký kết những hiệp ước bất bình đẳng với các nước Tây phương dưới chính quyền Tokugawa, sau khi chính quyền này bị lật đổ, những nhà lãnh đạo của chính phủ mới (Minh Trị) đã tạm thời nhượng bộ. Năm 1871, chính phủ Minh Trị cử một phái bộ cao cấp, đoàn viên có gần 50 người, gồm cả những người có trách nhiệm lớn nhất trong chính phủ lúc bấy giờ, do Iwakura Tomomi dẫn đầu với tư cách là đại sứ đặc mệnh toàn quyền sang thăm viếng 15 nước Âu Mỹ trong thời gian gần hai năm với mục đích chính là thương lượng nhằm sửa đổi các điều ước này. Tuy mục tiêu thương lượng hoàn toàn thất bại, phái bộ Iwakura qua lần công du này được quan sát tận mắt tình hình của các nước trên thế giới, và khi trở về Nhật càng tập trung vào nỗ lực canh tân đất nước. Ta cũng nên để ý rằng, trên thực tế, phải đợi đến 40 năm sau (1911), liệt cường mới hoàn toàn xoá bỏ các điều khoản bất lợi cho Nhật, và khi đó — hay nói đúng hơn, vì khi đó — Nhật Bản đã trở thành một cường quốc, về kinh tế cũng như về quân sự.

Nói tóm lại, lối nhìn của Nguyễn Trường Tộ khác hẳn với lối suy nghĩ thụ động, cứng cỏi, và rập khuôn của hầu hết sĩ phu trong nước lúc bấy giờ. Do ảnh hưởng của thế giới quan Nho giáo, họ cứ khu khu quan niệm, hoặc ý thức hoặc vô ý thức, rằng nước ta là trung tâm của vũ trụ, hay một *tiểu vũ trụ* (giống như người Trung Hoa quan niệm nước họ là trung tâm của thế giới, chỉ có điều là nước ta nhỏ hơn nhiều, và họ là Bắc triều còn ta là Nam triều), xem Trung Quốc (*Thiên triều*) là nước duy nhất có thể trông cậy để cứu ta khỏi hiểm họa mất nước<sup>1</sup>. Họ quên rằng chính bản thân Trung Quốc lúc đó cũng đang bị liệt cường xâu xé, đâu còn sức nào để giúp đỡ cho Việt Nam.

(còn tiếp)

Vĩnh Sính

<sup>1</sup> Người viết đã có dịp trình bày điểm này chi tiết hơn trong bài *Japanese and Vietnamese Attitudes toward China : a Comparison* (Thứ so sánh lối nhìn của Nhật Bản và Việt Nam đối với Trung Quốc) đăng ở tập san *Asian and Pacific Quarterly*, XXI, 2 (Autumn 1989), tr. 1-13.

# CƯ TRÚ

truyện ngắn

**S**ử dụng phép so sánh nghĩa là phải đặt ngôi nhà của em trong một tương quan nào đó. Người ta sẽ đánh giá nó to lớn hay bé nhỏ, hỏng nát hay còn bền chắc, vị trí sinh sống thuận lợi, hay không thuận lợi, rồi hướng nắng, gió v.v... cùng các chỉ tiêu khách quan chủ quan khác. Ngôi nhà được xác định giá trị. Thậm chí chỉ cần vài lời mô tả họ vẽ ngay ra diện mạo, làm em nghĩ ngợi sự hiểu biết của chính em về nó. Em sinh ra, lớn lên ở đây, thuộc từng chỗ mèo ngồi rình chuột, những mảng tường lở lói rêu phong nơi dòng kiến âm thầm đi qua, mọi xó tối em náu mình chơi trốn tìm, hồi hộp khi bạn em thở hổn hển bên cạnh rồi lại huỳnh huỳnh bỏ chạy... Ngôi nhà không thể chỉ là cái vỏ câm lặng chứa người. Nhưng khi nào em lấy chồng, sinh con, người ta gọi là khi em trưởng thành, trở nên một người thực tế em sẽ hiểu vấn đề nhà cửa.

Những cư dân lớn tuổi lúc mất điện, hiếm nước, tắc xí, trẻ nhà nọ đánh trẻ nhà kia, hoặc trời quá nóng nực lại than vãn rằng : ngày xưa ngôi nhà không như thế, nó yên tĩnh, thoáng mát và nhất là ít người. Họ kể với nhau xưa

nữa đây là cái vi-la của một phú thương người Nhật, cũng theo họ, buồng nhà em là buồng kho áp mái. Căn buồng hướng đông - tây, hướng đông mặt phố, chỗ cây bàng già nua vươn cành ngang cửa sổ, những con sâu kèn dai dẳng tàn phá khiến mỗi chiếc lá bị ăn thủng xác xơ như miếng lưới vớt cá. Phía tây, cùng với các hậu nhà khác lập thành cái giếng trời bốn cạnh. Căn buồng đủ các điều kiện hưởng nắng gió, nhiều nắng gió quá rất hao người. Mẹ em hồi còn sống gầy lấm, dương còng cõm nhom, trên bàn thờ ảnh cha em trong tấm băng Tổ quốc ghi công là một người nhỏ bé, tiêu tuy. Còn em, em thấy mình giống con muỗi đói màu xám. Ngôi nhà không ngừng đông lên. Trong dịp mùng một tháng sáu năm nay có ba đứa trẻ sinh cùng tháng trên cả ba tầng. Người lớn lại than vãn mỗi khi chúng đồng thanh thét đòi ăn đêm. Sự nhập cư, tăng trưởng dân số từ lâu đã lấp đi gần triệt để các khoảng ánh sáng trong ngôi nhà. Cái giếng trời, ống thông gió của hơn mười gia đình chỉ còn bằng vuông chiếu. Sau đêm mất bốn chiếc xe đạp, các gia đình rồng rã cãi nhau chia quyền sử dụng. Nhờ chính quyền can thiệp đúng lúc, bảy giờ trù chuồng xí, hai bể nước (trong ngoài) các lối đi hẹp đến mức có thể, không ai tu hưu được. Mọi diện tích, không gian còn lại đều có chủ giới. Theo em, an ninh được lập lại từ phía khác. Giữa trưa nắng, khách lên các tầng trên đều bị lạc, cầu thang, lối đi thiếu sáng đến nỗi mỗi chỗ ngoặt rẽ phải đặt một ngọn đèn dầu " chín ngọn nến " cháy trong bụng quả núi. Khi lên, đó là con đường ngoằn ngoèo hướng tới đỉnh tháp. Khi xuống, là con đường xuống hầm mộ. Bọn trộm nếu không có sợi chỉ dẫn đường, chúng sẽ chết đói giữa ma trận, hoặc chúng phải báo công an với cương vị trộm. Ngôi nhà là pháo đài bất khả xâm phạm. Nếu so sánh, em muốn chọn một lâu đài trong câu chuyện cổ của một vị hoàng hậu Ả-rập.

**C**ó những cái chết làm người ta không nguôi oán trách Thượng đế, người đưa linh hồn người chết về chầu trời. Nhưng những người sống và đương như cả người chết không chấp nhận cuộc chia ly. Khi đặt xô nước đầy xuống thềm chiếu nghỉ để thở, nắp ngọn đèn

cháy leo lết theo các đoạn gấp khúc báo cho em biết đã leo được nửa chiều cao ngôi nhà. Em nghĩ đến mẹ em, cái xô này ba năm trước mẹ vẫn tập tành xách nước. Sao em chưa một lần đỡ mẹ, kể cả những lúc em bước bên cạnh mẹ hối hả kể mọi chuyện vừa học được ở trường, sốt ruột lúc mẹ hồn hển thở ngắt quãng trong những câu trả lời. Ý nghĩ không chỉ là sự liên hệ nội tại, có thể quét tới mọi điểm, chạm đến vô hình mỗi khi nó mãnh liệt thét lên. Em trò chuyện với mẹ em cả vài tâm sự, bảo ban, cuộc độc thoại miên man, che chở, giảm bớt hiểm nguy cho em trước mọi hành vi gây tổn thương từ bên ngoài. Trong cái cầu thang tắm tối, ý nghĩ giúp em giây lát nắm lấy bàn tay mẹ, bàn tay có mấy nốt chai cứng, ấm và mềm lạ lùng. Tay mẹ gạt những sợi tóc vương trước trán em, than rằng : " Tóc con đẫm mồ hôi ". Em sẽ còn mãi mãi oán trách Thượng đế, bởi những người gây dựng, chống đỡ cho cuộc sống này lao lực lần lượt ra đi. Kéo xô sau cùng lên tầng ba, mắt em thấy những con đom đóm bay trên mồ mả. Mẹ sẽ lại bảo tóc con lúc nào cũng đẫm mồ hôi.

Trời xanh cao, gió kéo đám mây trắng quấn quanh khối nhà cao tầng phía xa như tấm khăn choàng tặng. Nắng lên có bóng đổ, bảy giờ " phố " em đánh răng xong. Bên những hố nước thẳng hàng như công sự trên vỉa hè đã vân người. Tháng bảy phố là sa mạc, nước thành phố chỉ nhỏ vào các bể chứa lúc nửa đêm về sáng. Nửa thế kỷ nữa nếu không có những mùa mưa làm gián đoạn, phố em sẽ chui vào lòng đất tìm nước, tránh nắng. Cư dân của ngôi nhà trật tự xếp hàng trước cửa nhà xí. Người thứ nhất bình tĩnh đọc báo, người hàng xóm đứng sau lưng bắt chéo chân vừa nhăn nhó, vừa vò giấy không ngừng.

Trong nhà, dương em đã thúc dậy đang chờ em giữ chiếu quét dọn, treo mọi phương tiện để ngủ lên tường. Em pha trà dọn chỗ ngồi cho dương, vị trí bất di bất dịch, dương ngồi bất động, khuôn mặt chẳng bao giờ có được vẻ thanh thản, nỗi lo lắng xúc động làm hẵn lên những vết đỏ chạy theo các đường cơ mặt, nhất là vùng mắt. Đôi mắt đục rưng rưng chi chít tia máu, lâu lâu dương lại lấy khăn lau mắt khi lê đã sa thành dòng. Trời oi quá, không

khí đầy hơi nước. Từ ngày mẹ em mất, năm năm nay dường ngồi như thế, thời gian trôi bên trong cõi lòng, mọi tâm tưởng tách khỏi đời sống. Dì vắng như muôn ngàn con sóng lớp lớp đè lên nhau, con sóng sau nặng nhọc ưu phiền hơn, cay đắng, hay xúc động hạnh phúc hơn. Dường đã vịn vào mẹ em, sau cái chết của cha em, mẹ em tìm lại dường, tìm một ký niệm không còn sức sống...

Hàng ngày em xách mười tám xô nước cho năm gia đình trên tầng ba. Từ lao động đó em nhận được một phần tư thu nhập hàng tháng. Ba phần tư còn lại em kiếm bằng nghề may và sự tần tiện. Một tuần hai lần em tối cửa hàng của dì em trên phố, nhận những xấp vải đã cắt sẵn, tiền công, cùng với vận câu nhấn mạnh sự từ tâm của dì. Em cúi đầu ghi nhận, em ngàn lần biết ơn. Dì chưa hài lòng, dì chẳng thích nhìn mãi bộ mặt cam chịu, cả thân hình gầy cao mang xương cốt của mẹ em. Cái gương toàn thân trong cửa hàng bóc trần em, minh họa lời dì : “Cái cổ xấu cũng lớn nhanh”. Em cố xé dịch tìm cách thoát khỏi cái gương ấy, trong gương em là cây bút chì xanh, ngọn cỏ cong. Dì lại nhắc em giữ vệ sinh cho vải. Chú em đỡ cho em bằng một nhận xét thỏa đáng : “Gày là vệ sinh, bà trong nó đã hết chỗ để gày, vì trùng còn ký sinh vào đâu được” Trên đường trở về, lúc đi qua dãy hàng kem nhao nhao lời chào mời, em chọn một cô bé ngồi cuối dãy, xanh gầy như em. Ở đây có những que kem vệ sinh nhất thế giới. Chỉ ba lần mút que kem đã như lưỡi dao mỏng ngậm trong miệng. Em vẫn không thôi ý nghĩ : Tại sao gầy lại làm cho người ta tin là sạch sẽ.

Dù đuổi súc chạy tìm kiếm cơm áo, chiếc máy khâu của em vẫn có thể tăng tốc độ khi gặp một đường may thẳng và dài. Những khi nó ngừng lại, tiếng chày từ dưới đất lại vọng lên mồn một. Ở mỗi nơi cư trú của mỗi người, hẳn phải có một môi trường âm thanh vây bọc chúng ta hàng ngày. Thật khó có thể tách trong hồi ức của mình phần cái ta nhìn thấy và cái ta nghe thấy, xúc cảm đó cùng lúc. Bàn máy của em quay ra hướng giếng trời, ngăn cách bởi

một cái ban-công tự tạo, thiếu súc vóc đàn ông nên nó quá nguy hiểm cho ai bước ra đó. Nó được làm với ý muốn giành một mẩu diện tích mà chẳng ai giành với mình, chứ không phải để sử dụng. Nguy hiểm chỉ kích thích ham muốn. Khi nào tiếng chày vừa dứt em rón rén bước ra thềm ban-công, thận trọng vịn vào thanh củi mục gá thành lan can và nhìn xuống... Cảm giác nôn nao tê liệt, thiếu một chút kiềm chế em sẽ bước ra khoảng không hun hút, chỗ những con nhện đang bám lưỡi, thấy bóng người chúng bò tụt xuống chạy trốn. Chàng Hercule của em có nửa tấm thân mê hồn sống ở tầng dưới cùng. Anh già giờ cho mẹ anh bán ngoài phố. Trước cửa buồng anh ấy có một khoảng sân con, chính ngọ nắng chỉ đọng lên bốn viên gạch. Tiếng chày dừng, anh ra khỏi buồng đứng lên bốn viên gạch để nạp không khí vào phổi. Hai tay buông xuôi, chậm chạp ngả đầu về sau, tư thế người muốn lập quan hệ với bầu trời. Ở điểm tinh của động tác đó, hai mắt nhắm nghiền, khuôn mặt gầy guộc, xanh xao, toàn thân trần trụi chỉ được che bởi một rèo quần đùi, đôi vai, đôi cánh tay, đôi vòng ngực cuồn cuộn cơ bắp. Em choáng váng, quên đi hết thảy, nhoài người ra khỏi chỗ nấp như người phụ nữ Islam tháo mang che mặt. Xin tha thứ cho em trong phút vụng trộm, em nhìn thấy thiên nhiên, thấy cây cổ thụ vỏ thân xù xì khiến em đau khi áp mình vào nó, vẻ man dại của con sóng khổng lồ băng băng lượt vào bờ, vừa thèm khát vừa sợ hãi khi nó đến trước mặt phủ trùm lên em, trái núi đổ xuống cỏ hoa nhỏ nhoi trên mặt đất. Một nửa thân hình chàng Hercule làm em nhức nhối và lớn lên ở đâu đó trong cơ thể mình. Thế giới tự nhiên sẽ tê liệt nếu các thành phần của nó không tác động được vào nhau. Anh quay vào buồng giống con bọ dùa hay con gấu bò về lỗ hang. Tiếng chày già giờ lại nện thình thịch trong lòng đất. Một con vật giống đực to, đen, len lỏi giữa rừng lúc chập choạng tối, nó thở rất mạnh, mỗi bước đi tiếng ầm dội vang rừng sâu. Hình ảnh đó trở đi trở lại trong các giấc em mơ.

Bà cụ ở tầng hai, trần nhà người hàng xóm đó là sàn nhà em. Cụ mất đầu đêm. Người con trai cụ khóc đến ba

giờ sáng, khản giọng, chị con dâu khóc tiếp sức đến sáng. Tiếng khóc, tiếng vật mình, hờ, gọi, loan báo cho một vùng cư dân một người trong số chúng ta đã ra đi. Đêm đó những con gà trống bị thúc giắc, gáy nhiều lần. Quần một ngày trong nhà. Sáng hôm sau em dắt tay đứa cháu gái cụ đi sau xe tang, nó thấp bé như cái nấm, tiếng khóc rền rĩ át tiếng nó hỏi em, em cúi xuống để nó nói vào tai. Nó bảo : “Sao mũi cô lại có trứng cá”, rồi nó tự trả lời ngay : “À, tại hồi bé cô tập bơi dưới nước”. Trong ánh sáng hiu hắt của mấy ngọn đèn dầu, chắc cụ không thể nhìn thấy gì. Nhưng hình như cụ nghe thấy tiếng chân người và lập cập nép vào tường nhường lối. Bây giờ em mới hiểu những người già cố tần tiện, tần tiện thức ăn, khí trời, tần tiện một chỗ đứng nghỉ khi lên cầu thang trong xó tối. Lúc còn sống đã tự giác để mọi người quen dần với sự vắng mặt của họ. Cầu thang tối om ngào ngọt mùi hoa, mùi hương suối trong bốn mươi chín ngày.

Đêm, là tiếng hú dài sâu trong thung lũng vọng ngân thê thiết. Khởi đầu gió đầy lá, chúng run rẩy lay nhau thúc dậy, âm thanh lao xao, gió vẫn chạy tới khi cả những cành lớn cũng vặn mình..., cứ thế đêm lan tỏa. Trăng như mảnh bạc bị ăn mòn, miếng nước đá đang tan. Dưới chân em từ cái giếng trời vắng lên tiếng ngáy, tiếng trẻ giật mình khóc, tiếng nói mê... Đây giếng chàng Hercule nằm trên tấm ván hẹp, trăng đổ ánh thiếc lên người, phần dưới tấm thân vạm vỡ, đôi chân của đứa trẻ mười hai tuổi. Ông Darwin đã cho rằng lao động giúp chú vượn người đứng lên băng hai chi dưới, lập nên tỷ lệ hình thể con người, đó là sự tiến hóa. Với cái nghề già giờ, chàng Hercule của em đang phá vỡ tỷ lệ bản thân mình, can thiệp vào học thuyết của ông Darwin. Chú bé phụ việc từ năm mười tuổi, vài năm sau chú thua bạn con gái trong trò chơi đuổi bắt. Lúc sân vắng người, anh vẫn cõi ra, ngồi xổm trên chiếc ghế nhỏ, hai chân quặp miện cõi, cúi gập người, hai tay vung hai đoạn chày nặng giã vào lỗ cõi, toàn thân đẫm mồ hôi, mảnh quần cộc cũng ướt sũng. Cứ như thế chi dưới nhỏ dần, nửa thân trên nở nang săn chắc. Chàng Hercule gù và teo chân. Ý kiến của cô bé dưới nhà thì khác, nó bảo với em : “Chú ấy là con

của chú thương binh".

Nửa tháng nay chiều nào cũng có giông. Phần hiên của mái, chỗ nước mưa tè tựu trước khi ò xuồng máng thoát nước bị vỡ. Lúc trời trút nước em che tạm mảnh tôn chỗ góc tường để tránh hắt, nước bắn vào tấm tôn như đạn nổ. Gió xô những cành bàng quất lên cửa sổ, trời chớp lòe, sấm. Dưới đường, dây điện đứt ở quãng nào đó, tiếng người hét, chạy... Em kinh hãi ngồi nép trong góc nhà. Dương run rẩy cầm ba nén hương lên bàn thờ. Mùa mưa đến rồi, có lẽ thời tiết chẳng có mùa, không nắng thì mưa, xuân mưa ; hè mưa ; thu mưa ; đông mưa kèm rét. Xứ sở chúng ta bốn mùa mưa, em ngờ rằng dân tộc mình rất vĩ đại nhưng thiếu những công trình có tầm vóc như thế, bởi thiên nhiên chưa cho chúng ta nhiều cơ hội khô ráo để xây dựng những công trình cho các giống nòi khác khiếp sợ. Đã hai tiếng mưa giông, em đã thoi sốt ruột, thoi ao ước rằng mưa chắc chắn phải chợt ngừng do nỗ lực khẩn cầu của em, do sự nhiệm mầu, do thiên nhiên đuối sức. Hình như dương gọi em, tiếng mưa lấp tiếng gọi yếu ớt của dương. Một cái thiếp mồi trong phong bì, ý nghĩ vui vẻ chạy nhanh trong đầu : của ai vậy ? Tên chú rể, số nhà, danh tính bà quả phụ. Sự trùng khớp kỳ lạ. Sự thật là tiếng sấm nổ đập vỡ bầu trời. Dương rụt rè quay

mặt đi, sau câu nói vội của người biết lối : " Họ đưa mấy hôm nay rồi, với lại tưởng con đã biết".

Tối đón dâu phố xá ngập nước. Thiếp cưới đã phát đi khắp nơi, không thể thu hồi được. Nước dâng cao, xe hoa phải dỗ cách cổng ngôi nhà chúng năm mươi mét. Thành phố cắt điện đã hai ngày, cả phố gop đèn dầu kết hoa trên vòm cổng. Em cầm một chiếc đèn cùng với những người trong ngôi nhà đứng làm hai hàng tiêu cho lối đi trong nước. Mọi người từ trong xe bước xuống lội giữa dãy người cầm đèn để tránh cống, tránh những miệng bể chứa nước — những chuồng ngai vật. Anh chụp ảnh lội giật lùi, thanh niên cõng các cụ già, chú rể đỡ cô dâu vào chiếc thuyền thúng do bốn chàng trai ghì giữ. Con thuyền hoa đã bồng bềnh tiến, mặt nước nhân đôi tất cả những ngọn đèn. Mưa chỉ còn lắc rắc, bánh pháo quẩn quại nổ giữa vòm cổng, xé xác pháo rơi bời trước mũi thuyền hạnh phúc của chàng Sơn Tinh.

Cuộc vui tổ chức nhò trên tầng hai. Em ngồi lẻ loi sau những bông hoa bướm, chúng nở vô tình trước mắt em. Chú rể y phục sạch sẽ, chiếc quần màu cỏ úa giấu đi đôi chân gày gò, cái áo sơ-mi trắng khiến anh là người đàn ông hoàn toàn. Cô dâu e lệ trong chiếc áo dài thanh thiên, vẻ trẻ thơ ở nụ cười,

vương trên đôi môi màu vỏ mận ra chào khách. Đó là khả năng giao tiếp thiên bẩm của phụ nữ, cô bước qua ranh giới con gái sang đàn bà một cách nửa hồn nhiên nửa dụng ý. Hình như lệ dâng trong mắt em. Chàng Hercule bằng đôi chân mảnh khảnh đã trèo tới đỉnh con dốc dôi lúa.

Em chỉ xin thêm một chút về cái giếng trời trong ngôi nhà. Mỗi buổi chiều, lúc tiếng chày thôi đậm vào cối, người đàn ông cùng vợ con ra ngồi hóng gió. Chú bé bụ bẫm đứng trên đôi chân khoẻ mạnh, được bố đưa cho sợi chỉ buộc quả bóng. Chú thả cho quả bóng lặng lẽ bay trong cái giếng trời, ngập ngừng dừng bên cái lan-can xiêu vẹo trước buồng nhà em. Quả bóng xanh lơ bắt gặp những tia nắng hướng tây duỗi sức, rạng chiều vàng kim nhuộm nó như một ảo ảnh trong suối rực rỡ.

Em lại ngừng đạp máy, mạo hiểm bước ra thăm ban-công và nhìn xuống...

Trần Chính

Hà Nội, 7-1990  
Văn Nghệ  
số 1, ngày 5.1.91



Minh họa của PHẠM QUANG VINH

DIỄN ĐÀN FORUM @ 193 rue de Bercy, 75582 PARIS CEDEX 12

Directeur de publication : Hà Dương Tường © Dépôt légal : 178/91 @ Commission paritaire : en cours

25FF